

**PHỤ LỤC I: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI ĐÔ THỊ***(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 100/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)**Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²*

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	PHƯỜNG TÂN PHONG					
1	Đường 30 - 4	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Hết Bệnh viện Đa khoa tỉnh	7.900		
2	Đường 30 - 4	Tiếp giáp Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	5.600	1.500	630
3	Đường 30 - 4	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	Tiếp giáp đường Trường Chinh	4.200	1.500	630
4	Phố Trần Đăng Ninh	Tiếp giáp đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	2.200	750	530
5	Đường Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	2.600		
6	Phố Trần Đại Nghĩa	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch (Trường THCS Đông Phong)	2.600		
7	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Trường Chinh	3.300	760	530
8	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	5.400	1.400	600
9	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	6.500	1.400	630
10	Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Cuối đường đại lộ Lê Lợi (Giáp chân núi Nùng Nàng)	6.500	1.400	630
11	Đường Hoàng Hoa Thám	Phố Yên Thế	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	2.200		
12	Đường Hoàng Hoa Thám	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Phú	2.600	740	520
13	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	3.300	860	530
14	Đường Trường Chinh	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	4.000	1.180	680
15	Đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường 30-4	3.500	1.040	570
16	Đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đại lộ Lê Lợi	4.000	1.180	680
17	Đường Nguyễn Lương Bằng	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường hình bán nguyệt (Khu vườn cây)	4.200		
18	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng	3.300	1.500	570
19	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	6.500	1.700	850
20	Đường Nguyễn Viết Xuân	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Thanh Niên	1.300	510	360
21	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	4.000	1.500	550
22	Đường Võ Văn Kiệt	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng kéo dài	3.300	1.400	680
23	Đường Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình	1.300		
24	Đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	2.200		
25	Đường Nguyễn Thái Bình	Tiếp giáp đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	3.300		
26	Phố Vương Thừa Vũ	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thụ	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình	1.500		
27	Phố Phạm Hồng Thái	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thụ	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình	1.500		
28	Đường Trần Khát Chân	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thụ	1.500		
29	Đường B10 (13,5m)	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đường Tô Vĩnh Diện	1.500		
30	Phố Hoàng Đình Cầu	Tiếp giáp phố Nguyễn Thái Bình	Tiếp giáp phố Vương Thừa Vũ	1.500		
31	Phố Phạm Ngũ Lão	Tiếp giáp đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	1.500		

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
32	Phố Nguyễn Phong Sắc	Giao với đường quy hoạch số 2-15	Tiếp giáp phố Phùng Chí Kiên	1.100		
33	Đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	2.200		
34	Đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp tuyến số 1 và tuyến số 4	Tiếp giáp phố Phùng Chí Kiên	1.100	550	330
35	Tuyến số 1 (Đường Phạm Văn Đồng kéo dài)	Tiếp giáp tuyến số 3	Tiếp giáp tuyến số 4	1.900	630	370
36	Tuyến số 3, số 4	Tiếp giáp đường Nguyễn Lương Bằng	Tiếp giáp tuyến số 1	1.900		
37	Đường nhánh tổ 23, phường Đồng Phong cũ	Tiếp giáp phố Trần Đăng Ninh	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng kéo dài	700	320	220
38	Phố Phùng Chí Kiên	Tiếp giáp đường Nguyễn Lương Bằng	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	1.100		
39	Phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	3.300		
40	Đường Nguyễn Khuyến	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	2.200		
41	Đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	2.200		
42	Phố Trần Bình Trọng (Đường A4)	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	1.300		
43	Phố Trần Nhật Duật (Đường A5)	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	1.300		
44	Phố Trần Quang Khải	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Trỗi	1.300		
45	Phố Nguyễn Huy Tưởng	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	1.300		
46	Phố Nguyễn Văn Ngọc	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Nguyễn Đồng Chi	1.300		
47	Phố Ngô Gia Tự	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Nguyễn Đồng Chi	1.300		
48	Phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Trần Nhật Duật	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1.300		
49	Phố Nguyễn Đồng Chi	Tiếp giáp phố Trần Nhật Duật	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1.300		
50	Đường A16, A17	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	1.300		
51	Phố Ban Mai	Tiếp giáp với đường Phạm Ngọc Thạch (Trường mầm non Hòa Mĩ, Tổ dân phố số 26)	Tiếp giáp với phố Nguyễn Văn Trỗi (số nhà 519, tổ dân phố số 26)	1.300		
52	Phố Nguyễn Văn Trỗi (Gồm 2 nhánh)	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	1.900		
53	Phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp đường Nguyễn Khuyến	1.300		
54	Phố Mạc Đĩnh Chi	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	1.300		
55	Phố Trương Hán Siêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	1.300		
56	Phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp phố Trần Đại Nghĩa (20,5m)	1.900		
57	Phố Lý Tự Trọng	Tiếp giáp phố Trần Đại Nghĩa	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	1.300		
58	Phố Triệu Quang Phục (1B-6)	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	1.900		
59	Phố Đặng Dung (1B-7)	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	1.300		
60	Phố Nguyễn Trung Trực (1B-8)	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	1.300		
61	Đường 1B-9 (13,5m)	Tiếp giáp phố Trần Đại Nghĩa (20,5)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	1.300		
62	Phố Lương Định Của	Tiếp giáp phố Nguyễn Trung Trực	Tiếp giáp đường 30/4	1.300		
63	Phố Phùng Hưng	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp với đường Phạm Ngọc Thạch	1.300	650	390
64	Đường nhánh cạnh nhà nghỉ Hoa Ban (Giáp BCH QS tỉnh)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp trường tiểu học San Thàng	900	390	230
65	Đường Hoàng Văn Thụ	Tiếp giáp phố Trần Đăng Ninh	Tiếp giáp đường Trần Khát Chân	1.900		

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
66	Phố Mường Kim	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp Phố Nguyễn Thị Minh Khai	1.900		
67	Phố Hương Phong	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	1.900		
68	Đường Hoàng Quốc Việt	Tiếp giáp đường TT-2	Giáp đường Nguyễn Văn Linh	2.000		
69	Đường Hoàng Quốc Việt	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường Trường Chinh	2.000		
70	Đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp đường Trường Chinh	1.900		
71	Phố Phan Đăng Lưu	Tiếp giáp Phố Mường Kim	Tiếp giáp phố Hương Phong	1.600		
72	Phố Yết Kiêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	Tiếp giáp đường Hoàng Quốc Việt	1.900		
73	Phố Nguyễn Thị Minh Khai	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	1.900		
74	Phố Lê Thanh Nghị	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	1.900		
75	Phố Nguyễn Duy Trinh	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	1.900		
76	Đường số 5-12 (13,5m)	Tiếp giáp phố Lê Thanh Nghị	Tiếp giáp phố Nguyễn Duy Trinh	1.900		
77	Phố Nguyễn Đức Thuận	Tiếp giáp với đường Hoàng Quốc Việt (số nhà 001, tổ dân phố số 16)	Tiếp giáp với đường Hoàng Quốc Việt (số nhà 024, tổ dân phố số 16)	1.900		
78	Đường số 5-11 (13,5m)	Tiếp giáp Đường Hoàng Quốc Việt	Hết ranh giới đất chợ Tân Phong 2	2.000		
79	Đường số 1 (Khu TTHC - 46 hộ)	Tiếp giáp đường Hoàng Quốc Việt	Giáp đường Nguyễn Văn Linh	2.000		
80	Phố Lê Văn Lương	Tiếp giáp đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	1.100		
81	Đường nhánh số 2, 3	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp phố Lê Văn Lương	900		
82	Đường Trần Văn Thọ	Tiếp giáp đường T03	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	1.900	710	500
83	Đường Trần Văn Thọ	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	1.900	710	500
84	Phố Trịnh Hoài Đức (T01)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	1.900		
85	Phố Lê Văn Hưu (T02)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	1.900		
86	Đường T03 (13,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Cuối đường	1.900	600	420
87	Phố Nguyễn Khánh Toàn	Tiếp giáp với đường Hoàng Văn Thái (số nhà 023, tổ dân phố số 19)	Tiếp giáp với đường Trần Văn Thọ (giữa số nhà 033 và số nhà 035, tổ dân phố số 19)	2.000		
88	Đường Bùi Thị Xuân (16,5m)	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	2.200		
89	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	1.900	600	420
90	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp phố Hoàng Diệu	3.300		
91	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp phố Hoàng Diệu	Tiếp giáp phố Trần Quốc Toàn	1.900		
92	Phố Quyết Tiến	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	Phố Nguyễn Khánh Toàn	2.200		
93	Phố Đoàn Trần Nghiệp	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	1.900		
94	Đường 4A (16,5m)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường 2-6	2.200		
95	Phố Lê Anh Xuân	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	Tiếp giáp đường 2-6	1.900		
96	Phố Hà Huy Tập	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	2.500		
97	Phố Vũ Tông Phan	Tiếp giáp phố Lê Anh Xuân	Tiếp giáp đường 4A	1.900		
98	Đường Đặng Thai Mai	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường 1-1	1.900		

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
99	Phố Trung Dũng	Tiếp giáp phố Đoàn Trần Nghiệp	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	2.100		
100	Phố Nguyễn Văn Tổ	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	1.600		
101	Đường 2 - 6	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường 4A	1.600		
102	Đường 1-1	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Nguyễn Lương Bằng	1.900		
103	Đường Lê Hữu Trác	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1.900		
104	Đường 2B (13,5m)	Tiếp giáp phố Nguyễn Đình Chiểu	Tiếp giáp phố Phạm Công Bân	1.900		
105	Đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	3.300		
106	Phố Hồ Đắc Di	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	4.000		
107	Phố Nguyễn Đình Chiểu	Tiếp giáp phố Hồ Đắc Di	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	1.900		
108	Phố Cù Chính Lan	Giao với phố Tôn Thất Tùng (số nhà 037, tổ dân phố 27)	Tiếp giáp đường Tuệ Tĩnh (số nhà 001, Tổ dân phố 27)	2.900		
109	Phố Phạm Công Bân (Đường 9B - 13,5m)	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	1.900	600	360
110	Đường Tuệ Tĩnh	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp phố Hồ Đắc Di	2.000		
111	Đường Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	2.600	860	510
112	Đường Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường nhánh vào bản Tả Lân Than	1.900	600	360
113	Phố Đặng Văn Chung (Đường 2B2 - 31m)	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	1.900		
114	Đường Trần Duy Hưng (Đường 2B3 - 11,5m)	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	1.100		
115	Phố Thành Công	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	1.900		
116	Phố Trần Quốc Toàn	Tiếp giáp phố Thành Công	Tiếp giáp ranh giới đất CT điện lực Lai Châu	1.900		
117	Phố Nguyễn Tri Phương	Tiếp giáp đường Bùi Thị Xuân	Tiếp giáp ranh giới đất CT điện lực Lai Châu	1.900		
118	Đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	3.300		
119	Đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	4.000		
120	Phố Nguyễn Thái Học	Tiếp giáp trục N-01	Tiếp giáp trục N-04	1.900		
121	Phố Kim Đồng	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp trục N-04	1.900	710	500
122	Phố Lưu Quý An	Tiếp giáp với đường Hoàng Văn Thái (số nhà 071, tổ dân phố số 19)	Tiếp giáp với phố Kim Đồng (Trường THCS Tân Phong)	1.900		
123	Phố Hoàng Diệu	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Thành Công	3.700		
124	Đường Bùi Thị Xuân	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	3.700		
125	Đường D5, D6 (16,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Lê Lai	2.000		
126	Phố Nguyễn Vũ Tráng	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Lê Lai	2.000		
127	Phố Lê Lai	Tiếp giáp đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	2.100		
128	Đường N4 (11,5m)	Tiếp giáp phố Nguyễn Vũ Tráng	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Hiền	1.600		
129	Phố Nguyễn Văn Hiền	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Nguyễn Vũ Tráng	1.600		
130	Phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	2.600		
131	Phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Lò Văn Hạc	1.600		
132	Phố Xuân Diệu	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp phố Lê Lai	1.600		

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
133	Phố Nam Cao	Tiếp giáp phố Đoàn Thị Điểm	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	1.600		
134	Phố Cao Bá Quát (Đường T1 - 13,5m)	Tiếp giáp phố Tân Đà	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	1.900		
135	Phố Đoàn Thị Điểm	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp phố Cao Bá Quát	1.600		
136	Phố Tân Đà	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	1.300		
137	Đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	2.600		
138	Đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	2.000		
139	Đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	2.000		
140	Đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp phố Tân Đà	2.000		
141	Đường vào nhà máy chè Tam Đường	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp công nhà máy chè	700	450	310
142	Phố Trương Định	Tiếp giáp phố Nguyễn Cao	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	1.600		
143	Phố Lê Đại Hành (13m)	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp Phố Bạch Đằng	1.900		
144	Đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp phố Nguyễn Cao	1.600		
145	Ngõ 224 đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Trần Phú	Cuối đường	1.100	490	360
146	Đường nhánh bóm Ao cá Béc Hồ thuộc phường Tân Phong cũ	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp ngõ 224 đường Trần Phú	1.100	500	360
147	Phố Chu Huy Mân	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp phố Đào Duy Anh	1.300		
148	Phố Lý Quốc Sư	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp phố Đào Duy Anh	1.300		
149	Phố Đào Duy Anh	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp phố Chu Huy Mân	1.300		
150	Phố Đào Duy Anh	Tiếp giáp phố Chu Huy Mân	Tiếp giáp phố Võ Thị Sáu	1.100		
151	Phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường Thanh Niên	1.300		
152	Đường Nguyễn Thị Định	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	2.600		
153	Phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Nguyễn Thị Định	Tiếp giáp phố Yên Thế	1.600		
154	Phố Phan Bội Châu (Đường số 6-11)	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	1.300		
155	Phố Phan Chu Trinh (Đường số 6-12)	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	1.300		
156	Phố Yên Thế	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	710		
157	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	1.500	570	380
158	Đường số 6-7	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường 6-8	850	410	280
159	Đường số 6-8	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	850	410	280
160	Đường ven Hồ thượng lưu	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	2.800	860	420
161	Phố Võ Thị Sáu	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	2.000		
162	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	2.900	1.450	870
163	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	1.900	710	420
164	Phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp đường Thanh Niên	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	1.900		
165	Đường số 2 (13,5m)	Tiếp giáp phố Văn Tiến Dũng	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	1.100		
166	Phố Văn Tiến Dũng	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	1.300		

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
167	Đường số 7 (Nhánh 1)	Tiếp giáp nhánh 2	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	850	410	280
168	Đường số 7 (Nhánh 2 vuông góc nhánh 1)	Đầu đường	Cuối đường	750	410	280
169	Phố Tôn Thất Bách	Tiếp giáp đường Lê Hữu Trác	Tiếp giáp phố Tôn Thất Tùng	1.100		
170	Phố Lam Sơn	Tiếp giáp đường Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường đi xã Nùng Nàng	2.600		
171	Đường nhánh ven suối tổ dân phố số 21 (Trước cửa nhà hàng Thái Bình Dương)	Tiếp giáp đường nhánh đi vào Nhà văn hoá tổ 21	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	770	410	280
172	Đường nhánh đi vào Nhà văn hoá tổ 21	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	770	410	280
173	Đường đi UBND xã Sùng Phái cũ	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Hết địa phận phường Tân Phong cũ	710	340	240
174	Đường đi vào tổ dân phố số 5 phường Tân Phong cũ	Tiếp giáp đường Trường Chinh	Đến hết đường	710	400	270
175	Đường ven hồ lã	Tiếp giáp suối tổ dân phố số 8 phường Tân Phong cũ	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	850	410	280
176	Đường nhánh ven suối tổ dân phố số 8 phường Tân Phong cũ	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	850	410	280
177	Phố Hàn Mặc Tử, Phố Nguyễn Văn Siêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Huy Tưởng	Tiếp giáp đường Nguyễn Khuyến	1.300		
178	Đường tránh chợ San Thàng	Tiếp giáp ngã tư đường 30-4, đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường QL 4D	1.700	890	510
179	Quốc lộ 4D	Tiếp giáp ngã tư đường 30-4, đường Trường Chinh	Cửa hàng xăng dầu số 18	1.800	990	510
180	Quốc lộ 4D	Cửa hàng xăng dầu số 18	Hết nhà máy nước	780	444	288
181	Tuyến đường Nùng Nàng cũ - Nậm Tăm cũ đến thành phố Lai Châu đoạn qua bản Lao Ty Phủng			1.300	830	570
182	Đường Hồ Tùng Mậu	Hết địa phận phường Đoàn Kết	Tiếp giáp đường Trần Phú	2.500		
183	Đường đi Đông Pao	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận phường Tân Phong	1.100	490	280
184	Đường đi xã Nùng Nàng	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	Hết địa phận phường Tân Phong	1.200	760	540
185	Đường đi Nùng Nàng - Nậm Tăm	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Hết địa phận phường Tân Phong	1.100	490	280
186	Tỉnh lộ 135	Đại lộ Lê Lợi kéo dài tiếp giáp với thành phố Lai Châu cũ	Ngã ba nối với đường cũ từ thành phố Lai Châu đi Nùng Nàng cũ	3.860	2.370	1.130
187	Đường vào đội 5 cũ	Tiếp giáp đường Trường Chinh	đến cuối đường (nhà ông Phan Văn Chung và Phan Thị Thanh)	710	462	320
188	Đường vào một số hộ tổ 28, phường Đông Phong cũ	Tiếp giáp đường Trường Chinh	cuối đường	710	462	320
189	Đường nhánh 1 nhà máy chè	Cổng nhà máy chè	Nhà ông Thảo A Tủa	700	450	310
190	Đường nhánh 2 nhà máy chè	Cổng nhà máy chè	Nhà ông Vàng A Xi bà Sùng Thị Lơ	700	450	310
191	Tỉnh lộ 130	Quốc lộ 4D	Giáp xã Sin Suối Hồ	650	370	240
192	Đường liên bản	Quốc lộ 4D (ngã ba điểm đen)	Hết Bản Mới	650	370	240
193	Đường vào trại giam tỉnh	Ngã 3 đường tránh chợ San Thàng	Hết trại giam tỉnh	650	370	240
194	Quốc lộ 32	Đường Phạm Ngọc Thạch	Hết Trung đoàn 880	480	140	110
195	Quốc lộ 32	Hết Trung đoàn 880	Hết cửa hàng xăng dầu Hưng Hiền	384	112	88
196	Quốc lộ 32	Hết cửa hàng xăng dầu Hưng Hiền	Hết địa phận phường Tân Phong	307	90	70
197	Đường vào bản Cóc Pa	Quốc lộ 32	Hết đường	264	158	95
198	Đường vào bản Nà Bó (Tỉnh lộ 136 cũ)	Nhà ông Vàng Văn Tét	Nhà đội kiểm lâm	264	158	95

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
199	Đường trục xã bản Giang	Nhà ông Khiết Hợi	Ngã ba đường đi bản Hon	330	198	119
200	Đường trục xã bản Giang	Nhà ông Trần Văn Teo	Ngã ba trạm y tế bản Giang	264	158	95
201	Đường liên bản đi qua bản Suối Thầu	Ngã ba trạm y tế bản Giang	Giáp xã Nùng Nàng	264	158	95
202	Đường liên bản	Ngã ba trạm y tế bản Giang	Hết bản Nà Cơ	264	158	95
203	Đường liên bản	Ngã ba trạm y tế bản Giang	Hết bản Tản Phù Nhiều	264	158	95
204	Đường liên bản	Nhà ông Lù Văn Say	Hết bản Tình Nà	264	158	95
205	Đường liên bản	Đường nối cao tốc	Hết Nhà văn hóa bản Cóc Pa	264	158	95
206	Đường liên bản đi qua bản Đoàn Kết	Nhà ông Nguyễn Thành Chung	Nhà ông Trần Văn Dũng	264	158	95
207	Đường liên bản	Trường tiểu học Suối Thầu	Nhà ông Tẩn Seo Phin	264	158	95
208	Các vị trí còn lại của phường Tân Phong (gồm các xã, phường: Tân Phong cũ, Đông Phong cũ và San Thàng cũ)			350		
209	Các vị trí còn lại của phường Tân Phong (gồm các xã: Bản Giang cũ, Nùng Nàng cũ)			120		
II	PHƯỜNG ĐOÀN KẾT					
1	Đường 19-8	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	4.600	1.400	600
2	Đường 19-8	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	5.000	1.400	600
3	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	2.400	760	
4	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường tránh ngập	1.100	510	360
5	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường tránh ngập	Hết trụ sở Viện kiểm sát tỉnh (Cũ)	1.100	430	280
6	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp Viện kiểm sát tỉnh (Cũ)	Tiếp giáp đường Pusamcap	1.000	450	280
7	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Loong cũ	Hết ranh giới đất Trường lái xe cơ giới	3.200	990	510
8	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Trường lái xe cơ giới	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	3.600	990	600
9	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	Cơ sở đào tạo lái xe cơ giới đường bộ Lai Châu	1.060	680	380
10	Đường Tôn Đức Thắng	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	3.200	1.040	680
11	Đường Tôn Đức Thắng kéo dài	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp công trường mầm non Bình Minh	1.900	600	360
12	Đường Pusamcap	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	1.900	600	280
13	Đường 10-10 (20,5m)	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	1.900		
14	Đường 10-10 kéo dài (20,5m)	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	Cuối đường	1.700		
15	Đường Lê Quý Đôn	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	1.900	710	390
16	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	6.900	1.500	660
17	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Hết Siêu thị Quang Thanh	9.100	1.700	890
18	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp Siêu thị Quang Thanh	Tiếp giáp đường Vừ A Dính	6.900	1.500	660
19	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Vừ A Dính	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	5.400	1.140	630
20	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	4.600	1.140	630
21	Ngõ 076 (Đường lên đền Lê Lợi), đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Hết địa phận nhà ông Bùi Đức Thiện	700	450	380

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
22	Ngõ 237 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Sân vận động	1.100	490	360
23	Ngõ 167 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp nhà ông Pờ Văn Ninh	850	410	280
24	Ngõ 210 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp bản Thành Lập phường Đoàn Kết	710	360	280
25	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	Tiếp giáp ngã 3 rẽ đường Trần Can	3.200	990	530
26	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp ngã 3 rẽ đường Trần Can	Hết địa phận phường Quyết Thắng cũ	2.800	990	530
27	Đường Nguyễn Trãi	Trường mầm non Nậm Lông	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1.230	890	400
28	Phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp đường 19-8	Hết ranh giới đất Sân vận động	3.500	1.650	990
29	Phố Chiêu Tấn (Kéo dài)	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp ranh giới Sân vận động	3.500	1.040	650
30	Đường Vừ A Dính	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	3.500	990	610
31	Đường nhánh	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn kéo dài	1.100	490	360
32	Phố Nguyễn Thiện Thuận	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp Phố Trần Cao Vân	2.128	600	360
33	Phố Phan Đình Phùng	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Phố Lê Văn Thiêm	2.128		
34	Phố Lê Văn Thiêm	Tiếp giáp đường Chu Văn An	Phố Nguyễn Thiện Thuận	2.128	600	360
35	Phố Trần Cao Vân	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Phố Phan Đình Phùng	2.128	600	360
36	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp Huỳnh Thúc Kháng	1.792	740	270
37	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	2.128	950	
38	Phố Lương Văn Can	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An	2.464		
39	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp Huỳnh Thúc Kháng	3.500		
40	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	2.460		
41	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường 19-8	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	3.500	1.000	
42	Phố Hoàng Công Chất (13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Phố Nguyễn Cao	2.128		
43	Phố Dương Quảng Hàm	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An	2.128		
44	Phố Nguyễn Bá Ngọc	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An	2.128		
45	Phố Nguyễn Thiếp (D5 - 13m)	Tiếp giáp đường Hồ Tùng Mậu	Tiếp giáp phố Hoàng Công Chất	2.128		
46	Phố Đào Nhuận	Tiếp giáp phố Dương Quảng Hàm	Tiếp giáp phố Bạch Đằng	2.128		
47	Phố Bạch Đằng (Đường số 10 - 13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	2.240		
48	Đường N13 (13m)	Tiếp giáp đường 19-8	Tiếp giáp đường Chu Văn An	2.128		
49	Phố Nguyễn Cao	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	1.792		
50	Phố Nậm Na	Tiếp giáp Phố Mường Than	Tiếp giáp đường N16	1.792		
51	Đường tránh ngập	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường 19-8	750	410	280
52	Đường nhánh (Cạnh đường 19-8, tổ 8, phường Đoàn Kết cũ)	Tiếp giáp nhà ông Đinh Tây Lâm	Tiếp giáp nhà ông bà Kinh Thông	1.300	600	280
53	Đường nhánh sau Sân vận động	Từ trường Mầm non Hoa Sen	Tiếp giáp trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	1.100	540	380
54	Đường Trần Can	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi (Chợ phường Quyết Thắng cũ)	1.300	750	490
55	Đường Xuân Thủy	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1.100		

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
56	Phố Nguyễn Gia Thiều	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường 10- 10	1.100		
57	Phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	1.100		
58	Phố Bà Triệu (Đường R6A)	Tiếp giáp đường PuSamCap	Tiếp giáp đường R12	1.900		
59	Đường R8 (13,5m)	Tiếp giáp đường PuSamCap	Tiếp giáp đường R12	1.100		
60	Đường R12 (13,5m)	Tiếp giáp đường R8	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1.100		
61	Đường N4	Tiếp giáp đường N1	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	1.100		
62	Đường Nguyễn Du	Tiếp giáp phố Nguyễn Công Hoan	Tiếp giáp đường 10 - 10	1.100		
63	Đường Nguyễn Du	Tiếp giáp đường 10-10	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	1.100		
64	Phố Quyết Thắng	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	1.100		
65	Đường L1, L2	Tiếp giáp phố Quyết Thắng	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	1.100		
66	Phố Nguyễn Tuấn	Tiếp giáp đường quy hoạch số R13	Tiếp giáp đường quy hoạch số L2	1.100		
67	Đường R13	Tiếp giáp Phố Quyết Thắng	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	1.100		
68	Tuyến đường và mặt bằng đô thị đường nối từ trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới đến giao đường số 17	Tiếp giáp UBND phường Đoàn Kết mới	Hết địa phận phường Đoàn Kết	1.500		
69	Đường Lê Trọng Tấn	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1.100		
70	Đường nhánh (Cạnh TT Y tế dự phòng thành phố)	Tiếp giáp Nguyễn Trãi	Giáp đường nhánh (Từ Võ Nguyên Giáp đến Trần Can)	1.200		
71	Đường nhánh chạy qua bản Sáo Lân Than, Nậm Loòng 1, Nậm Loòng 2 thuộc phường Quyết Thắng cũ			710	350	280
72	Đường nhánh bê tông (Bám nương nước phường Quyết Thắng cũ)	Từ đường 10-10	Tiếp giáp đường chạy qua bản Sáo Lân Than thuộc phường Quyết Thắng cũ	710	350	280
73	Đường N12 (11,5m khu dân cư số 7)	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường N14	1.100		
74	Đường N14 (11,5m khu dân cư số 7)	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	Cuối đường	1.100		
75	Đường N13 (11,5m khu dân cư số 7)	Tiếp giáp đường N12	Cuối đường	1.100		
76	Phố Nguyễn Công Hoan	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường quy hoạch TN2	1.100		
77	Đường nhánh (tổ 7, phường Quyết Tiến cũ)	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	890	380	220
78	Đường nhánh (Bản Nậm Loòng 3, phường Quyết Thắng cũ)	Tiếp giáp đường Trần Can	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	690	315	210
79	Đường nhánh phía sau Viện kiểm sát nhân dân thành phố (Tổ 1, phường Quyết Tiến cũ)	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	710	320	220
80	Đường số 1, số 2	Tiếp giáp đường số 3	Tiếp giáp đường Pusamcap	1.100		
81	Đường số 3	Tiếp giáp đường số 1	Tiếp giáp đường Pusamcap	1.100		
82	Đường số 4, số 5	Tiếp giáp đường Pusamcap	Tiếp giáp đường Tô Hiệu	1.100		
83	Đường nhánh từ đền Lê Lợi đến bản Thành Lập phường Đoàn Kết	Thửa đất số 2, tờ bản đồ địa chính số 19, phường Đoàn Kết của ông Đinh Thế Chuyển	Giao với ngõ 210, đường Trần Hưng Đạo (hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 11 của ông Trần Văn Ngọ)	710	350	280

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
84	Đường Trần Thủ độ	Tiếp giáp với đường Trần Hưng Đạo (giữa hai số nhà 226 và 228, Tổ dân phố số 10)	Tiếp giáp với đường Trần Hưng Đạo (giữa hai số nhà 366 và 370, Tổ dân phố số 11)	850	410	280
85	Phố Mường Than	Tiếp giáp Đường 19-8	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	1.600		
86	Đường N16 (13m)	Tiếp giáp đường 19-8	Tiếp giáp Phố Nậm Nam	1.900		
87	Phố Nguyễn Đình Thi	Tiếp giáp đường Xuân Thủy	Giao với phố Nguyễn Công Hoan (đối diện trụ sở Điện lực Thành phố Lai Châu)	1.100		
88	Đường V1 (13,5m)	Tiếp đường Xuân Thủy	Tiếp giáp phố 12/12	1.100		
89	Phố 12/12	Giao với đường quy hoạch N4 (đối diện số nhà 040, tổ dân phố số 7)	Giao với phố Nguyễn Công Hoan	1.100		
90	Đường N1	Tiếp giáp phố 30/9	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	1.100		
91	Phố 30/9	Giao với đường Xuân Thủy (số nhà 035, tổ dân phố số 7)	Giao với phố 12/12 (số nhà 068, tổ dân phố 7)	1.100		
92	Đường Tô Hiệu (13,5m)	Tiếp giáp đường R2	Tiếp giáp đường số 5	1.100		
93	Đường nhánh của đường Trần Thủ Độ	Tiếp giáp đường Trần Thủ Độ (ngõ 226 cũ đường Trần Hưng Đạo)	Tiếp giáp đường Trần Thủ Độ (ngõ 368 cũ đường Trần Hưng Đạo)	830	410	280
94	Đường ngách 003 ngõ 210 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp ngõ 210 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Thủ Độ (ngõ 226 cũ đường Trần Hưng Đạo)	830	410	280
95	Ngõ 262 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường nhánh của đường Trần Thủ Độ (ngõ 226 cũ đường Trần Hưng Đạo)	850	410	280
96	Đường Hồ Tùng Mậu	Tiếp giáp đường 19-8	Hết địa phận phường Đoàn Kết	2.500		
97	Quốc lộ 4D	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Cây cặng đầu thành phố số 1 + 600m	1.160	740	400
98	Quốc lộ 4D	Cây cặng đầu thành phố số 1 + 600m	Hết địa giới phường Đoàn Kết	740	444	266
99	Đường nội bộ TDP Seo Pả			390	200	130
100	Đường nội bộ khu TĐC Hồng Thu			390	200	130
101	Đường nội bộ TDP Hồng Thu			390	200	130
102	Đường QL4D đi Tô Y Phìn	Quốc lộ 4D	Nhà ông Thào A Nhè	390	200	130
103	Đường nội bộ TDP Tô Y Phìn			230	140	
104	Đường nội bộ TDP Sáo Xiêng Pho			230	140	
105	Đường QL4D đi Si Lèng Chải	Quốc lộ 4D	Nhà ông Chèo A Khé	390	200	130
106	Đường nội bộ TDP Si Lèng Chải			230	140	
107	Đường nội bộ TDP Lán Nhi Thàng			390	200	130
108	Đường nội bộ TDP Chiêu Sài Phìn			390	200	130
109	Đường nội bộ TDP Cung Mù Phìn			390	200	130
110	Đường đi TDP Lùng Thàng	Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới TDP Lùng Thàng	312	144	108
111	Đường đi TDP Gia Khâu 2, Gia Khâu 1	Ranh giới TDP Lùng Thàng	Hết ranh giới nhà Kiểm lâm thuộc TDP Gia Khâu 1	260	120	90
112	Đường nhánh Lùng Thàng đến Gia Khâu 1	Đường đi TDP Lùng Thàng (nhà ông Sùng A Kỳ)	Đường đi TDP Gia Khâu 2, Gia Khâu 1 (nhà ông Lầu A Chứ)	260	120	90

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
113	Đường bê tông	Đường Nguyễn Trãi (Nhà ông Lê Văn Khánh)	Hết nhà ông Liêu A Lữ	312	144	108
114	Đường bê tông	Đường Nguyễn Trãi (Nhà ông Vũ Văn Khánh)	Hết nhà ông Sùng A Diều	312	144	108
115	Đường vào TDP Sin Báo Chải	Cổng chào TDP Sin Báo Chải	Hết nhà ông Giăng A Hồ	260	120	90
116	Đường vào TDP Cư Nhà La	Giáp phường Tân Phong	Ngã năm Cư Nhà La (Trường TH, THCS Sùng Phải)	312	144	108
117	Đường nội bộ TDP Cư Nhà La	Ngã năm Cư Nhà La (Trường TH, THCS Sùng Phải)	Đi nhà máy chè Nụ - Lượn (Giáp phường Tân Phong)	260	120	90
118	Đường nội bộ TDP Cư Nhà La	Ngã năm Cư Nhà La (Trường TH, THCS Sùng Phải)	Hết nhà ông Sùng A Tinh	260	120	90
119	Đường nội bộ TDP Cư Nhà La	Ngã năm Cư Nhà La (Trường TH, THCS Sùng Phải)	Hết tuyến (Thửa 26, tờ BĐ 82)	260	120	90
120	Đường nối TDP	Ngã năm Cư Nhà La (Trường TH, THCS Sùng Phải)	Ngã ba Trung Chải	260	120	90
121	Đường nối TDP	Ngã Ba Trung Chải	Hết TDP Tà Chải	110	80	
122	Đường nối TDP	Ngã Ba Trung Chải đi TDP Sin Chải	Hết khu TĐC TDP Sin Chải	110	80	
123	Đường nối TDP	Đường đi TDP Sin Chải	Đi TDP Căn Câu (Hết TDP Căn Câu giáp xã Sin Suối Hồ)	110	80	
124	Đường nối TDP	Đường TDP Sin Chải	Đi TDP Sùng Phải (Hết TDP Sùng Phải)	110	80	
125	Các vị trí còn lại của phường Đoàn Kết (gồm các phường: Đoàn Kết cũ, Quyết Tiến cũ)			350		
126	Các vị trí còn lại của phường Đoàn Kết (phường Quyết Thắng cũ)			300		
127	Các vị trí còn lại của phường Đoàn Kết (gồm các xã: Sùng Phải cũ, Lân Nhì Thàng cũ)			90		

PHỤ LỤC II: BẢNG GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ



Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 100/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
I	PHƯỜNG TÂN PHONG					
1	Đường 30 - 4	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Hết Bệnh viện Đa khoa tỉnh	5.530		
2	Đường 30 - 4	Tiếp giáp Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	3.920	1.050	440
3	Đường 30 - 4	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	Tiếp giáp đường Trường Chinh	2.940	1.050	440
4	Phố Trần Đăng Ninh	Tiếp giáp đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	1.540	525	370
5	Đường Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	1.820		
6	Phố Trần Đại Nghĩa	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch (Trường THCS Đông Phong)	1.820		
7	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Trường Chinh	2.310	530	370
8	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	3.780	980	420
9	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	4.550	980	440
10	Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Cuối đường đại lộ Lê Lợi (Giáp chân núi Nùng Nàng)	4.550	980	440
11	Đường Hoàng Hoa Thám	Phố Yên Thế	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	1.540		

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
12	Đường Hoàng Hoa Thám	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Phú	1.820	520	364
13	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	2.310	600	370
14	Đường Trường Chinh	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	2.800	826	476
15	Đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường 30-4	2.450	730	399
16	Đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đại lộ Lê Lợi	2.800	826	476
17	Đường Nguyễn Lương Bằng	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường hình bán nguyệt (Khu vườn cây)	2.940		
18	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng	2.310	1.050	399
19	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	4.550	1.190	595
20	Đường Nguyễn Viết Xuân	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Thanh Niên	910	357	252
21	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	2.800	1.050	385
22	Đường Võ Văn Kiệt	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng kéo dài	2.310	980	476
23	Đường Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình	910		
24	Đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	1.540		
25	Đường Nguyễn Thái Bình	Tiếp giáp đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	2.310		
26	Phố Vương Thừa Vũ	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thụ	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình	1.050		

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
27	Phố Phạm Hồng Thái	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thụ	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình	1.050		
28	Đường Trần Khát Chân	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thụ	1.050		
29	Đường B10 (13,5m)	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đường Tô Vĩnh Diện	1.050		
30	Phố Hoàng Đình Cầu	Tiếp giáp phố Nguyễn Thái Bình	Tiếp giáp phố Vương Thừa Vũ	1.050		
31	Phố Phạm Ngũ Lão	Tiếp giáp đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	1.050		
32	Phố Nguyễn Phong Sắc	Giao với đường quy hoạch số 2-15	Tiếp giáp phố Phùng Chí Kiên	770		
33	Đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	1.540		
34	Đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp tuyến số 1 và tuyến số 4	Tiếp giáp phố Phùng Chí Kiên	770		
35	Tuyến số 1 (Đường Phạm Văn Đồng kéo dài)	Tiếp giáp tuyến số 3	Tiếp giáp tuyến số 4	1.330	440	259
36	Tuyến số 3, số 4	Tiếp giáp đường Nguyễn Lương Bằng	Tiếp giáp tuyến số 1	1.330		
37	Đường nhánh tổ 23, phường Đông Phong cũ	Tiếp giáp phố Trần Đăng Ninh	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng kéo dài	490	224	154
38	Phố Phùng Chí Kiên	Tiếp giáp đường Nguyễn Lương Bằng	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	770		
39	Phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	2.310		
40	Đường Nguyễn Khuyến	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1.540		
41	Đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1.540		

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
42	Phố Trần Bình Trọng (Đường A4)	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	910		
43	Phố Trần Nhật Duật (Đường A5)	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	910		
44	Phố Trần Quang Khải	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Trỗi	910		
45	Phố Nguyễn Huy Tưởng	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	910		
46	Phố Nguyễn Văn Ngọc	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Nguyễn Đồng Chi	910		
47	Phố Ngô Gia Tự	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Nguyễn Đồng Chi	910		
48	Phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Trần Nhật Duật	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	910		
49	Phố Nguyễn Đồng Chi	Tiếp giáp phố Trần Nhật Duật	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	910		
50	Đường A16, A17	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	910		
51	Phố Ban Mai	Tiếp giáp với đường Phạm Ngọc Thạch (Trường mầm non Hòa Mi, Tổ dân phố số 26)	Tiếp giáp với phố Nguyễn Văn Trỗi (số nhà 519, tổ dân phố số 26)	890		
52	Phố Nguyễn Văn Trỗi (Gồm 2 nhánh)	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	1.330		
53	Phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp đường Nguyễn Khuyến	910		
54	Phố Mạc Đĩnh Chi	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	910		
55	Phố Trương Hán Siêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	910		

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
56	Phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp phố Trần Đại Nghĩa (20,5m)	1.330		
57	Phố Lý Tự Trọng	Tiếp giáp phố Trần Đại Nghĩa	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	910		
58	Phố Triệu Quang Phục (1B-6)	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	1.330		
59	Phố Đặng Dung (1B-7)	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	910		
60	Phố Nguyễn Trung Trực (1B-8)	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	910		
61	Đường 1B-9 (13,5m)	Tiếp giáp phố Trần Đại Nghĩa (20,5)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	910		
62	Phố Lương Định Của	Tiếp giáp phố Nguyễn Trung Trực	Tiếp giáp đường 30/4	910		
63	Phố Phùng Hưng	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp với đường Phạm Ngọc Thạch	890		
64	Đường nhánh cạnh nhà nghỉ Hoa Ban (Giáp BCH QS tỉnh)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp trường tiểu học San Thành	630	273	160
65	Đường Hoàng Văn Thụ	Tiếp giáp phố Trần Đăng Ninh	Tiếp giáp đường Trần Khát Chân	1.330		
66	Phố Mường Kim	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp Phố Nguyễn Thị Minh Khai	1.330		
67	Phố Hương Phong	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	1.330		
68	Đường Hoàng Quốc Việt	Tiếp giáp đường TT-2	Giáp đường Nguyễn Văn Linh	1.400		
69	Đường Hoàng Quốc Việt	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường Trường Chinh	1.400		
70	Đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp đường Trường Chinh	1.330		

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
71	Phố Phan Đăng Lưu	Tiếp giáp Phố Mường Kim	Tiếp giáp phố Hương Phong	1.120		
72	Phố Yết Kiêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	Tiếp giáp đường Hoàng Quốc Việt	1.330		
73	Phố Nguyễn Thị Minh Khai	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	1.330		
74	Phố Lê Thanh Nghị	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	1.330		
75	Phố Nguyễn Duy Trinh	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	1.330		
76	Đường số 5-12 (13,5m)	Tiếp giáp phố Lê Thanh Nghị	Tiếp giáp phố Nguyễn Duy Trinh	1.330		
77	Phố Nguyễn Đức Thuận	Tiếp giáp với đường Hoàng Quốc Việt (số nhà 001, tổ dân phố số 16)	Tiếp giáp với đường Hoàng Quốc Việt (số nhà 024, tổ dân phố số 16)	1.260		
78	Đường số 5-11 (13,5m)	Tiếp giáp Đường Hoàng Quốc Việt	Hết ranh giới đất chợ Tân Phong 2	1.400		
79	Đường số 1 (Khu TTHC - 46 hộ)	Tiếp giáp đường Hoàng Quốc Việt	Giáp đường Nguyễn Văn Linh	1.400		
80	Phố Lê Văn Lương	Tiếp giáp đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	770		
81	Đường nhánh số 2, 3	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp phố Lê Văn Lương	630		
82	Đường Trần Văn Thọ	Tiếp giáp đường T03	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	1.330	497	350
83	Đường Trần Văn Thọ	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	1.330	497	350
84	Phố Trịnh Hoài Đức (T01)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	1.330		

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
85	Phố Lê Văn Hưu (T02)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	1.330		
86	Đường T03 (13,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Cuối đường	1.330	420	294
87	Phố Nguyễn Khánh Toàn	Tiếp giáp với đường Hoàng Văn Thái (số nhà 023, tổ dân phố số 19)	Tiếp giáp với đường Trần Văn Thọ (giữa số nhà 033 và số nhà 035, tổ dân phố số 19)	1.340		
88	Đường Bùi Thị Xuân (16,5m)	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	1.540		
89	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	1.330	420	294
90	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp phố Hoàng Diệu	2.310		
91	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp phố Hoàng Diệu	Tiếp giáp phố Trần Quốc Toàn	1.330		
92	Phố Quyết Tiến	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	Phố Nguyễn Khánh Toàn	1.510		
93	Phố Đoàn Trần Nghiệp	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	1.330		
94	Đường 4A (16,5m)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường 2-6	1.540		
95	Phố Lê Anh Xuân	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	Tiếp giáp đường 2-6	1.330		
96	Phố Hà Huy Tập	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	1.750		
97	Phố Vũ Tông Phan	Tiếp giáp phố Lê Anh Xuân	Tiếp giáp đường 4A	1.330		
98	Đường Đặng Thai Mai	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường 1-1	1.330		

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
99	Phố Trung Dũng	Tiếp giáp phố Đoàn Trần Nghiệp	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	1.470		
100	Phố Nguyễn Văn Tổ	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	1.120		
101	Đường 2 - 6	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường 4A	1.120		
102	Đường 1-1	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Nguyễn Lương Bằng	1.330		
103	Đường Lê Hữu Trác	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1.330		
104	Đường 2B (13,5m)	Tiếp giáp phố Nguyễn Đình Chiểu	Tiếp giáp phố Phạm Công Bân	1.330		
105	Đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	2.310		
106	Phố Hồ Đắc Di	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	2.800		
107	Phố Nguyễn Đình Chiểu	Tiếp giáp phố Hồ Đắc Di	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	1.330		
108	Phố Cù Chính Lan	Giao với phố Tôn Thất Tùng (số nhà 037, tổ dân phố 27)	Tiếp giáp đường Tuệ Tĩnh (số nhà 001, Tổ dân phố 27)	2.030		
109	Phố Phạm Công Bân (Đường 9B - 13,5m)	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	1.330	420	252
110	Đường Tuệ Tĩnh	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp phố Hồ Đắc Di	1.400		
111	Đường Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	1.750	590	350
112	Đường Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường nhánh vào bản Tả Làn Than	1.330	420	252
113	Phố Đặng Văn Chung (Đường 2B2 - 31m)	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	1.330		

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
114	Đường Trần Duy Hưng (Đường 2B3 - 11,5m)	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	770		
115	Phố Thành Công	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	1.330		
116	Phố Trần Quốc Toản	Tiếp giáp phố Thành Công	Tiếp giáp ranh giới đất CT điện lực Lai Châu	1.330		
117	Phố Nguyễn Tri Phương	Tiếp giáp đường Bùi Thị Xuân	Tiếp giáp ranh giới đất CT điện lực Lai Châu	1.260		
118	Đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	2.310		
119	Đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	2.800		
120	Phố Nguyễn Thái Học	Tiếp giáp trục N-01	Tiếp giáp trục N-04	1.330		
121	Phố Kim Đồng	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp trục N-04	1.330	497	350
122	Phố Lưu Quý An	Tiếp giáp với đường Hoàng Văn Thái (số nhà 071, tổ dân phố số 19)	Tiếp giáp với phố Kim Đồng (Trường THCS Tân Phong)	1.330		
123	Phố Hoàng Diệu	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Thành Công	2.590		
124	Đường Bùi Thị Xuân	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	2.550		
125	Đường D5, D6 (16,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Lê Lai	1.400		
126	Phố Nguyễn Vũ Tráng	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Lê Lai	1.400		
127	Phố Lê Lai	Tiếp giáp đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	1.470		

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
128	Đường N4 (11,5m)	Tiếp giáp phố Nguyễn Vũ Tráng	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Hiền	1.120		
129	Phố Nguyễn Văn Hiền	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Nguyễn Vũ Tráng	1.120		
130	Phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	1.820		
131	Phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	1.120		
132	Phố Xuân Diệu	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp phố Lê Lai	1.120		
133	Phố Nam Cao	Tiếp giáp phố Đoàn Thị Điểm	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	1.120		
134	Phố Cao Bá Quát (Đường T1 - 13,5m)	Tiếp giáp phố Tân Đà	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	1.330		
135	Phố Đoàn Thị Điểm	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp phố Cao Bá Quát	1.120		
136	Phố Tân Đà	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	910		
137	Đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	1.820		
138	Đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	1.400		
139	Đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	1.400		
140	Đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp phố Tân Đà	1.400		
141	Đường vào nhà máy chè Tam Đường	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp công nhà máy chè	490	315	217
142	Phố Trương Định	Tiếp giáp phố Nguyễn Cao	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	1.120		

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
143	Phố Lê Đại Hành (13m)	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp Phố Bạch Đằng	1.330		
144	Đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp phố Nguyễn Cao	1.120		
145	Ngõ 224 đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Trần Phú	Cuối đường	770	343	252
146	Đường nhánh tám Ao cá Bắc Hồ thuộc phường Tân Phong cũ	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp ngõ 224 đường Trần Phú	770	350	252
147	Phố Chu Huy Mẫn	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp phố Đào Duy Anh	910		
148	Phố Lý Quốc Sư	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp phố Đào Duy Anh	910		
149	Phố Đào Duy Anh	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp phố Chu Huy Mẫn	910		
150	Phố Đào Duy Anh	Tiếp giáp phố Chu Huy Mẫn	Tiếp giáp phố Võ Thị Sáu	770		
151	Phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường Thanh Niên	910		
152	Đường Nguyễn Thị Định	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	1.820		
153	Phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Nguyễn Thị Định	Tiếp giáp phố Yên Thế	1.120		
154	Phố Phan Bội Châu (Đường số 6-11)	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	910		
155	Phố Phan Chu Trinh (Đường số 6-12)	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	910		
156	Phố Yên Thế	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	500		
157	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	1.050	399	266

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
158	Đường số 6-7	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường 6-8	595	287	196
159	Đường số 6-8	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	595	287	196
160	Đường ven Hồ thượng lưu	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	1.960	602	294
161	Phố Võ Thị Sáu	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	1.400		
162	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	2.030		
163	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	1.330	497	294
164	Phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp đường Thanh Niên	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	1.330		
165	Đường số 2 (13,5m)	Tiếp giáp phố Văn Tiến Dũng	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	770		
166	Phố Văn Tiến Dũng	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	910		
167	Đường số 7 (Nhánh 1)	Tiếp giáp nhánh 2	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	595	287	196
168	Đường số 7 (Nhánh 2 vuông góc nhánh 1)	Đầu đường	Cuối đường	525	287	196
169	Phố Tôn Thất Bách	Tiếp giáp đường Lê Hữu Trác	Tiếp giáp phố Tôn Thất Tùng	770		
170	Phố Lam Sơn	Tiếp giáp đường Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường đi xã Nùng Nàng	1.820		
171	Đường nhánh ven suối từ đầu phố số 21 (Trước cửa nhà hàng Thái Bình Dương)	Tiếp giáp đường nhánh đi vào Nhà văn hoá tổ 21	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	540	287	196
172	Đường nhánh đi vào Nhà văn hoá tổ 21	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	540	287	196

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
173	Đường đi UBND xã Sùng Phài cũ	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Hết địa phận phường Tân Phong cũ	500	238	168
174	Đường đi vào tổ dân phố số 5 phường Tân Phong cũ	Tiếp giáp đường Trường Trinh	Đến hết đường	497	286	216
175	Đường ven hồ lã	Tiếp giáp suối tổ dân phố số 8 phường Tân Phong cũ	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	595	287	196
176	Đường nhánh ven suối tổ dân phố số 8 phường Tân Phong cũ	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	595	287	196
177	Phố Hàn Mặc Tử, Phố Nguyễn Văn Siêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Huy Tưởng	Tiếp giáp đường Nguyễn Khuyến	910		
178	Đường tránh chợ San Thàng	Tiếp giáp ngã tư đường 30-4, đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường QL 4D	1.190	623	357
179	Quốc lộ 4D	Tiếp giáp ngã tư đường 30-4, đường Trường Chinh	Cửa hàng xăng dầu số 18	1.260	693	357
180	Quốc lộ 4D	Cửa hàng xăng dầu số 18	Hết nhà máy nước	546	311	202
181	Tuyến đường Nùng Nàng cũ - Nậm Tăm cũ đến thành phố Lai Châu đoạn qua bản Lao Tỷ Phùng			910	580	399
182	Đường Hồ Tùng Mậu	Hết địa phận phường Đoàn Kết	Tiếp giáp đường Trần Phú	1.680		
183	Đường đi Đông Pao	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận phường Tân Phong	720	330	190
184	Đường đi xã Nùng Nàng	Tiếp giáp đường Trần Văn Thợ	Hết địa phận phường Tân Phong	810	510	370
185	Đường đi Nùng Nàng - Nậm Tăm	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Hết địa phận phường Tân Phong	720	330	190

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
186	Tỉnh lộ 135	Đại lộ Lê Lợi kéo dài tiếp giáp với thành phố Lai Châu cũ	Ngã ba nối với đường cũ từ thành phố Lai Châu đi Nùng Nàng cũ	2.630	1.610	770
187	Đường vào đội 5 cũ	Tiếp giáp đường Trường Chinh	đến cuối đường (nhà ông Phan Văn Chung và Phan Thị Thanh)	500	323	224
188	Đường vào một số hộ tổ 28, phường Đông Phong cũ	Tiếp giáp đường Trường Chinh	cuối đường	500	323	224
189	Đường nhánh 1 nhà máy chè	Cổng nhà máy chè	Nhà ông Thảo A Tủa	490	320	220
190	Đường nhánh 2 nhà máy chè	Cổng nhà máy chè	Nhà ông Vàng A Xi bà Sùng Thị Lơ	490	320	220
191	Tỉnh lộ 130	Quốc lộ 4D	Giáp xã Sin Suối Hồ	455	259	168
192	Đường liên bản	Quốc lộ 4D (ngã ba điểm đen)	Hết Bản Mới	455	259	168
193	Đường vào trại giam tỉnh	Ngã 3 đường tránh chợ San Thàng	Hết trại giam tỉnh	455	259	168
194	Quốc lộ 32	Đường Phạm Ngọc Thạch	Hết Trung đoàn 880	336	98	77
195	Quốc lộ 32	Hết Trung đoàn 880	Hết cửa hàng xăng dầu Hưng Hiền	269	78	62
196	Quốc lộ 32	Hết cửa hàng xăng dầu Hưng Hiền	Hết địa phận phường Tân Phong	215	63	49
197	Đường vào bản Cóc Pa	Quốc lộ 32	Hết đường	185	111	67
198	Đường vào bản Nà Bỏ (Tỉnh lộ 136 cũ)	Nhà ông Vàng Văn Tét	Nhà đội kiểm lâm	185	111	67
199	Đường trục xã bản Giang	Nhà ông Khiết Hoi	Ngã ba đường đi bản Hon	231	139	83

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
200	Đường trục xã bản Giang	Nhà ông Trần Văn Teo	Ngã ba trạm y tế bản Giang	185	111	67
201	Đường liên bản đi qua bản Suối Thầu	Ngã ba trạm y tế bản Giang	Giáp xã Nùng Nàng	185	111	67
202	Đường liên bản	Ngã ba trạm y tế bản Giang	Hết bản Nà Cơ	185	111	67
203	Đường liên bản	Ngã ba trạm y tế bản Giang	Hết bản Tản Phù Nhiêu	185	111	67
204	Đường liên bản	Nhà ông Lù Văn Say	Hết bản Tình Nà	185	111	67
205	Đường liên bản	Đường nối cao tốc	Hết Nhà văn hóa bản Cóc Pa	185	111	67
206	Đường liên bản đi qua bản Đoàn Kết	Nhà ông Nguyễn Thành Chung	Nhà ông Trần Văn Dũng	185	111	67
207	Đường liên bản	Trường tiểu học Suối Thầu	Nhà ông Tản Seo Phìn	185	111	67
208	Các vị trí còn lại của phường Tân Phong (gồm các xã, phường: Tân Phong cũ, Đông Phong cũ và San Thàng cũ)			245		
209	Các vị trí còn lại của phường Tân Phong (gồm các xã: Bản Giang cũ, Nùng Nàng cũ)			84		
II	PHƯỜNG ĐOÀN KẾT					
1	Đường 19-8	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	3.220	980	420
2	Đường 19-8	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	3.500	980	420

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
3	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1.680	532	322
4	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường tránh ngập	770	357	252
5	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường tránh ngập	Hết trụ sở Viện kiểm sát tỉnh (Cũ)	770	300	196
6	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp Viện kiểm sát tỉnh (Cũ)	Tiếp giáp đường Pusamcap	700	315	196
7	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Loỏng cũ	Hết ranh giới đất Trường lái xe cơ giới	2.240	693	357
8	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Trường lái xe cơ giới	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	2.520	693	420
9	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	Cơ sở đào tạo lái xe cơ giới đường bộ Lai Châu	720	460	260
10	Đường Tôn Đức Thắng	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	2.240	728	476
11	Đường Tôn Đức Thắng kéo dài	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp cổng trường mầm non Bình Minh	1.330	420	252
12	Đường Pusamcap	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	1.330	420	196
13	Đường 10-10 (20,5m)	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	1.330		
14	Đường 10-10 kéo dài (20,5m)	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	Cuối đường	1.190		
15	Đường Lê Quý Đôn	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	1.330	497	273
16	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	4.830	1.050	462
17	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Hết Siêu thị Quang Thanh	6.370	1.190	623

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
18	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp Siêu thị Quang Thanh	Tiếp giáp đường Vừ A Dính	4.830	1.050	462
19	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Vừ A Dính	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	3.780	798	440
20	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	3.220	798	440
21	Ngõ 076 (Đường lên đền Lê Lợi), đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Hết địa phận nhà ông Bùi Đức Thiện	490	315	266
22	Ngõ 237 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Sân vận động	770	343	252
23	Ngõ 167 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp nhà ông Pờ Văn Ninh	590	287	248
24	Ngõ 210 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp bản Thành Lập phường Đoàn Kết	497	281	219
25	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	Tiếp giáp ngã 3 rẽ đường Trần Can	2.240	693	370
26	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp ngã 3 rẽ đường Trần Can	Hết địa phận phường Quyết Thắng cũ	1.960	693	370
27	Đường Nguyễn Trãi	Trường mầm non Nậm Lông	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	840	600	270
28	Phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp đường 19-8	Hết ranh giới đất Sân vận động	2.450		
29	Phố Chiêu Tấn (Kéo dài)	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp ranh giới Sân vận động	2.450	728	455
30	Đường Vừ A Dính	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	2.450	693	427
31	Đường nhánh	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn kéo dài	770	343	252
32	Phố Nguyễn Thiện Thuận	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp Phố Trần Cao Vân	1.490	420	252

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
33	Phố Phan Đình Phùng	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Phố Lê Văn Thiêm	1.490		
34	Phố Lê Văn Thiêm	Tiếp giáp đường Chu Văn An	Phố Nguyễn Thiện Thuận	1.490	420	252
35	Phố Trần Cao Vân	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Phố Phan Đình Phùng	1.490	420	252
36	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp Huỳnh Thúc Kháng	1.254	518	189
37	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	1.490		
38	Phố Lương Văn Can	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An	1.725		
39	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp Huỳnh Thúc Kháng	2.450		
40	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	1.722		
41	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường 19-8	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	2.450	700	
42	Phố Hoàng Công Chất (13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Phố Nguyễn Cao	1.490		
43	Phố Dương Quảng Hàm	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An	1.490		
44	Phố Nguyễn Bá Ngọc	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An	1.490		
45	Phố Nguyễn Thiếp (D5 - 13m)	Tiếp giáp đường Hồ Tùng Mậu	Tiếp giáp phố Hoàng Công Chất	1.490		
46	Phố Đào Nhuận	Tiếp giáp phố Dương Quảng Hàm	Tiếp giáp phố Bạch Đằng	1.490		
47	Phố Bạch Đằng (Đường số 10 - 13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	1.568		

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
48	Đường N13 (13m)	Tiếp giáp đường 19-8	Tiếp giáp đường Chu Văn An	1.490		
49	Phố Nguyễn Cao	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	1.254		
50	Phố Nậm Na	Tiếp giáp Phố Mường Than	Tiếp giáp đường N16	1.254		
51	Đường tránh ngập	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường 19-8	525	287	196
52	Đường nhánh (Cạnh đường 19-8, tổ 8, phường Đoàn Kết cũ)	Tiếp giáp nhà ông Đinh Tây Lâm	Tiếp giáp nhà ông bà Kinh Thông	910	420	196
53	Đường nhánh sau Sân vận động	Từ trường Mầm non Hoa Sen	Tiếp giáp trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	770	378	266
54	Đường Trần Can	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi (Chợ phường Quyết Thắng cũ)	910	525	343
55	Đường Xuân Thủy	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	770		
56	Phố Nguyễn Gia Thiều	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường 10- 10	770		
57	Phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	770		
58	Phố Bà Triệu (Đường R6A)	Tiếp giáp đường PuSamCap	Tiếp giáp đường R12	1.330		
59	Đường R8 (13,5m)	Tiếp giáp đường PuSamCap	Tiếp giáp đường R12	770		
60	Đường R12 (13,5m)	Tiếp giáp đường R8	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	770		
61	Đường N4	Tiếp giáp đường N1	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	770		
62	Đường Nguyễn Du	Tiếp giáp phố Nguyễn Công Hoan	Tiếp giáp đường 10 - 10	770		

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
63	Đường Nguyễn Du	Tiếp giáp đường 10-10	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	770		
64	Phố Quyết Thắng	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	770		
65	Đường L1, L2	Tiếp giáp phố Quyết Thắng	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	770		
66	Phố Nguyễn Tuân	Tiếp giáp đường quy hoạch số R13	Tiếp giáp đường quy hoạch số L2	770		
67	Đường R13	Tiếp giáp Phố Quyết Thắng	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	770		
68	Tuyến đường và mặt bằng đô thị đường nối từ trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới đến giao đường số 17	Tiếp giáp UBND phường Đoàn Kết mới	Hết địa phận phường Đoàn Kết	1.050		
69	Đường Lê Trọng Tấn	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	770		
70	Đường nhánh (Cạnh TT Y tế dự phòng thành phố)	Tiếp giáp Nguyễn Trãi	Giáp đường nhánh (Từ Võ Nguyên Giáp đến Trần Can)	840		
71	Đường nhánh chạy qua bản Sáo Lán Than, Nậm Loỏng 1, Nậm Loỏng 2 thuộc phường Quyết Thắng cũ			500	245	196
72	Đường nhánh bê tông (Bám mương nước phường Quyết Thắng cũ)	Từ đường 10-10	Tiếp giáp đường chạy qua bản Sáo Lán Than thuộc phường Quyết Thắng cũ	500	245	196
73	Đường N12 (11,5m khu dân cư số 7)	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường N14	770		
74	Đường N14 (11,5m khu dân cư số 7)	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	Cuối đường	770		

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
75	Đường N13 (11,5m khu dân cư số 7)	Tiếp giáp đường N12	Cuối đường	770		
76	Phố Nguyễn Công Hoan	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường quy hoạch TN2	770		
77	Đường nhánh (tổ 7, phường Quyết Tiến cũ)	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	620	266	154
78	Đường nhánh (Bản Nậm Loỏng 3, phường Quyết Thắng cũ)	Tiếp giáp đường Trần Can	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	480	220	147
79	Đường nhánh phía sau Viện kiểm sát nhân dân thành phố (Tổ 1, phường Quyết Tiến cũ)	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	500	224	154
80	Đường số 1, số 2	Tiếp giáp đường số 3	Tiếp giáp đường Pusamcap	770		
81	Đường số 3	Tiếp giáp đường số 1	Tiếp giáp đường Pusamcap	770		
82	Đường số 4, số 5	Tiếp giáp đường Pusamcap	Tiếp giáp đường Tô Hiệu	770		
83	Đường nhánh từ đền Lê Lợi đến bản Thành Lập phường Đoàn Kết	Thửa đất số 2, tờ bản đồ địa chính số 19, phường Đoàn Kết của ông Đinh Thế Chuyên	Giao với ngõ 210, đường Trần Hưng Đạo (hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 11 của ông Trần Văn Ngọ	480	240	190
84	Đường Trần Thủ độ	Tiếp giáp với đường Trần Hưng Đạo (giữa hai số nhà 226 và 228, Tổ dân phố số 10)	Tiếp giáp với đường Trần Hưng Đạo (giữa hai số nhà 366 và 370, Tổ dân phố số 11)	600	290	200
85	Phố Mường Than	Tiếp giáp Đường 19-8	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	1.120		
86	Đường N16 (13m)	Tiếp giáp đường 19-8	Tiếp giáp Phố Nậm Nam	1.260		

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
87	Phố Nguyễn Đình Thi	Tiếp giáp đường Xuân Thủy	Giao với phố Nguyễn Công Hoan (đối diện trụ sở Điện lực Thành phố Lai Châu)	720		
88	Đường V1 (13,5m)	Tiếp đường Xuân Thủy	Tiếp giáp phố 12/12	720		
89	Phố 12/12	Giao với đường quy hoạch N4 (đối diện số nhà 040, tổ dân phố số 7)	Giao với phố Nguyễn Công Hoan	720		
90	Đường N1	Tiếp giáp phố 30/9	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	720		
91	Phố 30/9	Giao với đường Xuân Thủy (số nhà 035, tổ dân phố số 7)	Giao với phố 12/12 (số nhà 068, tổ dân phố 7)	720		
92	Đường Tô Hiệu (13,5m)	Tiếp giáp đường R2	Tiếp giáp đường số 5	720		
93	Đường nhánh của đường Trần Thủ Độ	Tiếp giáp đường Trần Thủ Độ (ngõ 226 cũ đường Trần Hưng Đạo)	Tiếp giáp đường Trần Thủ Độ (ngõ 368 cũ đường Trần Hưng Đạo)	560	280	190
94	Đường ngách 003 ngõ 210 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp ngõ 210 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Thủ Độ (ngõ 226 cũ đường Trần Hưng Đạo)	560	280	190
95	Ngõ 262 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường nhánh của đường Trần Thủ Độ (ngõ 226 cũ đường Trần Hưng Đạo)	580	280	190
96	Đường Hồ Tùng Mậu	Tiếp giáp đường 19-8	Hết địa phận phường Đoàn Kết	1.680		
97	Quốc lộ 4D	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Cây xăng dầu thành phố số 1 + 600m	790	500	270
98	Quốc lộ 4D	Cây xăng dầu thành phố số 1 + 600m	Hết địa giới phường Đoàn Kết	518	311	186

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
99	Đường nội bộ TDP Seo Pả			273	140	91
100	Đường nội bộ khu TĐC Hồng Thu			273	140	91
101	Đường nội bộ TDP Hồng Thu			273	140	91
102	Đường QL4D đi Tô Y Phìn	Quốc lộ 4D	Nhà ông Thảo A Nhè	273	140	91
103	Đường nội bộ TDP Tô Y Phìn			161	98	
104	Đường nội bộ TDP Séo Xiêng Pho			161	98	
105	Đường QL4D đi Sỉ Lèng Chải	Quốc lộ 4D	Nhà ông Chèo A Khé	273	140	91
106	Đường nội bộ TDP Sỉ Lèng Chải			161	98	
107	Đường nội bộ TDP Lản Nhi Thàng			273	140	91
108	Đường nội bộ TDP Chiêu Sài Phìn			273	140	91
109	Đường nội bộ TDP Cung Mù Phìn			273	140	91
110	Đường đi TDP Lùng Thàng	Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới TDP Lùng Thàng	218	101	76
111	Đường đi TDP Gia Khâu 2, Gia Khâu 1	Ranh giới TDP Lùng Thàng	Hết ranh giới nhà Kiểm lâm thuộc TDP Gia Khâu 1	182	84	63
112	Đường nhánh Lùng Thàng đến Gia Khâu 1	Đường đi TDP Lùng Thàng (nhà ông Sùng A Kỳ)	Đường đi TDP Gia Khâu 2, Gia Khâu 1 (nhà ông Lầu A Chứ)	182	84	63
113	Đường bê tông	Đường Nguyễn Trãi (Nhà ông Lê Văn Khánh)	Hết nhà ông Liều A Lữ	218	101	76

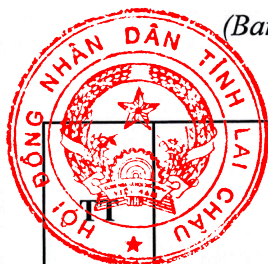
TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
114	Đường bê tông	Đường Nguyễn Trãi (Nhà ông Vũ Văn Khánh)	Hết nhà ông Sùng A Diều	218	101	76
115	Đường vào TDP Sin Báo Chải	Cổng chào TDP Sin Báo Chải	Hết nhà ông Giàng A Hồ	182	84	63
116	Đường vào TDP Cư Nhà La	Giáp phường Tân Phong	Ngã năm Cư Nhà La (Trường TH, THCS Sùng Phải)	218	101	76
117	Đường nội bộ TDP Cư Nhà La	Ngã năm Cư Nhà La (Trường TH, THCS Sùng Phải)	Đi nhà máy chè Nụ - Lượn (Giáp phường Tân Phong)	182	84	63
118	Đường nội bộ TDP Cư Nhà La	Ngã năm Cư Nhà La (Trường TH, THCS Sùng Phải)	Hết nhà ông Sùng A Tính	182	84	63
119	Đường nội bộ TDP Cư Nhà La	Ngã năm Cư Nhà La (Trường TH, THCS Sùng Phải)	Hết tuyến (Thửa 26, tờ BĐ 82)	182	84	63
120	Đường nối TDP	Ngã năm Cư Nhà La (Trường TH, THCS Sùng Phải)	Ngã ba Trung Chải	182	84	63
121	Đường nối TDP	Ngã Ba Trung Chải	Hết TDP Tả Chải	77	56	
122	Đường nối TDP	Ngã Ba Trung Chải đi TDP Sin Chải	Hết khu TĐC TDP Sin Chải	77	56	
123	Đường nối TDP	Đường đi TDP Sin Chải	Đi TDP Căn Câu (Hết TDP Căn Câu giáp xã Sin Suối Hồ)	77	56	
124	Đường nối TDP	Đường TDP Sin Chải	Đi TDP Sùng Phải (Hết TDP Sùng Phải)	77	56	
125	Các vị trí còn lại của phường Đoàn Kết (gồm các phường: Đoàn Kết cũ, Quyết Tiến cũ)			245		
126	Các vị trí còn lại của phường Đoàn Kết (phường Quyết Thắng cũ)			210		

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
127	Các vị trí còn lại của phường Đoàn Kết (gồm các xã: Sùng Phái cũ, Lân Nhì Thành cũ)			63		

PHỤ LỤC III: BẢNG GIÁ ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP TẠI ĐÔ THỊ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 100/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²



Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
	Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
I	PHƯỜNG TÂN PHONG				
1	Đường 30 - 4	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Hết Bệnh viện Đa khoa tỉnh	3.950	
2	Đường 30 - 4	Tiếp giáp Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	2.800	750
3	Đường 30 - 4	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	Tiếp giáp đường Trường Chinh	2.100	750
4	Phố Trần Đăng Ninh	Tiếp giáp đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	1.100	375
5	Đường Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	1.300	
6	Phố Trần Đại Nghĩa	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch (Trường THCS Đông Phong)	1.300	
7	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Trường Chinh	1.650	380
8	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	2.700	700
9	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	3.250	700
10	Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Cuối đường đại lộ Lê Lợi (Giáp chân núi Nùng Nàng)	3.250	700
11	Đường Hoàng Hoa Thám	Phố Yên Thế	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	1.100	

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
12	Đường Hoàng Hoa Thám	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Phú	1.300	370	260
13	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	1.650	430	270
14	Đường Trường Chinh	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	2.000	590	340
15	Đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường 30-4	1.750	520	285
16	Đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đại lộ Lê Lợi	2.000	590	340
17	Đường Nguyễn Lương Bằng	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường hình bán nguyệt (Khu vườn cây)	2.100		
18	Đường Nguyễn Đức Cảnh	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng	1.650	750	285
19	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	3.250	850	425
20	Đường Nguyễn Viết Xuân	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Thanh Niên	650	255	180
21	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	2.000	750	275
22	Đường Võ Văn Kiệt	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng kéo dài	1.650	700	340
23	Đường Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình	650		
24	Đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	1.100		
25	Đường Nguyễn Thái Bình	Tiếp giáp đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	1.650		
26	Phố Vương Thừa Vũ	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thụ	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình	750		

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
27	Phố Phạm Hồng Thái	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thụ	Tiếp giáp đường Nguyễn Thái Bình	750		
28	Đường Trần Khát Chân	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thụ	750		
29	Đường B10 (13,5m)	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đường Tô Vĩnh Diện	750		
30	Phố Hoàng Đình Cầu	Tiếp giáp phố Nguyễn Thái Bình	Tiếp giáp phố Vương Thừa Vũ	750		
31	Phố Phạm Ngũ Lão	Tiếp giáp đường Hoàng Minh Giám	Tiếp giáp đường Trần Huy Liệu	750		
32	Phố Nguyễn Phong Sắc	Giao với đường quy hoạch số 2-15	Tiếp giáp phố Phùng Chí Kiên	550		
33	Đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	1.100		
34	Đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp tuyến số 1 và tuyến số 4	Tiếp giáp phố Phùng Chí Kiên	550		
35	Tuyến số 1 (Đường Phạm Văn Đồng kéo dài)	Tiếp giáp tuyến số 3	Tiếp giáp tuyến số 4	950	315	185
36	Tuyến số 3, số 4	Tiếp giáp đường Nguyễn Lương Bằng	Tiếp giáp tuyến số 1	950		
37	Đường nhánh tổ 23, phường Đông Phong cũ	Tiếp giáp phố Trần Đăng Ninh	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng kéo dài	350	160	110
38	Phố Phùng Chí Kiên	Tiếp giáp đường Nguyễn Lương Bằng	Tiếp giáp đường Võ Văn Kiệt	550		
39	Phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1.650		
40	Đường Nguyễn Khuyến	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1.100		
41	Đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1.100		

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
42	Phố Trần Bình Trọng (Đường A4)	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	650		
43	Phố Trần Nhật Duật (Đường A5)	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	650		
44	Phố Trần Quang Khải	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Trỗi	650		
45	Phố Nguyễn Huy Tưởng	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	650		
46	Phố Nguyễn Văn Ngọc	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Nguyễn Đồng Chi	650		
47	Phố Ngô Gia Tự	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Nguyễn Đồng Chi	650		
48	Phố Hoàng Ngọc Phách	Tiếp giáp phố Trần Nhật Duật	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	650		
49	Phố Nguyễn Đồng Chi	Tiếp giáp phố Trần Nhật Duật	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	650		
50	Đường A16, A17	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp phố Hoàng Ngọc Phách	650		
51	Phố Ban Mai	Tiếp giáp với đường Phạm Ngọc Thạch (Trường mầm non Hòa Mi, Tổ dân phố số 26)	Tiếp giáp với phố Nguyễn Văn Trỗi (số nhà 519, tổ dân phố số 26)	650		
52	Phố Nguyễn Văn Trỗi (Gồm 2 nhánh)	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	950		
53	Phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp đường Nguyễn Khuyến	650		
54	Phố Mạc Đĩnh Chi	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	650		
55	Phố Trương Hán Siêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp Phố Trần Bình Trọng	650		
56	Phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp phố Trần Đại Nghĩa (20,5m)	950		

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
57	Phố Lý Tự Trọng	Tiếp giáp phố Trần Đại Nghĩa	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	650		
58	Phố Triệu Quang Phục (1B-6)	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	950		
59	Phố Đặng Dung (1B-7)	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	650		
60	Phố Nguyễn Trung Trực (1B-8)	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (13,5m)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	650		
61	Đường 1B-9 (13,5m)	Tiếp giáp phố Trần Đại Nghĩa (20,5)	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	650		
62	Phố Lương Định Của	Tiếp giáp phố Nguyễn Trung Trực	Tiếp giáp đường 30/4	650		
63	Phố Phùng Hưng	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp với đường Phạm Ngọc Thạch	650		
64	Đường nhánh cạnh nhà nghỉ Hoa Ban (Giáp BCH QS tỉnh)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp trường tiểu học San Thàng	450	195	115
65	Đường Hoàng Văn Thụ	Tiếp giáp phố Trần Đăng Ninh	Tiếp giáp đường Trần Khát Chân	950		
66	Phố Mường Kim	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp Phố Nguyễn Thị Minh Khai	950		
67	Phố Hương Phong	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	950		
68	Đường Hoàng Quốc Việt	Tiếp giáp đường TT-2	Giáp đường Nguyễn Văn Linh	1.000		
69	Đường Hoàng Quốc Việt	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường Trường Chinh	1.000		
70	Đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp đường Trường Chinh	950		
71	Phố Phan Đăng Lưu	Tiếp giáp Phố Mường Kim	Tiếp giáp phố Hương Phong	800		

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
72	Phố Yết Kiêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	Tiếp giáp đường Hoàng Quốc Việt	950		
73	Phố Nguyễn Thị Minh Khai	Tiếp giáp đường Phạm Văn Đồng	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	950		
74	Phố Lê Thanh Nghị	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	950		
75	Phố Nguyễn Duy Trinh	Tiếp giáp đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	950		
76	Đường số 5-12 (13,5m)	Tiếp giáp phố Lê Thanh Nghị	Tiếp giáp phố Nguyễn Duy Trinh	950		
77	Phố Nguyễn Đức Thuận	Tiếp giáp với đường Hoàng Quốc Việt (số nhà 001, tổ dân phố số 16)	Tiếp giáp với đường Hoàng Quốc Việt (số nhà 024, tổ dân phố số 16)	950		
78	Đường số 5-11 (13,5m)	Tiếp giáp Đường Hoàng Quốc Việt	Hết ranh giới đất chợ Tân Phong 2	1.000		
79	Đường số 1 (Khu TTHC - 46 hộ)	Tiếp giáp đường Hoàng Quốc Việt	Giáp đường Nguyễn Văn Linh	1.000		
80	Phố Lê Văn Lương	Tiếp giáp đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	550		
81	Đường nhánh số 2, 3	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp phố Lê Văn Lương	450		
82	Đường Trần Văn Thọ	Tiếp giáp đường T03	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	950	355	250
83	Đường Trần Văn Thọ	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	950	355	250
84	Phố Trịnh Hoài Đức (T01)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	950		
85	Phố Lê Văn Hưu (T02)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	950		
86	Đường T03 (13,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Cuối đường	950	300	210

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
87	Phố Nguyễn Khánh Toàn	Tiếp giáp với đường Hoàng Văn Thái (số nhà 023, tổ dân phố số 19)	Tiếp giáp với đường Trần Văn Thọ (giữa số nhà 033 và số nhà 035, tổ dân phố số 19)	1.000		
88	Đường Bùi Thị Xuân (16,5m)	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	1.100		
89	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	950	300	210
90	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp phố Hoàng Diệu	1.650		
91	Đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp phố Hoàng Diệu	Tiếp giáp phố Trần Quốc Toàn	950		
92	Phố Quyết Tiến	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	Phố Nguyễn Khánh Toàn	1.100		
93	Phố Đoàn Trần Nghiệp	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	950		
94	Đường 4A (16,5m)	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường 2-6	1.100		
95	Phố Lê Anh Xuân	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	Tiếp giáp đường 2-6	950		
96	Phố Hà Huy Tập	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	1.250		
97	Phố Vũ Tông Phan	Tiếp giáp phố Lê Anh Xuân	Tiếp giáp đường 4A	950		
98	Đường Đặng Thai Mai	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường 1-1	950		
99	Phố Trung Dũng	Tiếp giáp phố Đoàn Trần Nghiệp	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	1.050		
100	Phố Nguyễn Văn Tổ	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Đặng Thai Mai	800		
101	Đường 2 - 6	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường 4A	800		

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
102	Đường 1-1	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Nguyễn Lương Bằng	950		
103	Đường Lê Hữu Trác	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	950		
104	Đường 2B (13,5m)	Tiếp giáp phố Nguyễn Đình Chiểu	Tiếp giáp phố Phạm Công Bân	950		
105	Đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	1.650		
106	Phố Hồ Đắc Di	Tiếp giáp đường 30-4	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	2.000		
107	Phố Nguyễn Đình Chiểu	Tiếp giáp phố Hồ Đắc Di	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	950		
108	Phố Cù Chính Lan	Giao với phố Tôn Thất Tùng (số nhà 037, tổ dân phố 27)	Tiếp giáp đường Tuệ Tĩnh (số nhà 001, Tổ dân phố 27)	1.450		
109	Phố Phạm Công Bân (Đường 9B - 13,5m)	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	950	300	180
110	Đường Tuệ Tĩnh	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp phố Hồ Đắc Di	1.000		
111	Đường Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp phố Phùng Hưng	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	1.300	430	260
112	Đường Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp phố Đặng Văn Ngữ	Tiếp giáp đường nhánh vào bản Tả Làn Than	950	300	180
113	Phố Đặng Văn Chung (Đường 2B2 - 31m)	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	950		
114	Đường Trần Duy Hưng (Đường 2B3 - 11,5m)	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp phố Lê Hữu Trác	550		
115	Phố Thành Công	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	950		
116	Phố Trần Quốc Toàn	Tiếp giáp phố Thành Công	Tiếp giáp ranh giới đất CT điện lực Lai Châu	950		

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
117	Phố Nguyễn Tri Phương	Tiếp giáp đường Bùi Thị Xuân	Tiếp giáp ranh giới đất CT điện lực Lai Châu	950		
118	Đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	1.650		
119	Đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	2.000		
120	Phố Nguyễn Thái Học	Tiếp giáp trục N-01	Tiếp giáp trục N-04	950		
121	Phố Kim Đồng	Tiếp giáp đường Trần Quý Cáp	Tiếp giáp trục N-04	950	355	250
122	Phố Lưu Quý An	Tiếp giáp với đường Hoàng Văn Thái (số nhà 071, tổ dân phố số 19)	Tiếp giáp với phố Kim Đồng (Trường THCS Tân Phong)	950		
123	Phố Hoàng Diệu	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Thành Công	1.850		
124	Đường Bùi Thị Xuân	Tiếp giáp đường Hoàng Văn Thái	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	1.850		
125	Đường D5, D6 (16,5m)	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Lê Lai	1.000		
126	Phố Nguyễn Vũ Tráng	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Lê Lai	1.000		
127	Phố Lê Lai	Tiếp giáp đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	1.050		
128	Đường N4 (11,5m)	Tiếp giáp phố Nguyễn Vũ Tráng	Tiếp giáp phố Nguyễn Văn Hiến	800		
129	Phố Nguyễn Văn Hiến	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Nguyễn Vũ Tráng	800		
130	Phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	1.300		
131	Phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	800		

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
132	Phố Xuân Diệu	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp phố Lê Lai	800		
133	Phố Nam Cao	Tiếp giáp phố Đoàn Thị Điểm	Tiếp giáp đường Trần Quốc Mạnh	800		
134	Phố Cao Bá Quát (Đường T1 - 13,5m)	Tiếp giáp phố Tân Đà	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	950		
135	Phố Đoàn Thị Điểm	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp phố Cao Bá Quát	800		
136	Phố Tân Đà	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	650		
137	Đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	1.300		
138	Đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp phố Hồ Xuân Hương	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	1.000		
139	Đường Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	1.000		
140	Đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp phố Tân Đà	1.000		
141	Đường vào nhà máy chè Tam Đường	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp cổng nhà máy chè	350	225	155
142	Phố Trương Định	Tiếp giáp phố Nguyễn Cao	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	800		
143	Phố Lê Đại Hành (13m)	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp Phố Bạch Đằng	950		
144	Đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp phố Nguyễn Cao	800		
145	Ngõ 224 đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Trần Phú	Cuối đường	550	245	180
146	Đường nhánh tám Ao cá Bác Hồ thuộc phường Tân Phong cũ	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp ngõ 224 đường Trần Phú	550	250	180

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
147	Phố Chu Huy Mân	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp phố Đào Duy Anh	650		
148	Phố Lý Quốc Sư	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp phố Đào Duy Anh	650		
149	Phố Đào Duy Anh	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp phố Chu Huy Mẫn	650		
150	Phố Đào Duy Anh	Tiếp giáp phố Chu Huy Mẫn	Tiếp giáp phố Võ Thị Sáu	550		
151	Phố Sùng Phái Sinh	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Tiếp giáp đường Thanh Niên	650		
152	Đường Nguyễn Thị Định	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Lò Văn Hặc	1.300		
153	Phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Nguyễn Thị Định	Tiếp giáp phố Yên Thế	800		
154	Phố Phan Bội Châu (Đường số 6-11)	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	650		
155	Phố Phan Chu Trinh (Đường số 6-12)	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	650		
156	Phố Yên Thế	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	Tiếp giáp phố Đồng Khởi	355		
157	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	750	285	190
158	Đường số 6-7	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường 6-8	425	205	140
159	Đường số 6-8	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	425	205	140
160	Đường ven Hồ thượng lưu	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	1.400	430	210
161	Phố Võ Thị Sáu	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	1.000		

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
162	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	1.450		
163	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	950	355	210
164	Phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp đường Thanh Niên	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	950		
165	Đường số 2 (13,5m)	Tiếp giáp phố Văn Tiến Dũng	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	550		
166	Phố Văn Tiến Dũng	Tiếp giáp phố Tô Hiến Thành	Tiếp giáp phố Sùng Phái Sinh	650		
167	Đường số 7 (Nhánh 1)	Tiếp giáp nhánh 2	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	425	205	140
168	Đường số 7 (Nhánh 2 vuông góc nhánh 1)	Đầu đường	Cuối đường	375	205	140
169	Phố Tôn Thất Bách	Tiếp giáp đường Lê Hữu Trác	Tiếp giáp phố Tôn Thất Tùng	550		
170	Phố Lam Sơn	Tiếp giáp đường Đại lộ Lê Lợi	Tiếp giáp đường đi xã Nùng Nàng	1.300		
171	Đường nhánh ven suối tổ dân phố số 21 (Trước cửa nhà hàng Thái Bình Dương)	Tiếp giáp đường nhánh đi vào Nhà văn hoá tổ 21	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	385	205	140
172	Đường nhánh đi vào Nhà văn hoá tổ 21	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	385	205	140
173	Đường đi UBND xã Sùng Phái cũ	Tiếp giáp đường Lê Duẩn	Hết địa phận phường Tân Phong cũ	355	170	120
174	Đường đi vào tổ dân phố số 5 phường Tân Phong cũ	Tiếp giáp đường Trường Trinh	Đến hết đường	355	240	160
175	Đường ven hồ lãng	Tiếp giáp suối tổ dân phố số 8 phường Tân Phong cũ	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	425	205	140
176	Đường nhánh ven suối tổ dân phố số 8 phường Tân Phong cũ	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp đường Hoàng Hoa Thám	425	205	140

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
177	Phố Hàn Mặc Tử, Phố Nguyễn Văn Siêu	Tiếp giáp phố Nguyễn Huy Tường	Tiếp giáp đường Nguyễn Khuyến	650		
178	Đường tránh chợ San Thàng	Tiếp giáp ngã tư đường 30-4, đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường QL 4D	850	445	255
179	Quốc lộ 4D	Tiếp giáp ngã tư đường 30-4, đường Trường Chinh	Cửa hàng xăng dầu số 18	900	495	255
180	Quốc lộ 4D	Cửa hàng xăng dầu số 18	Hết nhà máy nước	390	222	144
181	Tuyến đường Nùng Nàng cũ - Nậm Tăm cũ đến thành phố Lai Châu đoạn qua bản Lao Tỷ Phùng			650	415	285
182	Đường Hồ Tùng Mậu	Hết địa phận phường Đoàn Kết	Tiếp giáp đường Trần Phú	1.250		
183	Đường đi Đông Pao	Tiếp giáp đường Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận phường Tân Phong	550	250	140
184	Đường đi xã Nùng Nàng	Tiếp giáp đường Trần Văn Thọ	Hết địa phận phường Tân Phong	600	380	270
185	Đường đi Nùng Nàng - Nậm Tăm	Tiếp giáp Đại lộ Lê Lợi	Hết địa phận phường Tân Phong	550	250	140
186	Tỉnh lộ 135	Đại lộ Lê Lợi kéo dài tiếp giáp với thành phố Lai Châu cũ	Ngã ba nối với đường cũ từ thành phố Lai Châu đi Nùng Nàng cũ	1.930	1.190	570
187	Đường vào đội 5 cũ	Tiếp giáp đường Trường Chinh	đến cuối đường (nhà ông Phan Văn Chung và Phan Thị Thanh)	360	231	160
188	Đường vào một số hộ tổ 28, phường Đông Phong cũ	Tiếp giáp đường Trường Chinh	cuối đường	360	231	160
189	Đường nhánh 1 nhà máy chè	Cổng nhà máy chè	Nhà ông Thảo A Tủa	350	230	160
190	Đường nhánh 2 nhà máy chè	Cổng nhà máy chè	Nhà ông Vàng A Xi bà Sùng Thị Lơ	350	230	160

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
191	Tỉnh lộ 130	Quốc lộ 4D	Giáp xã Sin Suối Hồ	325	185	120
192	Đường liên bản	Quốc lộ 4D (ngã ba điểm đen)	Hết Bản Mới	325	185	120
193	Đường vào trại giam tỉnh	Ngã 3 đường tránh chợ San Thành	Hết trại giam tỉnh	325	185	120
194	Quốc lộ 32	Đường Phạm Ngọc Thạch	Hết Trung đoàn 880	240	70	55
195	Quốc lộ 32	Hết Trung đoàn 880	Hết cửa hàng xăng dầu Hưng Hiền	192	56	44
196	Quốc lộ 32	Hết cửa hàng xăng dầu Hưng Hiền	Hết địa phận phường Tân Phong	154	45	35
197	Đường vào bản Cóc Pa	Quốc lộ 32	Hết đường	132	79	48
198	Đường vào bản Nà Bò (Tỉnh lộ 136 cũ)	Nhà ông Vàng Văn Tét	Nhà đội kiểm lâm	132	79	48
199	Đường trục xã bản Giang	Nhà ông Khiết Hợi	Ngã ba đường đi bản Hon	165	99	59
200	Đường trục xã bản Giang	Nhà ông Trần Văn Teo	Ngã ba trạm y tế bản Giang	132	79	48
201	Đường liên bản đi qua bản Suối Thầu	Ngã ba trạm y tế bản Giang	Giáp xã Nùng Nàng	132	79	48
202	Đường liên bản	Ngã ba trạm y tế bản Giang	Hết bản Nà Cơ	132	79	48
203	Đường liên bản	Ngã ba trạm y tế bản Giang	Hết bản Tản Phù Nhiêu	132	79	48
204	Đường liên bản	Nhà ông Lù Văn Say	Hết bản Tình Nà	132	79	48
205	Đường liên bản	Đường nối cao tốc	Hết Nhà văn hóa bản Cóc Pa	132	79	48

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
206	Đường liên bản đi qua bản Đoàn Kết	Nhà ông Nguyễn Thành Chung	Nhà ông Trần Văn Dũng	132	79	48
207	Đường liên bản	Trường tiểu học Suối Thầu	Nhà ông Tản Seo Phìn	132	79	48
208	Các vị trí còn lại của phường Tân Phong (gồm các xã, phường: Tân Phong cũ, Đông Phong cũ và San Thàng cũ)			175		
209	Các vị trí còn lại của phường Tân Phong (gồm các xã: Bản Giang cũ, Nùng Nàng cũ)			60		
II	PHƯỜNG ĐOÀN KẾT					
1	Đường 19-8	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	2.300	700	300
2	Đường 19-8	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	2.500	700	300
3	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1.200	380	230
4	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường tránh ngập	550	255	180
5	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường tránh ngập	Hết trụ sở Viện kiểm sát tỉnh (Cũ)	550	215	140
6	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp Viện kiểm sát tỉnh (Cũ)	Tiếp giáp đường Pusamcap	500	225	140
7	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Loỏng cũ	Hết ranh giới đất Trường lái xe cơ giới	1.600	495	255
8	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Trường lái xe cơ giới	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	1.800	495	300
9	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	Cơ sở đào tạo lái xe cơ giới đường bộ Lai Châu	530	340	190

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
10	Đường Tôn Đức Thắng	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	1.600	520	340
11	Đường Tôn Đức Thắng kéo dài	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp cổng trường mầm non Bình Minh	950	300	180
12	Đường Pusamcap	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	950	300	140
13	Đường 10-10 (20,5m)	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	950		
14	Đường 10-10 kéo dài (20,5m)	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	Cuối đường	850		
15	Đường Lê Quý Đôn	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi	950	355	195
16	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	3.450	750	330
17	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Hết Siêu thị Quang Thanh	4.550	850	445
18	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp Siêu thị Quang Thanh	Tiếp giáp đường Vừ A Dính	3.450	750	330
19	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Vừ A Dính	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	2.700	570	315
20	Đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	2.300	570	315
21	Ngõ 076 (Đường lên đền Lê Lợi), đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Hết địa phận nhà ông Bùi Đức Thiện	350	225	190
22	Ngõ 237 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Sân vận động	550	245	180
23	Ngõ 167 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp nhà ông Pờ Văn Ninh	425	205	140
24	Ngõ 210 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp bản Thành Lập phường Đoàn Kết	355	240	160

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
25	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	Tiếp giáp ngã 3 rẽ đường Trần Can	1.600	495	265
26	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp ngã 3 rẽ đường Trần Can	Hết địa phận phường Quyết Thắng cũ	1.400	495	265
27	Đường Nguyễn Trãi	Trường mầm non Nậm Lông	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	620	450	200
28	Phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp đường 19-8	Hết ranh giới đất Sân vận động	1.750		
29	Phố Chiêu Tấn (Kéo dài)	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp ranh giới Sân vận động	1.750	520	325
30	Đường Vừ A Dính	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	1.750	495	305
31	Đường nhánh	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn kéo dài	550	245	180
32	Phố Nguyễn Thiện Thuận	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp Phố Trần Cao Vân	1.064	300	180
33	Phố Phan Đình Phùng	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Phố Lê Văn Thiêm	1.064		
34	Phố Lê Văn Thiêm	Tiếp giáp đường Chu Văn An	Phố Nguyễn Thiện Thuận	1.064	300	180
35	Phố Trần Cao Vân	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Phố Phan Đình Phùng	1.064	300	180
36	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp Huỳnh Thúc Kháng	896	370	135
37	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	1.064		
38	Phố Lương Văn Can	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An	1.232		
39	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp phố Chiêu Tấn	Tiếp giáp Huỳnh Thúc Kháng	1.750		

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
40	Đường Ngô Quyền	Tiếp giáp Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	1.230		
41	Đường Huỳnh Thúc Kháng	Tiếp giáp đường 19-8	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	1.750	500	
42	Phố Hoàng Công Chất (13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Phố Nguyễn Cao	1.064		
43	Phố Dương Quảng Hàm	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An	1.064		
44	Phố Nguyễn Bá Ngọc	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Chu Văn An	1.064		
45	Phố Nguyễn Thiếp (D5 - 13m)	Tiếp giáp đường Hồ Tùng Mậu	Tiếp giáp phố Hoàng Công Chất	1.064		
46	Phố Đào Nhuận	Tiếp giáp phố Dương Quảng Hàm	Tiếp giáp phố Bạch Đằng	1.064		
47	Phố Bạch Đằng (Đường số 10 - 13m)	Tiếp giáp đường Ngô Quyền	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	1.120		
48	Đường N13 (13m)	Tiếp giáp đường 19-8	Tiếp giáp đường Chu Văn An	1.064		
49	Phố Nguyễn Cao	Tiếp giáp đường Trần Quang Diệu	Tiếp giáp đường Huỳnh Thúc Kháng	896		
50	Phố Nậm Na	Tiếp giáp Phố Mường Than	Tiếp giáp đường N16	896		
51	Đường tránh ngập	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường 19-8	375	205	140
52	Đường nhánh (Cạnh đường 19-8, tổ 8, phường Đoàn Kết cũ)	Tiếp giáp nhà ông Đinh Tây Lâm	Tiếp giáp nhà ông bà Kinh Thống	650	300	140
53	Đường nhánh sau Sân vận động	Từ trường Mầm non Hoa Sen	Tiếp giáp trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	550	270	190
54	Đường Trần Can	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Trãi (Chợ phường Quyết Thắng cũ)	650	375	245

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
55	Đường Xuân Thủy	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	550		
56	Phố Nguyễn Gia Thiều	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường 10- 10	550		
57	Phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	550		
58	Phố Bà Triệu (Đường R6A)	Tiếp giáp đường PuSamCap	Tiếp giáp đường R12	950		
59	Đường R8 (13,5m)	Tiếp giáp đường PuSamCap	Tiếp giáp đường R12	550		
60	Đường R12 (13,5m)	Tiếp giáp đường R8	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	550		
61	Đường N4	Tiếp giáp đường N1	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	550		
62	Đường Nguyễn Du	Tiếp giáp phố Nguyễn Công Hoan	Tiếp giáp đường 10 - 10	550		
63	Đường Nguyễn Du	Tiếp giáp đường 10-10	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	550		
64	Phố Quyết Thắng	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	550		
65	Đường L1, L2	Tiếp giáp phố Quyết Thắng	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	550		
66	Phố Nguyễn Tuân	Tiếp giáp đường quy hoạch số R13	Tiếp giáp đường quy hoạch số L2	550		
67	Đường R13	Tiếp giáp Phố Quyết Thắng	Tiếp giáp đường Nguyễn Du	550		
68	Tuyến đường và mặt bằng dự án đường nối từ trụ sở UBND phường Đoàn Kết mới đến giao đường số 6	Tiếp giáp UBND phường Đoàn Kết mới	Hết địa phận phường Đoàn Kết	750		
69	Đường Lê Trọng Tấn	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	550		

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
70	Đường nhánh (Cạnh TT Y tế dự phòng thành phố)	Tiếp giáp Nguyễn Trãi	Giáp đường nhánh (Từ Võ Nguyên Giáp đến Trần Can)	600		
71	Đường nhánh chạy qua bản Sáo Lán Than, Nậm Loỏng 1, Nậm Loỏng 2 thuộc phường Quyết Thắng cũ			355	175	140
72	Đường nhánh bê tông (Bám nương nước phường Quyết Thắng cũ)	Từ đường 10-10	Tiếp giáp đường chạy qua bản Sáo Lán Than thuộc phường Quyết Thắng cũ	355	175	140
73	Đường N12 (11,5m khu dân cư số 7)	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường N14	550		
74	Đường N14 (11,5m khu dân cư số 7)	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	Cuối đường	550		
75	Đường N13 (11,5m khu dân cư số 7)	Tiếp giáp đường N12	Cuối đường	550		
76	Phố Nguyễn Công Hoan	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường quy hoạch TN2	550		
77	Đường nhánh (tổ 7, phường Quyết Tiến cũ)	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	445	190	110
78	Đường nhánh (Bản Nậm Loỏng 3, phường Quyết Thắng cũ)	Tiếp giáp đường Trần Can	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	345	158	105
79	Đường nhánh phía sau Viện kiểm sát nhân dân thành phố (Tổ 1, phường Quyết Tiến cũ)	Tiếp giáp đường Tôn Đức Thắng	Tiếp giáp đường Bế Văn Đàn	355	160	110
80	Đường số 1, số 2	Tiếp giáp đường số 3	Tiếp giáp đường Pusamcap	550		
81	Đường số 3	Tiếp giáp đường số 1	Tiếp giáp đường Pusamcap	550		
82	Đường số 4, số 5	Tiếp giáp đường Pusamcap	Tiếp giáp đường Tô Hiệu	550		

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
83	Đường nhánh từ đền Lê Lợi đến bản Thành Lập phường Đoàn Kết	Thửa đất số 2, tờ bản đồ địa chính số 19, phường Đoàn Kết của ông Đinh Thế Chuyển	Giao với ngõ 210, đường Trần Hưng Đạo (hết thửa đất số 3, tờ bản đồ số 11 của ông Trần Văn Ngo)	360	180	140
84	Đường Trần Thủ độ	Tiếp giáp với đường Trần Hưng Đạo (giữa hai số nhà 226 và 228, Tổ dân phố số 10)	Tiếp giáp với đường Trần Hưng Đạo (giữa hai số nhà 366 và 370, Tổ dân phố số 11)	430	210	140
85	Phố Mường Than	Tiếp giáp Đường 19-8	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	800		
86	Đường N16 (13m)	Tiếp giáp đường 19-8	Tiếp giáp Phố Nậm Nam	950		
87	Phố Nguyễn Đình Thi	Tiếp giáp đường Xuân Thủy	Giao với phố Nguyễn Công Hoan (đối diện trụ sở Điện lực Thành phố Lai Châu)	550		
88	Đường V1 (13,5m)	Tiếp đường Xuân Thủy	Tiếp giáp phố 12/12	550		
89	Phố 12/12	Giao với đường quy hoạch N4 (đối diện số nhà 040, tổ dân phố số 7)	Giao với phố Nguyễn Công Hoan	550		
90	Đường N1	Tiếp giáp phố 30/9	Tiếp giáp phố Nguyễn Bình Khiêm	550		
91	Phố 30/9	Giao với đường Xuân Thủy (số nhà 035, tổ dân phố số 7)	Giao với phố 12/12 (số nhà 068, tổ dân phố 7)	550		
92	Đường Tô Hiệu (13,5m)	Tiếp giáp đường R2	Tiếp giáp đường số 5	550		
93	Đường nhánh của đường Trần Thủ Độ	Tiếp giáp đường Trần Thủ Độ (ngõ 226 cũ đường Trần Hưng Đạo)	Tiếp giáp đường Trần Thủ Độ (ngõ 368 cũ đường Trần Hưng Đạo)	420	210	140

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
94	Đường ngách 003 ngõ 210 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp ngõ 210 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Thủ Độ (ngõ 226 cũ đường Trần Hưng Đạo)	420	210	140
95	Ngõ 262 đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường Trần Hưng Đạo	Tiếp giáp đường nhánh của đường Trần Thủ Độ (ngõ 226 cũ đường Trần Hưng Đạo)	430	210	140
96	Đường Hồ Tùng Mậu	Tiếp giáp đường 19-8	Hết địa phận phường Đoàn Kết	1.250		
97	Quốc lộ 4D	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Cây cặng dầu thành phố số 1 + 600m	580	370	200
98	Quốc lộ 4D	Cây cặng dầu thành phố số 1 + 600m	Hết địa giới phường Đoàn Kết	370	222	133
99	Đường nội bộ TDP Seo Pá			195	100	65
100	Đường nội bộ khu TĐC Hồng Thu			195	100	65
101	Đường nội bộ TDP Hồng Thu			195	100	65
102	Đường QL4D đi Tô Y Phìn	Quốc lộ 4D	Nhà ông Thảo A Nhè	195	100	65
103	Đường nội bộ TDP Tô Y Phìn			115	70	
104	Đường nội bộ TDP Séo Xiêng Pho			115	70	
105	Đường QL4D đi Sỉ Lềng Chải	Quốc lộ 4D	Nhà ông Chèo A Khé	195	100	65
106	Đường nội bộ TDP Sỉ Lềng Chải			115	70	
107	Đường nội bộ TDP Lán Nhì Thàng			195	100	65

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
108	Đường nội bộ TDP Chiêu Sài Phìn			195	100	65
109	Đường nội bộ TDP Cung Mù Phìn			195	100	65
110	Đường đi TDP Lũng Thàng	Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới TDP Lũng Thàng	156	72	54
111	Đường đi TDP Gia Khâu 2, Gia Khâu 1	Ranh giới TDP Lũng Thàng	Hết ranh giới nhà Kiểm lâm thuộc TDP Gia Khâu 1	130	60	45
112	Đường nhánh Lũng Thàng đến Gia Khâu 1	Đường đi TDP Lũng Thàng (nhà ông Sùng A Kỳ)	Đường đi TDP Gia Khâu 2, Gia Khâu 1 (nhà ông Lầu A Chứ)	130	60	45
113	Đường bê tông	Đường Nguyễn Trãi (Nhà ông Lê Văn Khánh)	Hết nhà ông Liêu A Lữ	156	72	54
114	Đường bê tông	Đường Nguyễn Trãi (Nhà ông Vũ Văn Khánh)	Hết nhà ông Sùng A Điều	156	72	54
115	Đường vào TDP Sin Báo Chải	Cổng chào TDP Sin Báo Chải	Hết nhà ông Giàng A Hồ	130	60	45
116	Đường vào TDP Cư Nhà La	Giáp phường Tân Phong	Ngã năm Cư Nhà La (Trường TH, THCS Sùng Phài)	156	72	54
117	Đường nội bộ TDP Cư Nhà La	Ngã năm Cư Nhà La (Trường TH, THCS Sùng Phài)	Đi nhà máy chè Nụ - Lượn (Giáp phường Tân Phong)	130	60	45
118	Đường nội bộ TDP Cư Nhà La	Ngã năm Cư Nhà La (Trường TH, THCS Sùng Phài)	Hết nhà ông Sùng A Tính	130	60	45
119	Đường nội bộ TDP Cư Nhà La	Ngã năm Cư Nhà La (Trường TH, THCS Sùng Phài)	Hết tuyến (Thửa 26, tờ BĐ 82)	130	60	45
120	Đường nối TDP	Ngã năm Cư Nhà La (Trường TH, THCS Sùng Phài)	Ngã ba Trung Chải	130	60	45
121	Đường nối TDP	Ngã Ba Trung Chải	Hết TDP Tả Chải	55	40	
122	Đường nối TDP	Ngã Ba Trung Chải đi TDP Sin Chải	Hết khu TĐC TDP Sin Chải	55	40	

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
123	Đường nối TDP	Đường đi TDP Sin Chải	Đi TDP Căn Câu (Hết TDP Căn Câu giáp xã Sin Suối Hồ)	55	40	
124	Đường nối TDP	Đường TDP Sin Chải	Đi TDP Sùng Phài (Hết TDP Sùng Phài)	55	40	
125	Các vị trí còn lại của phường Đoàn Kết (gồm các phường: Đoàn Kết cũ, Quyết Tiến cũ)			175		
126	Các vị trí còn lại của phường Đoàn Kết (phường Quyết Thắng cũ)			150		
127	Các vị trí còn lại của phường Đoàn Kết (gồm các xã: Sùng Phài cũ, Lân Nhì Thành cũ)			45		

PHỤ LỤC IV: BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TẠI NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 100/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
I	XÃ MƯỜNG KIM								
1	Quốc lộ 32	Trường cấp 2	Giáp cầu sắt	850	460	270			
2	Quốc lộ 32	Tiếp giáp địa phận trường cấp 2	Giáp địa phận xã Mường Cang cũ	450	190	130			
3	QL 279	Tiếp giáp QL32 - Ngã ba Mường Kim	Cầu Mường Kim	790	440	260			
4	QL 279	Cầu Mường Kim	Đường rẽ vào nhà máy thủy điện	410	190	120			
5	QL 279	Tiếp giáp cầu sắt	Hết địa phận trường THPT Mường Kim	410	180	120			
6	Các xã: Tà Mung, Tà Hừa, Pha Mu cũ			210	180	120	140	84	84
7	Xã Mường Kim cũ			520	350	230	260	130	97
II	XÃ KHOEN ON								
1	Xã Khoen On cũ			210	180	120	140	86	86
2	Xã Ta Gia cũ			520	350	230	260	130	97
III	XÃ THAN UYÊN								
1	Đường Điện Biên Phủ	Đầu cầu Mường Cang (Số nhà 634)	Hết ranh giới đất hạt Kiểm lâm (Số nhà 550)	6.000	1.900	950			
2	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới đất hạt Kiểm lâm (Số nhà 550)	Hết ranh giới đất Sân vận động (Số nhà 548)	4.200	1.500	680			
3	Đường Điện Biên Phủ	Hết ranh giới đất Sân vận động (Số nhà 631)	Hết ranh giới đất Công an xã (Số nhà 402)	3.700	1.400	570			
4	Đường Điện Biên Phủ	Hết ranh giới đất Công an xã (Số nhà 402)	Hết ranh giới số nhà 227	3.100	1.200	500			
5	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 225	Hết địa phận thị trấn Than Uyên cũ	2.800	1.100	450			
6	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới thửa đất số nhà 352	Đền hết ranh giới thửa đất số nhà 077 dự án chỉnh trang đô thị khu 8	3.700					
7	Phố Lương Định Của	Ngã 3 (Số nhà 002)	Hết ranh giới đất Phòng Cảnh sát PCCC	1.700	600	330			
8	Phố Lương Định Của	Ranh giới số nhà 084	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh (Hết ranh giới số nhà 106)	800	320	150			
9	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp ngã 3 đường Điện Biên Phủ (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 170 đường Thanh Niên	800	370	180			
10	Đường Thanh Niên	Hết ranh giới nhà ông Đô khu 6 (Số nhà 170)	Hết địa phận thị trấn Than Uyên cũ	520	250	150			
11	Ngõ 620 Đường Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Văn Việt	900	360	170			
12	Phố Lý Tự Trọng	Ranh giới số nhà 002	Đường Thanh Niên (Số nhà 082)	900	360	170			
13	Đường 15/10	UBND xã Than Uyên (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 192	900	360	170			
14	Ngõ 534 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 013	800	320	150			
15	Ngõ 542 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 029	800	320	150			
16	Phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ (Ranh giới số nhà 551)	1.300	300	150			
17	Phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới nhà ông An	Hết ranh giới đất nhà ông Thế	310	210	140			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
18	Ngõ 413 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 045	800	320	150			
19	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 016	800	320	150			
20	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp số nhà 018	Hết ranh giới số nhà 092	780	320	150			
21	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới số nhà 092	Hết ranh giới số nhà 131	430	240	150			
22	Ngõ 695 Điện Biên Phủ	Ranh giới đất nhà ông Phan Văn Sơn (Số nhà 002)	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	500	250	150			
23	Ngõ Di Sen Đông	Tiếp giáp ngã 3 (Ngõ 15 đường Điện Biên Phủ) (Số nhà 001)	Hết ranh giới đất Hồ Bán Đông	500	250	150			
24	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp Ngã 3 (Số nhà 001)	Hết ranh giới đất Nhà khách huyện ủy (Số nhà 017)	2.300	900	420			
25	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp ranh giới đất Nhà khách huyện ủy (Số nhà 020)	Cổng Huyện đội (Số nhà 086)	1.100	500	220			
26	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đối diện cổng Huyện đội tiếp giáp đất nhà ông Hương Sinh	Hết địa phận thị trấn Than Uyên cũ	470	250	160			
27	Ngõ 821 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất Hội trường UBND xã (Số nhà 005)	1.100	500	220			
28	Đường Tôn Thất Tùng	Ngã tư Ngân hàng Công thương (Số nhà 001)	Ngã tư (Gần số nhà 046)	1.400	500	280			
29	Đường Tôn Thất Tùng	Ngã 4 (Gần số nhà 083)	Hết ranh giới số nhà 135	800	320	150			
30	Đường Tôn Thất Tùng	Ranh giới số nhà 137	Tiếp giáp đường Thanh Niên	720	280	170			
31	Phố Hoàng Liên	Ngã 3 (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 089	1.100	500	220			
32	Phố Chu Văn An	Ranh giới đất Honda Trường Thành (Số nhà 001)	Ngã 3 (Hết số nhà 059)	1.400	500	280			
33	Phố Phạm Ngọc Thạch	Ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp Bờ hồ Than Uyên (Số nhà 046)	900	360	170			
34	Ngõ 18 Nguyễn Chí Thanh	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	1.200	500	220			
35	Đường sau Sân vận động	Tiếp giáp ngã 3 Quốc lộ 32	Tiếp giáp đường trục 3 (Gần nhà bà Thanh)	900	360	170			
36	Ngõ 193 Đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (Ranh giới đất nhà ông Lộc)	800	320	150			
37	Ngõ 552 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 010	800	320	150			
38	Phố Trần Huy Liệu	Ranh giới số nhà 002	Tiếp giáp đầu cầu khu 8 (Số nhà 016)	800	320	150			
39	Phố Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đầu cầu khu 8 (Số nhà 020)	Hết ranh giới đất nhà ông Thông (Mão) (Số nhà 076)	510	250	150			
40	Ngõ phố Tô Vĩnh Diện	Ranh giới số nhà 01	Hết ranh giới đất nhà ông Quốc Trung	440	230	150			
41	Ngõ 21 Trần Quốc Mạnh	Ranh giới đất nhà ông Nguyễn Đình Hải (Khu 5b)	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	500	250	150			
42	Ngõ 51 Nguyễn Chí Thanh	Ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 026	500	250	150			
43	Ngõ 82 Lương Định Của	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 005	510	250	150			
44	Phố Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp ngã 3 Quốc lộ 32 (Số nhà 002)	Tiếp giáp số nhà 022	800	610	270			
45	Phố Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp ngã tư 15/10 (Số nhà 028)	Tiếp giáp đường Thanh Niên (Số nhà 066)	510	250	150			
46	Ngõ 17 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 019	510	250	150			
47	Ngõ 23 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	510	250	150			
48	Ngõ 31 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 023	510	250	150			
49	Ngõ 192 đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 192	Tiếp giáp đường Thanh Niên (Số nhà 018)	930	360	170			
50	Ngõ 9 đường 15/10	Ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp đường 15/10 (Số nhà 037)	780	370	180			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
51	Ngõ 66 đường 15/10	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 031	510	250	150			
52	Ngõ 32 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Trường Mầm non số 2 (Số nhà 011)	1.000	400	170			
53	Ngõ 123 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 021	380	190	140			
54	Ngõ 135 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	380	190	140			
55	Ngõ 10 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	470	250	160			
56	Ngõ 2 Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 011	380	190	140			
57	Ngõ 2 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	380	190	140			
58	Ngõ 28 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 025	380	190	140			
59	Ngõ 12 Lương Định Của	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 017	470	250	160			
60	Ngõ 665 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 013	380	190	140			
61	Ngõ 819 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	380	190	140			
62	Ngõ 14 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	380	190	140			
63	Ngõ 476 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 007	380	190	140			
64	Ngách 2 ngõ 458 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp ranh giới số nhà 015	470	250	160			
65	Ngõ 18 đường Thanh Niên	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	470	250	160			
66	Ngõ 181 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 007	310	210	140			
67	Ngõ 119 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 012	310	210	140			
68	Ngõ 483 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 016	380	190	140			
69	Ngõ 73 Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 030	380	190	140			
70	Ngõ 86 đường Thanh Niên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 028	470	250	160			
71	Ngõ 164 đường Thanh Niên	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 014	380	190	140			
72	Ngõ 88 Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 015	470	250	160			
73	Ngõ 67 Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 012	Hết ranh giới số nhà 034	310	210	140			
74	Ngõ 44 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 004	380	240	160			
75	Ngõ 22 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	380	240	160			
76	Ngõ 36 Lý Tự Trọng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 009	380	240	160			
77	Ngõ 146 đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	310	210	140			
78	Ngõ 110 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 011	310	210	140			
79	Ngõ 23 Tô Vĩnh Diện	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 021	310	210	140			
80	Ngõ 83 Trần Huy Liệu	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	310	210	140			
81	Ngõ 400 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Đến cuối đường (Hết ranh giới số nhà 006)	470	250	160			
82	Ngõ 529 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp ranh giới đất Trại Y tế (Số nhà 002)	470	250	160			
83	Ngõ 73 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất Công ty ga Hải Vân (Số nhà 005)	470	250	160			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
84	Ngõ 159 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 009	380	190	140			
85	Ngõ 122 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001 (đất đầu giá)	Hết ranh giới số nhà 002	310	210	140			
86	Ngõ 36 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 004	310	210	140			
87	Ngõ 62 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	310	210	140			
88	Ngõ 084 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 084	Hết ranh giới số nhà 001	310	210	140			
89	Ngõ 174 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 174	Hết ranh giới số nhà 001	310	210	140			
90	Ngõ 122 đường Thanh Niên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 124	Hết ranh giới số nhà 003	470	250	160			
91	Ngõ 42 phố Trần Huy Liệu	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 017	310	210	140			
92	Ngõ 213 đường Điện Biên Phủ	Từ tiếp giáp ranh giới số nhà 213	Hết ranh giới số nhà 007	310	210	140			
93	Ngõ 54 đường 15 /10	Tiếp giáp Ranh giới số nhà 056	Hết ranh giới số nhà 015	1.000	400	170			
94	Ngách 8 ngõ 54 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	380	190	140			
95	Ngách 15 ngõ 66 đường 15/10	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 006	380	190	140			
96	Ngõ 532 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 532	Hết ranh giới số nhà 009	780	320	150			
97	Ngõ 429, đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới thửa đất số nhà 01	Đến hết ranh giới thửa đất số nhà 10	310					
98	Ngõ 13, đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới thửa đất số nhà 01	Hết ranh giới thửa đất số nhà 10	310					
99	Ngõ 103, đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới thửa đất số nhà 01	Hết ranh giới thửa đất số nhà 46	310					
100	Ngõ 86 đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới thửa đất số nhà 01	Hết ranh giới thửa đất số nhà 12.	310					
101	Nhánh 1 đường hạ tầng đô thị Than Uyên	Từ nhà bà Thủy Đạt	đến đất nhà ông Nguyễn Thanh Phụng	710	440	250			
102	Nhánh 2 đường hạ tầng đô thị Than Uyên	Từ nhà ông Công Vi	đến Ngã 3 đường đi Mường Mít	710	440	250			
103	Nhánh 3 đường hạ tầng đô thị Than Uyên	Từ Quốc lộ 32	Ngã 3 đường đi Mường Mít	710	440	250			
104	Nhánh 4 đường hạ tầng đô thị Than Uyên	Từ Quốc lộ 33	đến đất nhà ông Nguyễn Xuân Chín	710	440	250			
105	Nhánh 5 đường hạ tầng đô thị Than Uyên	Từ nhà ông Thư (ngã 3 đường nội đồng Khu 9)	Đến nhà bà Đỗ Thị Tuyết	710	440	250			
	Đường quốc lộ đi qua xã Mường Cang cũ								
106	Quốc lộ 32	Tiếp giáp cầu Mường Cang	Cây xăng nhà bà Chử	1.900	720	280			
107	Quốc lộ 32	Cây xăng nhà bà Chử	Hết đất Ban quản lý rừng phòng hộ	1.300	510	200			
108	Quốc lộ 32	Tiếp giáp đất Ban quản lý rừng phòng hộ	Hết địa phận xã Mường Cang cũ	640	340	150			
109	Đường nhánh	Tiếp giáp Quốc lộ 32 cầu Mường Cang	Hết ranh giới đất nhà bà Mòn	640	360	150			
110	Đường nhánh	Tiếp giáp Quốc lộ 32 cầu Mường Cang	Hết ranh giới đất nhà ở công nhân viên Công ty thủy điện HQ-BC	640	360	150			
	Đường quốc lộ đi qua xã Mường Than cũ								
111	Quốc lộ 32	Tiếp giáp địa phận thị trấn Than Uyên cũ đến	Hết ranh giới đất ông Nguyễn Bá Trường	1.100	550	300			
112	Quốc lộ 32	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Nguyễn Bá Trường	Hết địa phận xã Mường Than cũ	620	360	150			
113	Đường đi bản Xuân Phụng - Hua Than- Ên Luông	Từ hết ranh giới đất ông Hải Thủy	Sân vận động Hua Than	710	440	250			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
114	Đường nối 279	Nhà máy thủy điện Nà Khảm	HTX dịch vụ nông nghiệp (bản Đông)	710	440	250			
115	Đường bản Ngà	Nhà bà Hoa Sừ	nhà văn hóa bản Ngà	710	440	250			
116	Đường nhánh Hua Nà	Trường THCS Hua Nà	Hết trường mản non Hua Nà	550	360	230			
117	Đường nhánh	Ngã ba (đường rẽ lên trụ sở UBND xã Hua Nà cũ)	Đầu đường Hảy Lăm	550	360	230			
118	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Than Uyên cũ			310					
119	Các xã: Mường Cang cũ, Mường Than cũ			710	440	250	420	240	130
120	Các xã Hua Nà cũ			550	360	230	260	130	95
IV	XÃ MƯỜNG THAN								
	Đường quốc lộ đi qua xã Phúc Than cũ								
1	Quốc lộ 32	Cầu Nậm Phang	Đường rẽ vào bản Nà Phát	620	360	150			
2	Quốc lộ 32	Điểm giao với đường rẽ vào bản Nà Phát	Cầu Che Bó	1.175	588	320			
3	Quốc lộ 32	Cầu Che Bó	Hết địa phận xã Phúc Than cũ	620	360	150			
4	Quốc lộ 279	Ngã ba Quốc lộ 279 đường đi Văn Bàn	Hết ranh giới Trạm kiểm lâm	1.100	550	300			
5	Xã Phúc Than cũ			1.018	628	363	430	250	130
6	Xã Mường Mít cũ			210	180	120	140	90	86
V	XÃ PẮC TA								
1	Xã Pắc Ta cũ			510	320	230	290	190	120
2	Xã Hố Mít cũ			130	95	74	110	74	63
VI	XÃ NẬM SỎ								
1	Xã Nậm Sỏ cũ			140	100	76	110	76	65
2	Xã Tà Mít cũ			130	95	74	110	74	63
VII	XÃ TÂN UYÊN								
1	Đường Lê Lợi	Phía Bắc cầu Huổi Chăng Nọi	Hết cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	4.200	2.300	1.900			
2	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	Hết cổng Tổ 3	2.900	1.800	1.400			
3	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cổng Tổ 3	Hết địa phận thị trấn Tân Uyên (Giáp xã Phúc Khoa cũ)	1.100	600	500			
4	Đường Lê Lợi	Phía Nam cầu Huổi Chăng Nọi	Hết ranh giới đất Đội thuế	3.100	1.800	1.400			
5	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp ranh giới đất Đội thuế	Hết địa phận thị trấn Tân Uyên cũ (Giáp xã Thân Thuộc cũ)	2.900	1.800	1.400			
6	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Lê Lợi (công sân vận động huyện)	Đường Võ Nguyên Giáp	1.100	600	500			
7	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết đường bê tông trục chính tổ dân phố số 17	540	420	260			
8	Đường 7/3	Đường Lê Lợi (Km381+720)	Hết ranh giới đất Nhà máy chè Than Uyên	1.100	600	500			
9	Phố Võ Thị Sáu	Đường Lê Lợi (Km381+970)	Đường Võ Nguyên Giáp	1.100	600	500			
10	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Lê Lợi (Tổ dân phố số 2 đường đi bản Nà Ban)	Cầu qua suối đi Nà Ban	860	570	350			
11	Phố Đặng Thùy Trâm	Đường Lê Lợi (Km381+620)	Phố Phạm Ngọc Thạch	940	620	370			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
12	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Lê Lợi (Km381+910)	Phố Đặng Thùy Trâm	1.500	700	500			
13	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Lê Lợi (Km381+990)	Trạm Y tế thị trấn Tân Uyên cũ	860	570	350			
14	Phố Vũ A Dĩnh	Nguyễn Viết Xuân	Phố Lý Tự Trọng	1.000					
15	Phố Lý Tự Trọng	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Phố Nguyễn Viết Xuân	1.000					
16	Nhánh Quốc lộ 32	Trạm Y tế xã Tân Uyên	Cổng nghĩa trang nhân dân	860	570	350			
17	Nhánh Quốc lộ 32	Tiếp giáp Quốc lộ 32	Cuối đường	410	270	220			
18	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huồi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 32)	Kè suối Nậm Chăng Luông Khu 32	940	560	350			
19	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huồi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 26)	Kè suối Nậm Chăng Luông (Khu 26)	940	560	350			
20	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huồi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 7)	Đường Trường Chinh	940	560	350			
21	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi (Km380+950)	Tiếp giáp khu dân cư khu 7	690	440	290			
22	Đường Ngô Quyền	Đường Lê Lợi (Km383+740)	Đường đi tổ dân phố 4 cũ	650	420	280			
23	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Trần Quốc Mạnh	Đường Lê Lợi (Km382+590)	2.000					
24	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huồi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 15)	Điểm giao nhau với đường xung quanh chợ	1.100	600	500			
25	Đường Hoàng Liên Sơn	Đường Lê Lợi (Km387+00)	Giáp địa phận bản Hồ Be	450	300	230			
26	Đường Lò Văn Hặc	Đường Lê Lợi (Km383+740)	Ranh giới quy hoạch chung thị trấn Tân Uyên cũ	450	300	230			
27	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Lê Lợi (Km382+940)	Giao với đường tránh QL 32 dự kiến	450	300	230			
28	Phố Trần Quốc Mạnh	Đường Lê Lợi (Km381+530)	Đường Võ Nguyên Giáp	2.000					
29	Phố Lương Đình Của	Đường Trường Chinh	Đường Lê Duẩn	460	240	190			
30	Phố Hồ Xuân Hương	Đường Lê Lợi (Trụ sở Chi cục thuế huyện)	Tiếp giáp đoạn đường rẽ đi Trường THPT nội trú	1.300					
31	Phố Chu Văn An	Đường Lê Lợi (Km380+890)	Tiếp giáp Trường THPT nội trú	1.300					
32	Đường Lê Duẩn	Đường Lê Lợi (Vị trí vòng xuyên)	Hết ranh giới đất Trung tâm viễn thông	1.300					
33	Đường Trần Phú	Đường Lê Lợi (Trụ sở Công an huyện)	Hết ranh giới đất Chi cục thống kê	1.300					
34	Phố Nguyễn Du	Phố Nguyễn Tuân (Trụ sở Công ty cầu đường số 3)	Phố Chu Văn An (Trường THPT nội trú)	1.000					
35	Phố Xuân Diệu	Phố Nguyễn Tuân (Trụ sở Kho bạc Nhà nước huyện)	Phố Chu Văn An (Trường THPT nội trú)	1.000					
36	Phố Nguyễn Tuân	Đường Lê Lợi (Km381+080)	Phố Chu Văn An	1.000					
37	Phố Nguyễn Tuân	Phố Chu Văn An	Phố Hồ Xuân Hương (Trụ sở Đội thuế)	1.000					
38	Quốc lộ 32	Hạt Kiểm Lâm huyện	Hết ranh giới đất quy hoạch chung thị trấn Tân Uyên cũ đến năm 2030	1.143	688	651			
39	Quốc lộ 32	Tiếp giáp địa phận thị trấn Tân Uyên cũ	Hết ranh giới đất quy hoạch Bến xe, Chợ xã Thân Thuộc cũ	1.060	620	460			
40	Các đường nhánh thuộc mặt bằng dự án: Phát triển quỹ đất bố trí đất ở dân cư			670	370	290			
41	Ngõ 5 đường 7/3	Đường 7/3	Đường Võ Thị Sáu	900	530	330			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
42	Các tuyến đường còn lại trong Khu trung tâm hành chính huyện			1.000					
43	Khu dự án chỉnh trang đô thị gắn với sắp xếp dân cư Tổ dân phố 26 (bản Na Giàng cũ)			1.000					
44	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Tân Uyên cũ			236					
45	Xã Nậm Cắn cũ			210	150	120	150	95	74
46	Xã Trung Đồng cũ			500	320	220	280	190	120
47	Xã Thân Thuộc cũ			580	400	260	320	190	140
VIII	XÃ MƯỜNG KHOA								
1	Xã Mường Khoa cũ			210	150	120	150	100	76
2	Xã Phúc Khoa cũ			590	410	270	320	190	140
IX	XÃ BẢN BO								
1	Quốc lộ 32	Từ trụ sở UBND xã Bản Bo	Đến Nghĩa trang bản Hung Phong	350	102	65			
2	Khu tái định cư xã Bản Bo (Toàn khu)			350					
3	Xã Bản Bo cũ			170	106	68	113	76	76
4	Xã Nà Tăm cũ			150	95	63	110	74	74
X	XÃ BÌNH LƯ								
1	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Ngã 3 Tiếp giáp đường Lương Định Của	2.800	540	350			
2	Đường Trần Phú	Ngã 3 Tiếp giáp đường Lương Định Của	Tiếp giáp đường 21/9	2.900	640	340			
3	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường 21/9	Hết cầu Mường Cầu	2.100	450	260			
4	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đầu cầu Mường Cầu	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	940	260	160			
5	Đường nội thị (Quốc lộ 4D cũ)	Cây xăng Thảo Trang	Tiếp giáp xã Hồ Thầu cũ	940	260	160			
6	Đường Tác Tình	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết địa phận nhà máy nước	1.000	260	160			
7	Đường 21/9	Tiếp giáp Trần Phú	Tiếp giáp đất trung tâm hội nghị	3.600	640	350			
8	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp cầu Tiên Bình	Cây xăng Thảo Trang	1.400	340	250			
9	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Tiên Bình	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	2.300	620	270			
10	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	Tiếp giáp đường 21/9	3.300	640	290			
11	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường 21/9	Ngã 3 Tiếp giáp đường Trần Phú	3.300	640	290			
12	Đường Võ Nguyên Giáp	Ngã 3 Tiếp giáp đường Trần Phú	Hết địa phận thị trấn Tam Đường cũ	3.100	640	290			
13	Đường B1 (Khu TĐC Thác Cạn)	Đầu đường	Cuối đường	890					
14	Phố Nguyễn Đình Thi	Đoạn tiếp giáp đường Trường Chinh	Phố Hồ Xuân Hương	930					
15	Phố Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Chương	Phố Nguyễn Đình Thi	930					
16	Đường Nguyễn Chương	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp với đường Thác Tình	1.000	270	160			
17	Đường Trường Chinh	Phố Nguyễn Đình Thi	Phố Nguyễn Thị Sáu	1.500					

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
18	Đường Trường Chinh	Phố Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Văn Linh	1.800					
19	Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Quý Đôn	Đường Nguyễn Văn Linh	1.800					
20	Đường Thanh Niên	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Văn Linh	1.700					
21	Đường Thanh Niên	Đường Nguyễn Văn Linh	Phố Võ Thị Sáu	1.500					
22	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	1.500					
23	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trần Phú	1.700	370	190			
24	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	1.500					
25	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trần Phú	1.400	340	190			
26	Phố Chu Văn An	Phố Võ Thị Sáu	Tiếp giáp Trung tâm Hội nghị	1.400					
27	Đường Hoàng Quốc Việt	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	1.200					
28	Phố Xuân Diệu	Công an huyện	Phố Nguyễn Đình Thi	630					
29	Phố Xuân Diệu	Phố Nguyễn Đình Thi	Đường Nguyễn Chương	590					
30	Phố Kim Đồng	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Nguyễn Văn Linh	1.400					
31	Phố Kim Đồng	Đường 21/9	Đường Lê Quý Đôn	2.600	620	330			
32	Phố Nguyễn Viết Xuân	Ngã 3 tiếp giáp với phố Kim Đồng	Đường Võ Nguyên Giáp	1.400					
33	Phố Nguyễn Viết Xuân	Ngã 3 phố Kim Đồng	Đường Trần Phú	1.400					
34	Phố Tô Vĩnh Diện	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Văn Linh	1.800					
35	Phố Võ Thị Sáu	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	1.500					
36	Phố Nguyễn Thái Học	Đầu Nguyễn Văn Linh	Ngã 3 đi vào phố Nguyễn Viết Xuân	2.600					
37	Phố Nguyễn Thái Học	Ngã 3 đi vào phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Võ Nguyên Giáp	2.900					
38	Phố Lê Văn Tám	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Nguyễn Thái Học	2.900					
39	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Tác Tĩnh	Phố Tô Hữu	630	240	160			
40	Phố Tô Hữu	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Tác Tĩnh	630	240	160			
41	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	450	340	270			
42	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	300	250	220			
43	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	450	340	270			
44	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	300	250	220			
45	Phố Đặng Văn Ngữ	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	450	340	270			
46	Phố Đặng Văn Ngữ	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	300	250	220			
47	Đường Phan Đình Giót	Đường Thanh Niên	Đường Bế Văn Đàn	350					
48	Phố La Văn Cầu	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Hoàng Quốc Việt	650					
49	Phố Nguyễn Du	Đường Trần Phú	Đường Võ Nguyên Giáp	830					
50	Quốc lộ 4D	Từ Trạm Kiểm tra tải trọng 058	Trường mầm non Bình Lư +200m	420	180	140			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
51	Đường Vũ A Dính	Giao với nút giao đường Bế Văn Đàn - đường Thanh Niên	Giao với đường Tác Tĩnh	170					
52	Đường Lò Văn Hặc	Giao với đường Võ Nguyên Giáp(Km 57+550, bên trái)	Giao với đường Nguyễn Hữu Thọ	320					
53	Sắp xếp dân cư bán Tác Tĩnh, thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường cũ	Toàn khu		240					
54	Đường Lương Định Của	Đường Trần Phú	Ngã 3 đi bản Nà Đon, xã Bình Lư	960	260	160			
55	Ngõ 1 đường 21/9	Đầu đường	Cuối đường	1.200					
56	Đường Bế Văn Đàn	Đường Phan Đình Giót	Đường Vũ A Dính	170					
57	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Tam Đường cũ			140					
58	Xã Sơn Bình cũ			330	99	63	110	74	74
59	Xã Bình Lư cũ			370	200	140	306	184	84
XI	XÃ TẢ LÈNG								
1	Di chuyển dân cư bản Phô Hồ Thầu, xã Hồ Thầu, huyện Tam Đường cũ ra khỏi vùng có nguy cơ xảy ra thiên tai (Toàn khu)			240					
2	Xã Hồ Thầu cũ			240	99	63	110	74	74
3	Xã Giang Ma cũ			240	91	65	108	65	65
4	Xã Tả Lèng cũ			150	95	63	105	74	74
XII	XÃ KHUN HÁ								
1	Quốc lộ 32	Giáp địa phận phường Tân Phong	Hết địa phận xã Khun Há	250	150	100			
2	Khu tái định cư Đông Pao 2 (Toàn khu)			240					
3	Khu tái định cư trung tâm xã Bản Hòn (Toàn khu)			240					
4	Các vị trí còn lại trên địa bàn xã Bản Hòn cũ			150	95	63	110	74	74
5	Các vị trí còn lại trên địa bàn xã Khun Há cũ			140	90	65	90	63	65
XIII	XÃ SİN SUỐI HỒ								
1	Khu tái định cư xã Thên Sìn cũ (Toàn khu)			240					
2	Di dân khỏi vùng thiên tai tại bản Pan Khèo, xã Thên Sìn, huyện Tam Đường cũ (Toàn khu)			240					
3	Xã Sìn Suối Hồ cũ			320	180	110	150	110	74
4	Xã Nậm Xe cũ			380	200	130	220	140	84
5	Xã Thên Sìn cũ			330	91	65	110	65	65
XIV	XÃ PHONG THỎ								
1	Đường Điện Biên Phủ	Cầu Pa So	Km 20+200 (Nhà máy nước)	3.200					
2	Đường Điện Biên Phủ	Km20+200	Km21+85 (Hết đường đôi)	2500	1540	600			
3	Đường Điện Biên Phủ	Km21+85 (Hết đường đôi)	Km21+500 (Hết quy hoạch mở rộng trung tâm thị trấn Phong Thổ cũ)	1400	590	280			
4	Đường Điện Biên Phủ	Km0	Km1 + 100	3100					

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
5	Đường Điện Biên Phủ	Km1 + 100	Km1 + 600	2500	1500				
6	Quốc lộ 4D	Từ Km1 + 600	Km6 + 300	1100	730	440			
7	Quốc lộ 4D	Km6 + 300 (Trạm xử lý nước sạch Vàng Bó)	Km6 + 900 (Hết địa phận thị trấn Phong Thổ cũ)	790	490	300			
8	Quốc lộ 4D	Km6 + 900	Đầu nối quốc lộ 100	210	130	110			
9	Đường Võ Nguyên Giáp	Km 18 (Ranh giới quy hoạch thị trấn Phong Thổ cũ)	Cầu sang khu TĐC Huổi Luông	1.300	580	300			
10	Đường Võ Nguyên Giáp	Đầu cầu sang khu TĐC Huổi Luông	Cầu Pa So	2.200					
11	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Pa So	Cầu Hòa Bình	2.500					
12	Phố Bế Văn Đàn	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	1.900					
13	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Phố Nguyễn Chương	1.900					
14	Đường Chu Văn An	Phố Nguyễn Chương	Hết Ngân hàng chính sách	1.900					
15	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Phố Võ Thị Sáu	1.900					
16	Đường Chu Văn An	Phố Võ Thị Sáu	Phố Vừ A Dính	1.500					
17	Đường Chu Văn An	Phố Vừ A Dính	Ngân hàng chính sách	1200					
18	Phố Nguyễn Chương	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Đường Chu Văn An	1.900					
19	Phố Võ Thị Sáu	Trung tâm chính trị	Ngân hàng chính sách	1.900					
20	Phố Vừ A Dính	Phố Võ Thị Sáu	Đường Chu Văn An	1.500					
21	Phố Nguyễn Viết Xuân	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	1.800					
22	Phố Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	1.800					
23	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp QL12	Tiếp giáp QL12 (Công an xã)	1.200					
24	Quốc lộ 12	Km21+500 (Hết quy hoạch mở rộng trung tâm thị trấn Phong Thổ cũ)	Km25+500 (Hết địa phận Thị trấn Phong Thổ cũ)	680	410	310			
25	Phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1800					
26	Phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1800					
27	Phố Trần Can	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1800					
28	Phố Phan Đình Giót	Tiếp giáp phố Trần Can	Tiếp Giáp đường Võ Nguyên Giáp	1800					
29	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Hòa Bình	1800					
30	Các tuyến đường thuộc thôn Đoàn Kết			280					
31	Phố đi bộ	Tiếp giáp với đầu cầu Pa So (Km19+800 QL12)	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ (Km20+050 QL12)	3.000					
32	Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng								
32.1	Quốc lộ 12	Tiếp giáp đường số 5	Tiếp giáp đường số 8	2.700	2.100	1.500			
32.2	Đường số 4	Tiếp giáp đường số 9	Tiếp giáp đường số 5	1.100					
32.3	Đường số 5	Tiếp giáp đường số 4	Tiếp giáp đường số 9	1.100					
32.4	Đường số 8	Tiếp giáp QL 12	Tiếp giáp đường số 3	1.800	1.400	990			
32.5	Đường số 9	Tiếp giáp đường số 4	Tiếp giáp đường số 5	1.100					

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
32.6	Đường số 13 (đường cụt)	Tiếp giáp đường số 3	Cuối đường	1.400	1.090	780			
32.7	Đường số 15	Tiếp giáp QL 12	Tiếp giáp đường số 1	1.500	1.100	800			
33	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Phong Thổ cũ			110					
34	Xã Mường So cũ			750	420	260	290	180	108
35	Xã Ma Li Pho cũ			460	240	150	230	170	95
36	Xã Huổi Luông cũ			380	200	130	220	140	84
XV	XÃ DÀO SAN								
1	Xã Đào San cũ			390	200	130	230	140	86
2	Xã Tung Qua Lin cũ, xã Mù Sang cũ			310	170	110	150	110	74
XVI	XÃ SÌ LỖ LẦU								
1	Xã Vàng Ma Chải cũ, xã Si Lở Lầu cũ			320	170	110	150	110	76
2	Xã Mỏ Si San cũ, xã Pa Vây Sừ cũ			310	170	110	150	110	74
XVII	XÃ KHÔNG LÃO								
1	Xã Không Lão cũ			480	250	160	240	170	100
2	Xã Hoang Thên cũ, xã Bản Lang cũ			460	240	150	230	170	95
XVIII	XÃ TỬA SÍN CHẢI								
1	Xã Làng Mỏ cũ, xã Tả Ngảo cũ			180	113	65	97	54	54
2	Xã Tủa Sín Chải cũ			120	63	53	63	53	53
XIX	XÃ SÌN HỒ								
1	Đường Võ Nguyên Giáp	Cổng phòng Tài chính	Ngã tư Bưu điện	1.600	890	340			
2	Đường Võ Nguyên Giáp	Ngã tư Bưu điện	Hết địa phận chợ	1.600	890	340			
3	Đường Võ Nguyên Giáp	Ranh giới đất nhà ông Hiền-Hòa (giáp chợ)	Hết ranh giới đất nhà bà Chèo Mỹ Lai	1.230	540	280			
4	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Lợi (Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Lai Phòng nông nghiệp)	Tỉnh lộ 128 (Ngã ba- đường vào xã Tả Phìn cũ)	470	250	150			
5	Đường Võ Nguyên Giáp	Ranh giới đất nhà ông Hùng-Thim	Hết ranh giới đất trụ sở BQLDABTĐC	1.230	540	280			
6	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp ranh giới đất BQLDABTĐC	Hết ranh giới đất nhà ông Từ	640	340	180			
7	Đường Võ Nguyên Giáp	Từ ranh giới đất nhà ông Từ	Tỉnh lộ 128 (Nhà văn hóa khu I)	500	250	150			
8	Phố Chu Văn An	Đường Võ Nguyên Giáp (Bưu điện huyện)	Tiếp giáp ranh giới trường mầm non	1.230	540	280			
9	Phố Chu Văn An	Ranh giới đất trường Mầm non	Đường Lê Lợi (Ngã ba sân bóng Tùng Dương)	910	450	280			
10	Phố Vừ A Dính	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà bà Thủy-Xương	910	450	280			
11	Phố Vừ A Dính	Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Thủy-Xương	Đường Trường Chinh	660	350	180			
12	Phố Trần Hưng Đạo	Đường Võ Nguyên Giáp (Bưu điện)	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	1.600	890	340			
13	Phố Trần Hưng Đạo	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	Đường Lê Lợi (Ngã ba Bệnh viện)	910	450	280			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
14	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà ông Dính	470	280	160			
15	Phố Bế Văn Đàn	Phố Trần Hưng Đạo	Đường Lê Lợi	700	360	190			
16	Phố Bế Văn Đàn	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp suối Hoàng Hồ (Đầu cầu Hoàng Hồ)	570	260	160			
17	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Lê Lợi (Trung tâm Y tế)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đối diện chợ cũ)	640	340	180			
18	Đường Lê Lợi	Đường Võ Nguyên Giáp (Ngã ba-Khách sạn Thanh Bình)	Hết cổng Bệnh viện	1.800	1.200	620			
19	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cổng Bệnh viện	Giao với đường Lê Duẩn	1.700	930	600			
20	Đường Lê Lợi	Giao với đường Lê Duẩn	Đường Võ Nguyên Giáp	1.600	810	500			
21	Phố Kim Đồng	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Chu Văn An	640	340	180			
22	Phố Quang Trung	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trường Chinh	380	190	140			
23	Đường Trường Chinh	Đường Võ Nguyên Giáp (Đi Tp Lai Châu cũ)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đi Chấn Nưa cũ)	360	190	130			
24	Phố Âu Cơ	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi	360	190	130			
25	Phố Lạc Long Quân	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi	360	190	130			
26	Đường nội thị	Phố Trần Hưng Đạo	Cổng trường PTDT Nội trú	910	450	280			
27	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Dũng - Phòng	Hết cổng trường THCS	560	270	160			
28	Đường nội thị	Ranh giới đất nhà bà Ninh - Khinh	Hết ranh giới đất nhà ông Páo	380	190	140			
29	Đường nội thị	Ranh giới đất Dãy nhà phía sau Thương nghiệp	Hết cổng kho Bạc	380	190	140			
30	Đường nội thị	Đường Lê Lợi	Hết bản Sin Hồ Vây	380	190	140			
31	Đường nội thị	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp đường nội thị đoạn từ ranh giới đất nhà ông Hiền Hòa (giáp chợ) đến hết ranh giới nhà bà Lai	1.210	730	370			
32	Đường nội thị	Tiếp giáp đường lên bản Dao	Tiếp giáp đường Trường Chinh	340	160	130			
33	Đường nội thị	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà ông Vũ Đình Tây	340	160	130			
34	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Vũ Đình Tây	Đầu cầu Hoàng Hồ (giáp bản Hoàng Hồ)	670	340	270			
35	Đường nội thị	Đầu cầu Hoàng Hồ	Hết bản Hoàng Hồ	670	340	270			
36	Đường nội thị	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp (đi Chấn Nưa)	Phố Bế Văn Đàn (Đoạn đường từ đường Lê Lợi đến tiếp giáp suối Hoàng Hồ (đầu cầu Hoàng Hồ))	670	340	270			
37	Đường nội thị	Tiếp giáp Đường Lê Lợi	Đường nội thị (Đoạn đường từ Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp (đi Chấn Nưa) đến Phố Bế Văn Đàn (Đoạn đường từ đường Lê Lợi đến tiếp giáp suối Hoàng Hồ (đầu cầu Hoàng Hồ)))	670	340	270			
38	Đường nội thị giáp dãy nhà phía Tây chợ	Ranh giới đất nhà ông Võ-Cúc	Hết ranh giới đất nhà ông Dinh - Cáp	640	340	180			
39	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Sin Hồ cũ			220					
40	Xã Sà Dề Phìn cũ, xã Phăng Sô Lín cũ, xã Tả Phìn cũ)			170	110	63	95	53	53
XX	XÃ HỒNG THU								
1	Xã Hồng Thu cũ, xã Phìn Hồ cũ			170	110	63	95	53	53

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
2	Xã Ma Quai cũ			180	110	65	100	54	54
XXI	XÃ NẬM TẮM								
1	Xã Nậm Tầm cũ			400	190	120	150	93	80
2	Xã Lũng Thàng cũ, xã Nậm Cha cũ			170	110	63	95	53	53
XXII	XÃ PU SAM CÁP								
1	Xã Pa Khóa cũ, xã Noong Hèo cũ			180	113	65	97	54	54
2	Xã Pu Sam Cáp cũ			120	63	53	63	53	53
XXIII	XÃ NẬM CUỐI								
1	Xã Nậm Hăn cũ			120	63	53	63	53	53
2	Xã Nậm Cuối cũ			180	113	65	97	54	54
XXIV	XÃ NẬM MẠ								
1	Xã Nậm Mạ (gồm xã Căn Co cũ, xã Nậm Mạ cũ)			180	110	65	100	54	54
XXV	XÃ LÊ LỢI								
1	Xã Pú Dao cũ			130	92	55	84	53	53
2	Xã Nậm Pi cũ			100	53	42	53	42	42
3	Xã Chăn Nưa cũ			370	158	97	119	76	65
4	Xã Lê Lợi cũ			160	100	77	95	53	53
XXVI	XÃ NẬM HÀNG								
1	Đường Lê Thái Tổ	Từ tiếp giáp phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp Đường Phan Đình Giót	890	710	410			
2	Đường Lê Thái Tổ	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	Cổng Trường THPT	890					
3	Đường Lê Thái Tổ	Cổng Trường THPT	Khu Trung tâm hành chính	1.400	1.200	700			
4	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng cũ	Hết cầu Nậm Dòn	430	280	190			
5	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp cầu Nậm Dòn	Đường Lê Thái Tổ	520	360	230			
6	Đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	840	640	460			
7	Đường Nội thị	Tiếp giáp Phố Tô Vĩnh Diện	Sau nhà nghỉ Phượng Huyền	840	640	460			
8	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Trường Chinh	Sau Trường THCS thị trấn Nậm Nhùn cũ	840	640	460			
9	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Manh cũ	270	170	150			
10	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng cũ (đi bản Nậm Cây)	350	260	180			
11	Đường Lê Duẩn	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	1.200					
12	Đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết cầu Nậm Nhùn	740	590	340			
13	Đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Cuối đường (tiếp giáp đường Sông Đà)	400	270	220			
14	Đường Vừ A Dính	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Qua đài truyền hình +500m	400	270	220			
15	Đường Sông Đà	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Đường bến cảng nghiêng	280	190	150			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
16	Đường Sông Đà	Tiếp giáp Đường bến cảng nghiêng	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	270	170	150			
17	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Giáp ngã ba đi bản Noong Kiêng, Nậm Cây	350	230	170			
18	Đường Bế Văn Đàn	Giáp ngã ba đi bản Noong Kiêng	Hết Nhà văn hóa bản Noong Kiêng	260	200	140			
19	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Cầu Nậm Manh	350	230	170			
20	Tỉnh Lộ 127 (đường mới)	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng cũ	400	270	180			
21	Tỉnh lộ 127	Cầu Nậm Nhùn	Tiếp giáp ngã 3 bản Nậm Nhùn	400	270	180			
22	Đường Trường Chinh	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	1.200	530	370			
23	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Bờ kè sông Đà	1.200					
24	Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp Đường Trường Chinh	Bờ kè sông Đà	1.200					
25	Đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp đường Trường Chinh	1.200					
26	Đường Lê Quý Đôn	Giao đường Lê Thái Tổ	Giao với bờ kè sông Đà	840	640	460			
27	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	740	590	340			
28	Phố Tô Vĩnh Diện	Giao với đường Phan Đình Giót	Giao với đường Lê Thái Tổ	840					
29	Phố Hoàng Công Chất	Giao với đường Lê Thái Tổ	Trụ sở UBND xã thị trấn Nậm Nhùn cũ	1.200					
30	Đường Nội thị (B1)	Từ tiếp giáp đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Lê Thái Tổ	1.200					
31	Đường Nội thị (D4)	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	1.200					
32	Đường Nội thị (D5)	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	1.200					
33	Đường Nội thị (D9)	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	1.200					
34	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Nậm Nhùn cũ			160					
35	Xã Nậm Hàng cũ			160	100	77	95	53	53
36	Xã Nậm Manh cũ			130	88	53	84	53	53
XXVII	XÃ MUỜNG MÔ								
1	Xã Muờng Mô cũ			160	106	79	97	54	54
2	Xã Nậm Chà cũ			100	53	42	53	42	42
XXVIII	XÃ HUA BUM								
1	Xã Hua Bum cũ			130	91	54	86	54	54
2	Xã Vàng San cũ thuộc huyện Muờng Tè cũ			140	88	63	84	53	53
XXIX	XÃ PA TẦN								
1	Xã Pa Tần cũ			466	202	126	120	76	65
2	Xã Nậm Ban cũ			99	53	42	53	42	42
3	Xã Trung Chải cũ			130	91	54	86	54	54
XXX	XÃ BUM NƯA								
1	Xã Bum Nưa cũ			170	120	79	110	65	65

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
2	Xã Pa Vệ Sủ cũ			110	74	53	84	46	46
XXXI	XÃ BUM TỜ								
1	Đường Điện Biên Phủ	Cầu Mường Tè 1	Nhà ông Sung Giang	1.065	622	532			
2	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Sung Giang	Hết ranh giới bên xe khách	1.358	710	487			
3	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp bên xe	Dốc Phiêng Ban (Hết ranh giới ông Phan văn Thái)	1.065	622	532			
4	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Phan Văn Thái	Tiếp giáp Nhà ông Quang Thiều	1234	674	509			
5	Đường Điện Biên Phủ	Nhà ông Quang Thiều	Hết nhà ông Linh	1.234	674	509			
6	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Linh	Giáp địa phận xã Bum Nưa	887	566	509			
7	Đường Chu Văn An	Ranh giới đất Đài truyền hình	Ngã tư đường Võ Nguyên Giáp	1234	674	509			
8	Đường Chu Văn An	Ngã tư đường Võ Nguyên Giáp	Đường Điện Biên Phủ (Km 280+800)	1234	674	509			
9	Đường Chu Văn An	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km 280+00)	Hết ranh giới công ty Thương Mại	1.234	674	509			
10	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp với công ty Thương Mại	Tiếp giáp Đài truyền hình	1124	622	486			
11	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ (Km 280+00)	Phố 25/1	1.234	674	509			
12	Đường Hồ Tùng Mậu	Đường Điện Biên Phủ Km 279+800	Đường Điện Biên Phủ Km 280+500	1.234	674	509			
13	Đường nội thị	Đường Chu Văn An	Hết đường bê tông tiếp giáp bản Mần	887	566	486			
14	Đường nội thị	Đường Điện Biên Phủ (nhà dừng hạnh)	Đến bờ kè tam cấp (thôn 8)	887	566	486			
15	Đường nội thị	Tiếp giáp công trung tâm GDTX	Hết đất nhà bà Chim (thôn 2)	946	611	475			
16	Đường nội thị	Trường THCS	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Đại Cà	887	566	486			
17	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Pa	Đến nhà Lý Ma Xá	946	611	475			
18	Đường nội thị	Đường Điện Biên Phủ	Đường Võ Nguyên Giáp	887	566	486			
19	Đường nội thị	Đường Chu Văn An	Giáp bờ kè suối Nậm Cầu (thôn 10)	900	700				
20	Đường nội thị	Trụ sở UBND thị trấn cũ	nhà ông Vàng Văn Thắng (dạo)	1.000	600	450			
21	Phố Ngô Quyền	Đường Điện Biên Phủ (Km 283+200)	Km 0+330 (hết tuyến đường bê tông)	887	566	486			
22	Phố Nguyễn Bình Khiêm	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+900)	Hết ranh giới đất TTGDTX	887	566	486			
23	Phố Đào Trọng Lịch	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+800)	Tiếp giáp ranh giới đất BCH quân sự	887	566	486			
24	Phố Lý Thường Kiệt	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+700)	Nhà Văn hóa thôn 2	887	566	486			
25	Phố Phạm Ngũ Lão	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+200)	Trung tâm GDTX cũ	887	566	486			
26	Phố Lý Tự Trọng	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+300)	Nhà VH bản Bo	887	566	486			
27	Phố Lê Quý Đôn	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+100)	Km 00+550 (hết tuyến đường nhựa)	887	566	486			
28	Phố Kim Đồng	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+500)	Trường THCS thị trấn Mường Tè cũ	887	566	486			
29	Phố Trần Văn Thọ	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+150)	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+100)	800	600				
30	Đường Nậm Bum	Đường Chu Văn An (Vị trí - Trại tạm giam công an huyện)	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	679					
31	Đường Nậm Bum	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	Ngã ba đi trung tâm xã Vàng San	679	486	389			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
32	Đường Lê Đại Hành	Giao với đường Điện Biên Phủ (VT vòng xuyên khu phố 12 cũ)	Đường Nậm Bum (VT trường mầm non thị trấn cũ)	1.234	674	532			
33	Đường Võ Nguyên Giáp	Quán Quê Hương (thôn 10)	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km283+700)	2.512	1.435	1.077			
34	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Giao với đường Điện Biên Phủ (nhà Hoa Anh)	PETROLIMEX- Cửa hàng 06	1.100					
35	Đường nội thị (Đường vòng bờ kè suối Nậm Cầu)	Cầu Nậm Cầu mới	Giao với đường 32m (Gần cầu TĐC khu phố 1)	1.358	710	622			
36	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Điện Biên Phủ (Km279+200)	Trung tâm y tế	887	566	486			
37	Phố Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Lê Đại Hành	Ngã ba đi trung tâm xã Vàng San cũ	1.672	828	622			
38	Phố Cù Chính Lan	Đường Lê Đại Hành	Nhà ông Phòng (Huyện)	1.672	828	622			
39	Phố Nguyễn Tuân	Đường Võ Nguyên Giáp	Km00+350 (hết tuyến đường nhựa)	1.543	769	588			
40	Phố Võ Thị Sáu	Nhà VH khu phố 12	Km00+350 (hết tuyến đường nhựa)	1.872	913	651			
41	Đường Phan Đình Giót	Đường Điện Biên Phủ (Km279+400)	Trụ sở Công ty THHH MTV Liên Phương	1.234	674	509			
42	Đường nội thị	Đường Điện Biên Phủ	Đường Võ Nguyên Giáp	887	566	486			
43	Đường nội thị (Đường vòng bờ kè suối Nậm Cầu)	Cầu Nậm Cầu mới	Giao với đường 32m (Gần cầu TĐC khu phố 1)	1.358	710	622			
44	Đường Trần Đại Nghĩa	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km284+00 đến QL4H)	Nhà máy thủy điện Nậm Xi Lường Tinh	750	600	450			
45	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Mường Tè cũ			170					
46	Xã Can Hồ cũ			170	120	77	110	63	63
47	Xã Bum Tở cũ			140	90	63	84	53	53
XXXII	XÃ MƯỜNG TÈ								
1	Xã Mường Tè cũ			170	120	77	110	63	63
2	Xã Nậm Khao cũ			150	91	65	86	54	54
XXXIII	XÃ THU LŨM								
1	Xã Ka Lăng cũ			150	91	65	86	54	54
2	Xã Thu Lũm cũ			140	88	63	84	53	53
XXXIV	XÃ PA Ủ								
1	Xã Pa Ủ cũ			120	76	54	86	48	48
2	Xã Tá Bạ cũ			110	74	53	84	46	46
XXXV	XÃ MÙ CẢ								
1	Xã Mùa Cả			110	76	54	86	48	48
XXXVI	XÃ TÀ TỔNG								
1	Xã Tà Tổng			110	76	54	86	48	48



PHỤ LỤC V. BẢNG GIÁ GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI, DỊCH VỤ TẠI NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 100/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
I	XÃ MƯỜNG KIM								
1	Quốc lộ 32	Trường cấp 2	Giáp cầu sắt	595	320	189			
2	Quốc lộ 32	Tiếp giáp địa phận trường cấp 2	Giáp địa phận xã Mường Cang cũ	315	133	90			
3	QL 279	Tiếp giáp QL32 - Ngã ba Mường Kim	Cầu Mường Kim	550	310	182			
4	QL 279	Cầu Mường Kim	Đường rẽ vào nhà máy thủy điện	287	133	84			
5	QL 279	Tiếp giáp cầu sắt	Hết địa phận trường THPT Mường Kim	287	126	84			
6	Các xã: Tà Mung, Tà Hừa, Pha Mu cũ			150	130	84	98	63	63
7	Xã Mường Kim cũ			360	250	160	180	90	70
II	XÃ KHOEN ON								
1	Xã Khoen On cũ			140	120	87	97	65	65
2	Xã Ta Gia cũ			360	250	160	180	87	65
III	XÃ THAN UYÊN								
1	Đường Điện Biên Phủ	Đầu cầu Mường Cang (Số nhà 634)	Hết ranh giới đất hạt Kiểm lâm (Số nhà 550)	4.200	1.330	665			
2	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới đất hạt Kiểm lâm (Số nhà 550)	Hết ranh giới đất Sân vận động (Số nhà 548)	2.940	1.050	476			
3	Đường Điện Biên Phủ	Hết ranh giới đất Sân vận động (Số nhà 631)	Hết ranh giới đất Công an xã (Số nhà 402)	2.590	980	399			
4	Đường Điện Biên Phủ	Hết ranh giới đất Công an xã (Số nhà 402)	Hết ranh giới số nhà 227	2.170	840	350			
5	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 225	Hết địa phận thị trấn Than Uyên cũ	1.960	770	315			
6	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới thửa đất số nhà 352	Đến hết ranh giới thửa đất số nhà 077 dự án chỉnh trang đô thị khu 8	2.590					
7	Phố Lương Định Của	Ngã 3 (Số nhà 002)	Hết ranh giới đất Phòng Cảnh sát PCCC	1.190	420	230			
8	Phố Lương Định Của	Ranh giới số nhà 084	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh (Hết ranh giới số nhà 106)	560	224	105			
9	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp ngã 3 đường Điện Biên Phủ (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 170 đường Thanh Niên	560	260	126			
10	Đường Thanh Niên	Hết ranh giới nhà ông Đỗ Khu 6 (Số nhà 170)	Hết địa phận thị trấn Than Uyên cũ	364	175	105			
11	Ngõ 620 Đường Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Văn Việt	630	252	120			
12	Phố Lý Tự Trọng	Ranh giới số nhà 002	Đường Thanh Niên (Số nhà 082)	630	252	120			
13	Đường 15/10	UBND xã Than Uyên (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 192	630	252	120			
14	Ngõ 534 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 013	560	224	105			
15	Ngõ 542 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 029	560	224	105			
16	Phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ (Ranh giới số nhà 551)	910	210	105			
17	Phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới nhà ông An	Hết ranh giới đất nhà ông Thế	217	147	98			
18	Ngõ 413 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 045	560	224	105			
19	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 016	560	224	105			
20	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp số nhà 018	Hết ranh giới số nhà 092	546	224	105			
21	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới số nhà 092	Hết ranh giới số nhà 131	300	168	105			
22	Ngõ 695 Điện Biên Phủ	Ranh giới đất nhà ông Phan Văn Sơn (Số nhà 002)	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	350	175	105			
23	Ngõ Đi Sen Đông	Tiếp giáp ngã 3 (Ngõ 15 đường Điện Biên Phủ) (Số nhà 001)	Hết ranh giới đất Hồ Bán Đông	350	175	105			
24	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp Ngã 3 (Số nhà 001)	Hết ranh giới đất Nhà khách huyện ủy (Số nhà 017)	1.610	630	294			
25	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp ranh giới đất Nhà khách huyện ủy (Số nhà 020)	Cổng Huyện đội (Số nhà 086)	770	350	154			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
26	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đối diện cổng Huyện đội tiếp giáp đất nhà ông Hương Sinh	Hết địa phận thị trấn Than Uyên cũ	330	175	112			
27	Ngõ 821 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất Hội trường UBND xã (Số nhà 005)	770	350	154			
28	Đường Tôn Thất Tùng	Ngã tư Ngân hàng Công thương (Số nhà 001)	Ngã tư (Gần số nhà 046)	980	350	196			
29	Đường Tôn Thất Tùng	Ngã 4 (Gần số nhà 083)	Hết ranh giới số nhà 135	560	224	105			
30	Đường Tôn Thất Tùng	Ranh giới số nhà 137	Tiếp giáp đường Thanh Niên	504	196	120			
31	Phố Hoàng Liên	Ngã 3 (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 089	770	350	154			
32	Phố Chu Văn An	Ranh giới đất Honda Trường Thành (Số nhà 001)	Ngã 3 (Hết số nhà 059)	980	350	196			
33	Phố Phạm Ngọc Thạch	Ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp Bờ hồ Than Uyên (Số nhà 046)	630	252	120			
34	Ngõ 18 Nguyễn Chí Thanh	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	840	350	154			
35	Đường sau Sân vận động	Tiếp giáp ngã 3 Quốc lộ 32	Tiếp giáp đường trục 3 (Gần nhà bà Thanh)	630	252	120			
36	Ngõ 193 Đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (Ranh giới đất nhà ông Lộc)	560	224	105			
37	Ngõ 552 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 010	560	224	105			
38	Phố Trần Huy Liệu	Ranh giới số nhà 002	Tiếp giáp đầu cầu khu 8 (Số nhà 016)	560	224	105			
39	Phố Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đầu cầu khu 8 (Số nhà 020)	Hết ranh giới đất nhà ông Thông (Mão) (Số nhà 076)	350	175	105			
40	Ngõ phố Tô Vĩnh Diện	Ranh giới số nhà 01	Hết ranh giới đất nhà ông Quốc Trượng	308	160	105			
41	Ngõ 21 Trần Quốc Mạnh	Ranh giới đất nhà ông Nguyễn Đình Hải (Khu 5b)	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	350	175	105			
42	Ngõ 51 Nguyễn Chí Thanh	Ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 026	350	175	105			
43	Ngõ 82 Lương Định Của	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 005	357	175	105			
44	Phố Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp ngã 3 Quốc lộ 32 (Số nhà 002)	Tiếp giáp số nhà 022	560	430	189			
45	Phố Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp ngã tư 15/10 (Số nhà 028)	Tiếp giáp đường Thanh Niên (Số nhà 066)	357	175	105			
46	Ngõ 17 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 019	357	175	105			
47	Ngõ 23 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	357	175	105			
48	Ngõ 31 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 023	357	175	105			
49	Ngõ 192 đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 192	Tiếp giáp đường Thanh Niên (Số nhà 018)	650	252	120			
50	Ngõ 9 đường 15/10	Ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp đường 15/10 (Số nhà 037)	546	260	126			
51	Ngõ 66 đường 15/10	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 031	357	175	105			
52	Ngõ 32 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Trường Mầm non số 2 (Số nhà 011)	700	280	120			
53	Ngõ 123 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 021	266	133	98			
54	Ngõ 135 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	266	133	98			
55	Ngõ 10 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	330	175	112			
56	Ngõ 2 Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 011	266	133	98			
57	Ngõ 2 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	266	133	98			
58	Ngõ 28 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 025	266	133	98			
59	Ngõ 12 Lương Định Của	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 017	330	175	112			
60	Ngõ 665 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 013	266	133	98			
61	Ngõ 819 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	266	133	98			
62	Ngõ 14 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	266	133	98			
63	Ngõ 476 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 007	266	133	98			
64	Ngách 2 ngõ 458 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp ranh giới số nhà 015	330	175	112			
65	Ngõ 18 đường Thanh Niên	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	330	175	112			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
66	Ngõ 181 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 007	217	147	98			
67	Ngõ 119 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 012	217	147	98			
68	Ngõ 483 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 016	266	133	98			
69	Ngõ 73 Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 030	266	133	98			
70	Ngõ 86 đường Thanh Niên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 028	330	175	112			
71	Ngõ 164 đường Thanh Niên	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 014	266	133	98			
72	Ngõ 88 Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 015	330	175	112			
73	Ngõ 67 Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 012	Hết ranh giới số nhà 034	217	147	98			
74	Ngõ 44 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 004	266	168	112			
75	Ngõ 22 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	266	168	112			
76	Ngõ 36 Lý Tự Trọng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 009	266	168	112			
77	Ngõ 146 đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	217	147	98			
78	Ngõ 110 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 011	217	147	98			
79	Ngõ 23 Tô Vĩnh Diện	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 021	217	147	98			
80	Ngõ 83 Trần Huy Liệu	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	217	147	98			
81	Ngõ 400 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Đến cuối đường (Hết ranh giới số nhà 006)	330	175	112			
82	Ngõ 529 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp ranh giới đất Trại Y tế (Số nhà 002)	330	175	112			
83	Ngõ 73 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất Công ty ga Hải Vân (Số nhà 005)	330	175	112			
84	Ngõ 159 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 009	266	133	98			
85	Ngõ 122 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001 (đất đầu giá)	Hết ranh giới số nhà 002	217	147	98			
86	Ngõ 36 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 004	217	147	98			
87	Ngõ 62 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	217	147	98			
88	Ngõ 084 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 084	Hết ranh giới số nhà 001	217	147	98			
89	Ngõ 174 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 174	Hết ranh giới số nhà 001	217	147	98			
90	Ngõ 122 đường Thanh Niên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 124	Hết ranh giới số nhà 003	330	175	112			
91	Ngõ 42 phố Trần Huy Liệu	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 017	217	147	98			
92	Ngõ 213 đường Điện Biên Phủ	Từ tiếp giáp ranh giới số nhà 213	Hết ranh giới số nhà 007	217	147	98			
93	Ngõ 54 đường 15 /10	Tiếp giáp Ranh giới số nhà 056	Hết ranh giới số nhà 015	700	280	120			
94	Ngách 8 ngõ 54 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	266	133	98			
95	Ngách 15 ngõ 66 đường 15/10	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 006	266	133	98			
96	Ngõ 532 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 532	Hết ranh giới số nhà 009	546	224	105			
97	Ngõ 429, đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới thửa đất số nhà 01	Đến hết ranh giới thửa đất số nhà 10	220					
98	Ngõ 13, đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới thửa đất số nhà 01	Hết ranh giới thửa đất số nhà 10	220					
99	Ngõ 103, đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới thửa đất số nhà 01	Hết ranh giới thửa đất số nhà 46	220					
100	Ngõ 86 đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới thửa đất số nhà 01	Hết ranh giới thửa đất số nhà 12.	220					
101	Nhánh 1 đường hạ tầng đô thị Than Uyên	Từ nhà bà Thủy Đạt	đến đất nhà ông Nguyễn Thanh Phụng	497	308	175			
102	Nhánh 2 đường hạ tầng đô thị Than Uyên	Từ nhà ông Công Vi	đến Ngã 3 đường đi Mường Mít	497	308	175			
103	Nhánh 3 đường hạ tầng đô thị Than Uyên	Từ Quốc lộ 32	Ngã 3 đường đi Mường Mít	497	308	175			
104	Nhánh 4 đường hạ tầng đô thị Than Uyên	Từ Quốc lộ 33	đến đất nhà ông Nguyễn Xuân Chín	497	308	175			
105	Nhánh 5 đường hạ tầng đô thị Than Uyên	Từ nhà ông Thư (ngã 3 đường nội đồng Khu 9)	Đến nhà bà Đỗ Thị Tuyết	497	308	175			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
	Đường quốc lộ đi qua xã Mường Cang cũ								
106	Quốc lộ 32	Tiếp giáp cầu Mường Cang	Cây xăng nhà bà Chứ	1.330	504	196			
107	Quốc lộ 32	Cây xăng nhà bà Chứ	Hết đất Ban quản lý rừng phòng hộ	910	357	140			
108	Quốc lộ 32	Tiếp giáp đất Ban quản lý rừng phòng hộ	Hết địa phận xã Mường Cang cũ	450	238	105			
109	Đường nhánh	Tiếp giáp Quốc lộ 32 cầu Mường Cang	Hết ranh giới đất nhà bà Mòn	450	252	105			
110	Đường nhánh	Tiếp giáp Quốc lộ 32 cầu Mường Cang	Hết ranh giới đất nhà ở công nhân viên Công ty thủy điện HQ-BC	450	252	105			
	Đường quốc lộ đi qua xã Mường Than cũ								
111	Quốc lộ 32	Tiếp giáp địa phận thị trấn Than Uyên cũ đến	Hết ranh giới đất ông Nguyễn Bá Trường	770	385	210			
112	Quốc lộ 32	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Nguyễn Bá Trường	Hết địa phận xã Mường Than cũ	434	252	105			
113	Đường đi bản Xuân Phương - Hua Than- Ên Luông	Từ hết ranh giới đất ông Hải Thủy	Sân vận động Hua Than	497	308	175			
114	Đường nối 279	Nhà máy thủy điện Nà Khảm	HTX dịch vụ nông nghiệp (bản Đông)	497	308	175			
115	Đường bản Ngà	Nhà bà Hoa Sừ	nhà văn hóa bản Ngà	497	308	175			
116	Đường nhánh Hua Nà	Trường THCS Hua Nà	Hết trường mần non Hua Nà	390	250	160			
117	Đường nhánh	Ngã ba (đường rẽ lên trụ sở UBND xã Hua Nà cũ)	Đầu đường Hảy Lậm	390	250	160			
118	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Than Uyên cũ			217					
119	Các xã: Mường Cang cũ, Mường Than cũ			500	310	180	290	170	91
120	Các xã Hua Nà cũ			390	250	160	180	91	67
IV	XÃ MƯỜNG THAN								
	Đường quốc lộ đi qua xã Phúc Than cũ			595	320	189			
1	Quốc lộ 32	Cầu Nậm Phang	Đường rẽ vào bản Nà Phát	434	252	105			
2	Quốc lộ 32	Điểm giao với đường rẽ vào bản Nà Phát	Cầu Che Bó	823	411	224			
3	Quốc lộ 32	Cầu Che Bó	Hết địa phận xã Phúc Than cũ	434	252	105			
4	Quốc lộ 279	Ngã ba Quốc lộ 279 đường đi Văn Bản	Hết ranh giới Trạm kiểm lâm	770	385	210			
5	Xã Phúc Than cũ			713	439	254	300	180	90
6	Xã Mường Mít cũ			150	130	87	100	63	63
V	XÃ PẮC TA								
1	Xã Pắc Ta cũ			360	220	160	200	140	87
2	Xã Hồ Mít cũ			91	67	52	77	52	44
VI	XÃ NẬM SỎ								
1	Xã Nậm Sỏ cũ			93	67	54	77	54	43
2	Xã Tà Mít cũ			91	67	52	77	52	44
VII	XÃ TÂN UYÊN								
1	Đường Lê Lợi	Phía Bắc cầu Huổi Chăng Nọi	Hết cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	2.940	1.610	1.330			
2	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	Hết cổng Tổ 3	2.030	1.260	980			
3	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cổng Tổ 3	Hết địa phận thị trấn Tân Uyên (Giáp xã Phúc Khoa cũ)	770	420	350			
4	Đường Lê Lợi	Phía Nam cầu Huổi Chăng Nọi	Hết ranh giới đất Đội thuế	2.170	1.260	980			
5	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp ranh giới đất Đội thuế	Hết địa phận thị trấn Tân Uyên cũ (Giáp xã Thân Thuộc cũ)	2.030	1.260	980			
6	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Lê Lợi (cổng sân vận động huyện)	Đường Võ Nguyên Giáp	770	420	350			
7	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết đường bê tông trục chính tổ dân phố số 17	380	294	182			
8	Đường 7/3	Đường Lê Lợi (Km381+720)	Hết ranh giới đất Nhà máy chè Than Uyên	770	420	350			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
9	Phố Võ Thị Sáu	Đường Lê Lợi (Km381+970)	Đường Võ Nguyên Giáp	770	420	350			
10	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Lê Lợi (Tổ dân phố số 2 đường đi bản Nà Ban)	Cầu qua suối đi Nà Ban	600	400	245			
11	Phố Đặng Thùy Trâm	Đường Lê Lợi (Km381+620)	Phố Phạm Ngọc Thạch	660	434	259			
12	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Lê Lợi (Km381+910)	Phố Đặng Thùy Trâm	1.050	490	350			
13	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Lê Lợi (Km381+990)	Trạm Y tế thị trấn Tân Uyên cũ	600	400	250			
14	Phố Vũ A Dĩnh	Nguyễn Viết Xuân	Phố Lý Tự Trọng	700					
15	Phố Lý Tự Trọng	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Phố Nguyễn Viết Xuân	700					
16	Nhánh Quốc lộ 32	Trạm Y tế xã Tân Uyên	Cổng nghĩa trang nhân dân	600	400	245			
17	Nhánh Quốc lộ 32	Tiếp giáp Quốc lộ 32	Cuối đường	287	190	154			
18	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 32)	Kè suối Nậm Chăng Luông Khu 32	660	390	245			
19	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 26)	Kè suối Nậm Chăng Luông (Khu 26)	660	390	245			
20	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 7)	Đường Trường Chinh	660	390	245			
21	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi (Km380+950)	Tiếp giáp khu dân cư khu 7	480	310	203			
22	Đường Ngô Quyền	Đường Lê Lợi (Km383+740)	Đường đi tổ dân phố 4 cũ	455	294	196			
23	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Trần Quốc Mạnh	Đường Lê Lợi (Km382+590)	1.400					
24	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 15)	Điểm giao nhau với đường xung quanh chợ	770	420	350			
25	Đường Hoàng Liên Sơn	Đường Lê Lợi (Km387+00)	Giáp địa phận bản Hồ Be	315	210	160			
26	Đường Lò Văn Hặc	Đường Lê Lợi (Km383+740)	Ranh giới quy hoạch chung thị trấn Tân Uyên cũ	315	210	160			
27	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Lê Lợi (Km382+940)	Giao với đường tránh QL 32 dự kiến	315	210	160			
28	Phố Trần Quốc Mạnh	Đường Lê Lợi (Km381+530)	Đường Võ Nguyên Giáp	1.400					
29	Phố Lương Đình Của	Đường Trường Chinh	Đường Lê Duẩn	320	168	133			
30	Phố Hồ Xuân Hương	Đường Lê Lợi (Trụ sở Chi cục thuế huyện)	Tiếp giáp đoạn đường rẽ đi Trường THPT nội trú	910					
31	Phố Chu Văn An	Đường Lê Lợi (Km380+890)	Tiếp giáp Trường THPT nội trú	910					
32	Đường Lê Duẩn	Đường Lê Lợi (Vị trí vòng xuyến)	Hết ranh giới đất Trung tâm viễn thông	910					
33	Đường Trần Phú	Đường Lê Lợi (Trụ sở Công an huyện)	Hết ranh giới đất Chi cục thống kê	910					
34	Phố Nguyễn Du	Phố Nguyễn Tuấn (Trụ sở Công ty cầu đường số 3)	Phố Chu Văn An (Trường THPT nội trú)	700					
35	Phố Xuân Diệu	Phố Nguyễn Tuấn (Trụ sở Kho bạc Nhà nước huyện)	Phố Chu Văn An (Trường THPT nội trú)	700					
36	Phố Nguyễn Tuấn	Đường Lê Lợi (Km381+080)	Phố Chu Văn An	700					
37	Phố Nguyễn Tuấn	Phố Chu Văn An	Phố Hồ Xuân Hương (Trụ sở Đội thuế)	700					
38	Quốc lộ 32	Hạt Kiểm Lâm huyện	Hết ranh giới đất quy hoạch chung thị trấn Tân Uyên cũ đến năm 2030	800	482	456			
39	Quốc lộ 32	Tiếp giáp địa phận thị trấn Tân Uyên cũ	Hết ranh giới đất quy hoạch Bến xe, Chợ xã Thân Thuộc cũ	740	430	330			
40	Các tuyến đường còn lại trong Khu trung tâm hành chính huyện cũ			470	260	203			
41	Ngõ 5 đường 7/3	Đường 7/3	Đường Võ Thị Sáu	630	370	230			
42	Các tuyến đường còn lại trong Khu trung tâm hành chính huyện cũ			700					
43	Khu tự an chính trang cũ liên quan với sắp xếp dân cư Tổ dân phố 26 (bản Na Già)			700					
44	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Tân Uyên cũ			165					
45	Xã Nậm Cắn cũ			150	110	84	110	70	52
46	Xã Trung Đồng cũ			350	220	160	200	140	84

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
47	Xã Thân Thuộc cũ			410	280	190	220	140	98
VIII	XÃ MƯỜNG KHOA								
1	Xã Mường Khoa cũ			140	110	87	110	67	54
2	Xã Phúc Khoa cũ			410	280	190	220	140	97
IX	XÃ BẢN BO								
1	Quốc lộ 32	Từ trụ sở UBND xã Bản Bo	Đến Nghĩa trang bản Hung Phong	245	70	46			
2	Khu tái định cư xã Bản Bo (Toàn khu)			250					
3	Xã Bản Bo cũ			120	71	45	79	54	54
4	Xã Nà Tăm cũ			110	67	44	77	52	52
X	XÃ BÌNH LƯ'								
1	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Ngã 3 Tiếp giáp đường Lương Định Của	1.960	380	245			
2	Đường Trần Phú	Ngã 3 Tiếp giáp đường Lương Định Của	Tiếp giáp đường 21/9	2.030	450	238			
3	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường 21/9	Hết cầu Mường Cầu	1.470	315	182			
4	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đầu cầu Mường Cầu	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	660	182	112			
5	Đường nội thị (Quốc lộ 4D cũ)	Cây xăng Thảo Trang	Tiếp giáp xã Hồ Thầu cũ	660	182	112			
6	Đường Tác Tĩnh	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết địa phận nhà máy nước	700	182	112			
7	Đường 21/9	Tiếp giáp Trần Phú	Tiếp giáp đất trung tâm hội nghị	2.520	450	245			
8	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp cầu Tiên Bình	Cây xăng Thảo Trang	980	238	175			
9	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Tiên Bình	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	1.610	434	189			
10	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	Tiếp giáp đường 21/9	2.310	450	203			
11	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường 21/9	Ngã 3 Tiếp giáp đường Trần Phú	2.310	450	203			
12	Đường Võ Nguyên Giáp	Ngã 3 Tiếp giáp đường Trần Phú	Hết địa phận thị trấn Tam Đường cũ	2.170	450	203			
13	Đường B1 (Khu TĐC Thác Cạn)	Đầu đường	Cuối đường	620					
14	Phố Nguyễn Đình Thi	Đoạn tiếp giáp đường Trường Chinh	Phố Hồ Xuân Hương	650					
15	Phố Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Chương	Phố Nguyễn Đình Thi	650					
16	Đường Nguyễn Chương	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp với đường Thác Tĩnh	720	190	120			
17	Đường Trường Chinh	Phố Nguyễn Đình Thi	Phố Nguyễn Thị Sáu	1.050					
18	Đường Trường Chinh	Phố Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Văn Linh	1.260					
19	Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Quý Đôn	Đường Nguyễn Văn Linh	1.260					
20	Đường Thanh Niên	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Văn Linh	1.190					
21	Đường Thanh Niên	Đường Nguyễn Văn Linh	Phố Võ Thị Sáu	1.050					
22	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	1.050					
23	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trần Phú	1.190	260	133			
24	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	1.050					
25	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trần Phú	980	238	133			
26	Phố Chu Văn An	Phố Võ Thị Sáu	Tiếp giáp Trung tâm Hội nghị	980					
27	Đường Hoàng Quốc Việt	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	840					
28	Phố Xuân Diệu	Công an huyện	Phố Nguyễn Đình Thi	440					
29	Phố Xuân Diệu	Phố Nguyễn Đình Thi	Đường Nguyễn Chương	413					
30	Phố Kim Đồng	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Nguyễn Văn Linh	980					

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
31	Phố Kim Đồng	Đường 21/9	Đường Lê Quý Đôn	1.820	434	230			
32	Phố Nguyễn Viết Xuân	Ngã 3 tiếp giáp với phố Kim Đồng	Đường Võ Nguyên Giáp	980					
33	Phố Nguyễn Viết Xuân	Ngã 3 phố Kim Đồng	Đường Trần Phú	980					
34	Phố Tô Vĩnh Diện	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Văn Linh	1.260					
35	Phố Võ Thị Sáu	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	1.050					
36	Phố Nguyễn Thái Học	Đầu Nguyễn Văn Linh	Ngã 3 đi vào phố Nguyễn Viết Xuân	1.820					
37	Phố Nguyễn Thái Học	Ngã 3 đi vào phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Võ Nguyên Giáp	2.030					
38	Phố Lê Văn Tám	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Nguyễn Thái Học	2.030					
39	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Tác Tình	Phố Tổ Hữu	440	168	112			
40	Phố Tổ Hữu	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Tác Tình	440	168	112			
41	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	315	238	189			
42	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	210	175	154			
43	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	315	238	189			
44	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	210	175	154			
45	Phố Đặng Văn Ngữ	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	315	238	189			
46	Phố Đặng Văn Ngữ	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	210	175	154			
47	Đường Phan Đình Giót	Đường Thanh Niên	Đường Bế Văn Đàn	245					
48	Phố La Văn Cầu	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Hoàng Quốc Việt	455					
49	Phố Nguyễn Du	Đường Trần Phú	Đường Võ Nguyên Giáp	580					
50	Quốc lộ 4D	Từ Trạm Kiểm tra tải trọng 058	Trường mầm non Bình Lư +200m	294	126	98			
51	Đường Vừ A Dính	Giao với nút giao đường Bế Văn Đàn - đường Thanh Niên	Giao với đường Tác Tình	120					
52	Đường Lò Văn Hặc	Giao với đường Võ Nguyên Giáp(Km 57+550, bên trái)	Giao với đường Nguyễn Hữu Thọ	220					
53	Sắp xếp dân cư bản Tác Tình, thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường cũ	Toàn khu		170					
54	Đường Lương Định Của	Đường Trần Phú	Ngã 3 đi bản Nà Đôn, xã Bình Lư	670	180	117			
55	Ngõ 1 đường 21/9	Đầu đường	Cuối đường	840					
56	Đường Bế Văn Đàn	Đường Phan Đình Giót	Đường Vừ A Dính	120					
57	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Tam Đường cũ			100					
58	Xã Sơn Bình cũ			230	69	44	77	52	52
59	Xã Bình Lư cũ			260	140	98	214	129	63
XI	XÃ TÀ LÈNG								
1	Di chuyển dân cư bản Phố Hồ Thầu, xã Hồ Thầu, huyện Tam Đường cũ ra khỏi vùng có nguy cơ xảy ra thiên tai (Toàn khu)			170					
2	Xã Hồ Thầu cũ			170	69	44	77	52	52
3	Xã Giang Ma cũ			170	68	43	76	43	43
4	Xã Tà Lèng cũ			110	67	44	74	52	52
XII	XÃ KHUN HÁ								
1	Quốc lộ 32	Giáp địa phận phường Tân Phong	Hết địa phận xã Khun Há	175	105	70			
2	Khu tái định cư Đông Pao 2 (Toàn khu)			170					
3	Khu tái định cư trung tâm xã Bản Hòn (Toàn khu)			170					

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
4	Các vị trí còn lại trên địa bàn xã Bàn Hòn cũ			110	67	44	77	52	52
5	Các vị trí còn lại trên địa bàn xã Khun Há cũ			100	63	42	63	42	50
XIII	XÃ SIN SUỐI HỒ								
1	Khu tái định cư xã Thèn Sin cũ (Toàn khu)			170					
2	Di dân khỏi vùng thiên tai tại bản Pan Khèo, xã Thèn Sin, huyện Tam Đường cũ (Toàn khu)			170					
3	Xã Sin Suối Hồ cũ			220	130	77	110	77	52
4	Xã Nậm Xe cũ			270	140	91	158	98	63
5	Xã Thèn Sin cũ			230	68	43	76	43	43
XIV	XÃ PHONG THỎ								
1	Đường Điện Biên Phủ	Cầu Pa So	Km 20+200 (Nhà máy nước)	2.240					
2	Đường Điện Biên Phủ	Km20+200	Km21+85 (Hết đường đôi)	1.750	1.080	420			
3	Đường Điện Biên Phủ	Km21+85 (Hết đường đôi)	Km21+300 (Hết quy hoạch mở rộng trung tâm thị trấn Phong Thổ cũ)	980	410	200			
4	Đường Điện Biên Phủ	Km0	Km1 + 100	2.170					
5	Đường Điện Biên Phủ	Km1 + 100	Km1 + 600	1.750	1.050				
6	Quốc lộ 4D	Từ Km1 + 600	Km6 + 300	770	510	310			
7	Quốc lộ 4D	Km6 + 300 (Trạm xử lý nước sạch Vàng Bó)	Km6 + 900 (Hết địa phận thị trấn Phong Thổ cũ)	550	340	230			
8	Quốc lộ 4D	Km6 + 900	Đầu nối quốc lộ 100	150	90	80			
9	Đường Võ Nguyên Giáp	Km 18 (Ranh giới quy hoạch thị trấn Phong Thổ cũ)	Cầu sang khu TĐC Huổi Luông	910	406	210			
10	Đường Võ Nguyên Giáp	Đầu cầu sang khu TĐC Huổi Luông	Cầu Pa So	1.540					
11	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Pa So	Cầu Hòa Bình	1.750					
12	Phố Bé Văn Đàn	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	1.330					
13	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Phố Nguyễn Chương	1.330					
14	Đường Chu Văn An	Phố Nguyễn Chương	Hết Ngân hàng chính sách	1.330					
15	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Phố Võ Thị Sáu	1.330					
16	Đường Chu Văn An	Phố Võ Thị Sáu	Phố Vừ A Dính	1.050					
17	Đường Chu Văn An	Phố Vừ A Dính	Ngân hàng chính sách	840					
18	Phố Nguyễn Chương	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Đường Chu Văn An	1.330					
19	Phố Võ Thị Sáu	Trung tâm chính trị	Ngân hàng chính sách	1.330					
20	Phố Vừ A Dính	Phố Võ Thị Sáu	Đường Chu Văn An	1.050					
21	Phố Nguyễn Viết Xuân	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	1.260					
22	Phố Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	1.260					
23	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp QL12	Tiếp giáp QL12 (Công an xã)	840					
24	Quốc lộ 12	Km21+300 (Hết quy hoạch mở rộng trung tâm thị trấn Phong Thổ cũ)	Km25+500 (Hết địa phận Thị trấn Phong Thổ cũ)	480	290	220			
25	Phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1.260					
26	Phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1.260					
27	Phố Trần Can	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	1.260					
28	Phố Phan Đình Giót	Tiếp giáp phố Trần Can	Tiếp Giáp đường Võ Nguyên Giáp	1.260					
29	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Hòa Bình	1.260					
30	Các tuyến đường thuộc thôn Đoàn Kết			200					

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
31	Phố đi bộ	Tiếp giáp với đầu cầu Pa So (Km19+800 QL12)	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ (Km20+050 QL12)	2100					
32	Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng								
32.1	Quốc lộ 12	Tiếp giáp đường số 5	Tiếp giáp đường số 8	1.600	1.000				
32.2	Đường số 4	Tiếp giáp đường số 9	Tiếp giáp đường số 5	600					
32.3	Đường số 5	Tiếp giáp đường số 4	Tiếp giáp đường số 9	800					
32.4	Đường số 8	Tiếp giáp QL 12	Tiếp giáp đường số 3	800					
32.5	Đường số 9	Tiếp giáp đường số 4	Tiếp giáp đường số 5	800					
32.6	Đường số 13 (đường cắt)	Tiếp giáp đường số 3	Cuối đường	600					
32.7	Đường số 15	Tiếp giáp QL 12	Tiếp giáp đường số 1	800					
33	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Phong Thổ cũ			800					
34	Xã Mường So cũ			800					
35	Xã Ma Li Pho cũ			800					
36	Xã Huổi Luông cũ			600					
XV	XÃ DÀO SAN			600					
1	Xã Đào San cũ			600					
2	Xã Tung Qua Lìn cũ, xã Mù Sang cũ			800					
XVI	XÃ SÌ LỖ LẦU			80					
1	Xã Vàng Ma Chải cũ, xã Sỉ Lở Lầu cũ			530	290	180	200	130	80
2	Xã Mỏ Sỉ San cũ, xã Pa Vây Sứ cũ			320	170	110	160	120	67
XVII	XÃ KHỔNG LÃO			270	140	91	158	100	63
1	Xã Khổng Lão cũ								
2	Xã Hoang Thên cũ, xã Bàn Lang cũ			270	140	91	160	98	63
XVIII	XÃ TÙA SÍN CHẢI			220	120	77	110	77	52
1	Xã Làng Mỏ cũ, xã Tá Ngáo cũ								
2	Xã Tủa Sín Chải cũ			230	120	77	110	77	54
XIX	XÃ SÌN HỒ			220	120	77	110	77	52
1	Đường Võ Nguyên Giáp	Cổng phòng Tài chính	Ngã tư Bưu điện						
2	Đường Võ Nguyên Giáp	Ngã tư Bưu điện	Hết địa phận chợ	340	180	110	160	120	67
3	Đường Võ Nguyên Giáp	Ranh giới đất nhà ông Hiền-Hòa (giáp chợ)	Hết ranh giới đất nhà bà Chèo Mỹ Lai	320	170	110	160	120	67
4	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Lợi (Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Lai Phòng nông nghiệp)	Tỉnh lộ 128 (Ngã ba- đường vào xã Tá Phìn cũ)						
5	Đường Võ Nguyên Giáp	Ranh giới đất nhà ông Hùng-Thim	Hết ranh giới đất trụ sở BQLDATĐC	130	77	43	65	43	43
6	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp ranh giới đất BQLDABTĐTĐC	Hết ranh giới đất nhà ông Từ	84	44	42	44	42	42
7	Đường Võ Nguyên Giáp	Từ ranh giới đất nhà ông Từ	Tỉnh lộ 128 (Nhà văn hóa khu I)						
8	Phố Chu Văn An	Đường Võ Nguyên Giáp (Bưu điện huyện)	Tiếp giáp ranh giới trường mầm non	1.120	620	238			
9	Phố Chu Văn An	Ranh giới đất trường Mầm non	Đường Lê Lợi (Ngã ba sân bóng Tùng Dương)	1.120	620	238			
10	Phố Vừ A Dính	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà bà Thủy-Xương	860	380	200			
11	Phố Vừ A Dính	Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Thủy-Xương	Đường Trường Chinh	329	170	118			
12	Phố Trần Hưng Đạo	Đường Võ Nguyên Giáp (Bưu điện)	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	860	380	196			
13	Phố Trần Hưng Đạo	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	Đường Lê Lợi (Ngã ba Bệnh viện)	450	238	126			
14	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà ông Đình	350	180	118			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
15	Phố Bể Văn Đàn	Phố Trần Hưng Đạo	Đường Lê Lợi	860	380	196			
16	Phố Bể Văn Đàn	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp suối Hoàng Hồ (Đầu cầu Hoàng Hồ)	640	320	200			
17	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Lê Lợi (Trung tâm Y tế)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đổi diện chợ cũ)	640	315	196			
18	Đường Lê Lợi	Đường Võ Nguyên Giáp (Ngã ba-Khách sạn Thanh Bình)	Hết cổng Bệnh viện	460	250	130			
19	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cổng Bệnh viện	Giao với đường Lê Duẩn	1.120	620	238			
20	Đường Lê Lợi	Giao với đường Lê Duẩn	Đường Võ Nguyên Giáp	640	315	196			
21	Phố Kim Đồng	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Chu Văn An	330	196	112			
22	Phố Quang Trung	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trường Chinh	490	252	133			
23	Đường Trường Chinh	Đường Võ Nguyên Giáp (Đi Tp Lai Châu cũ)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đi Chấn Nưa cũ)	400	180	117			
24	Phố Âu Cơ	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi	450	238	126			
25	Phố Lạc Long Quân	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi	1.260	840	434			
26	Đường nội thị	Phố Trần Hưng Đạo	Cổng trường PTDT Nội trú	1.190	650	420			
27	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Dũng - Phòng	Hết cổng trường THCS	1.120	570	350			
28	Đường nội thị	Ranh giới đất nhà bà Ninh - Khánh	Hết ranh giới đất nhà ông Páo	450	238	126			
29	Đường nội thị	Ranh giới đất Dây nhà phía sau Thương nghiệp	Hết cổng kho Bạc	266	133	98			
30	Đường nội thị	Đường Lê Lợi	Hết bản Sin Hồ Vây	252	133	90			
31	Đường nội thị	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp đường nội thị đoạn từ ranh giới đất nhà ông Hiền Hòa (giáp chợ) đến hết ranh giới nhà bà Lai	252	133	90			
32	Đường nội thị	Tiếp giáp đường lên bản Dao	Tiếp giáp đường Trường Chinh	252	133	90			
33	Đường nội thị	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà ông Vũ Đình Tây	640	315	196			
34	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Vũ Đình Tây	Đầu cầu Hoàng Hồ (giáp bản Hoàng Hồ)	390	190	112			
35	Đường nội thị	Đầu cầu Hoàng Hồ	Hết bản Hoàng Hồ	266	133	98			
36	Đường nội thị	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp (đi Chấn Nưa)	Phố Bể Văn Đàn (Đoạn đường từ đường Lê Lợi đến tiếp giáp suối Hoàng Hồ (đầu cầu Hoàng Hồ))	266	133	98			
37	Đường nội thị	Tiếp giáp Đường Lê Lợi	Đường nội thị (Đoạn đường từ Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp (đi Chấn Nưa) đến Phố Bể Văn Đàn (Đoạn đường từ đường Lê Lợi đến tiếp giáp suối Hoàng Hồ (đầu cầu Hoàng Hồ))	266	133	98			
38	Đường nội thị giáp dây nhà phía Tây chợ	Ranh giới đất nhà ông Võ-Cúc	Hết ranh giới đất nhà ông Dinh - Cáp	850	510	259			
39	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Sin Hồ cũ			238	112	90			
40	Xã Sả Dề Phìn cũ, xã Phăng Sô Lin cũ, xã Tà Phìn cũ)			238	112	90			
XX	XÃ HỒNG THU			470	240	190			
1	Xã Hồng Thu cũ, xã Phìn Hồ cũ			470	240	190			
2	Xã Ma Quai cũ			470	240	190			
XXI	XÃ NẬM TẮM			470	230	190			
1	Xã Nậm Tắm cũ			450	240	130			
2	Xã Lùng Thàng cũ, xã Nậm Cha cũ			150					
XXII	XÃ PU SAM CÁP			120	77	44	67	42	42
1	Xã Pa Khóa cũ, xã Noong Hèo cũ								
2	Xã Pu Sam Cáp cũ			120	77	42	67	42	42
XXIII	XÃ NẬM CUỐI			130	77	43	65	43	43

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
1	Xã Nậm Hân cũ								
2	Xã Nậm Cuối cũ			260	110	67	87	54	43
XXIV	XÃ NẬM MẠ			120	77	44	67	42	42
1	Xã Nậm Mạ (gồm xã Cấn Co cũ, xã Nậm Mạ cũ)								
XXV	XÃ LÊ LỢI			130	77	43	65	43	43
1	Xã Pú Dao cũ			84	44	42	44	42	42
2	Xã Nậm Pi cũ								
3	Xã Chấn Nưa cũ			84	44	42	44	42	42
4	Xã Lê Lợi cũ			130	77	43	65	43	43
XXVI	XÃ NẬM HÀNG								
1	Đường Lê Thái Tổ	Từ tiếp giáp phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp Đường Phan Đình Giót	130	77	43	65	43	43
2	Đường Lê Thái Tổ	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	Cổng Trường THPT						
3	Đường Lê Thái Tổ	Cổng Trường THPT	Khu Trung tâm hành chính	91	64	44	63	42	42
4	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng cũ	Hết cầu Nậm Dòn	70	42	32	42	32	32
5	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp cầu Nậm Dòn	Đường Lê Thái Tổ	259	113	65	87	54	43
6	Đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	110	70	54	67	42	42
7	Đường Nội thị	Tiếp giáp Phố Tô Vĩnh Diện	Sau nhà nghỉ Phương Huyền						
8	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Trường Chinh	Sau Trường THCS thị trấn Nậm Nhùn cũ	620	500	287			
9	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Manh cũ	620					
10	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng cũ (đi bản Nậm Cây)	980	840	490			
11	Đường Lê Duẩn	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	300	196	133			
12	Đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết cầu Nậm Nhùn	364	252	160			
13	Đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Cuối đường (tiếp giáp đường Sông Đà)	590	450	322			
14	Đường Vừ A Dính	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Qua đài truyền hình +500m	590	450	322			
15	Đường Sông Đà	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Đường bến cảng nghiêng	590	450	322			
16	Đường Sông Đà	Tiếp giáp Đường bến cảng nghiêng	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	190	119	105			
17	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Giáp ngã ba đi bản Noong Kiêng, Nậm Cây	245	182	126			
18	Đường Bế Văn Đàn	Giáp ngã ba đi bản Noong Kiêng	Hết Nhà văn hóa bản Noong Kiêng	840					
19	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Cầu Nậm Manh	520	413	238			
20	Tỉnh Lộ 127 (đường mới)	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng cũ	280	190	154			
21	Tỉnh lộ 127	Cầu Nậm Nhùn	Tiếp giáp ngã 3 bản Nậm Nhùn	280	190	154			
22	Đường Trường Chinh	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	196	133	105			
23	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Bờ kè sông Đà	190	119	105			
24	Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp Đường Trường Chinh	Bờ kè sông Đà	245	160	120			
25	Đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp đường Trường Chinh	182	140	98			
26	Đường Lê Quý Đôn	Giao đường Lê Thái Tổ	Giao với bờ kè sông Đà	245	160	120			
27	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	280	190	126			
28	Phố Tô Vĩnh Diện	Giao với đường Phan Đình Giót	Giao với đường Lê Thái Tổ	280	190	126			
29	Phố Hoàng Công Chất	Giao với đường Lê Thái Tổ	Trụ sở UBND xã thị trấn Nậm Nhùn cũ	840	370	260			
30	Đường Nội thị (B1)	Từ tiếp giáp đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Lê Thái Tổ	840					

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
31	Đường Nội thị (D4)	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	840					
32	Đường Nội thị (D5)	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	840					
33	Đường Nội thị (D9)	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	590					
34	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Nậm Nhùn cũ			520	410	240			
35	Xã Nậm Hàng cũ			590					
36	Xã Nậm Manh cũ			840					
XXVII	XÃ MƯỜNG MÔ			840					
1	Xã Mường Mô cũ			840					
2	Xã Nậm Chà cũ			840					
XXVIII	XÃ HUA BUM			840					
1	Xã Hua Bum cũ			112					
2	Xã Vàng San cũ thuộc huyện Mường Tè cũ			112	70	54	67	42	42
XXIX	XÃ PA TẢN			91	62	42	63	42	42
1	Xã Pa Tản cũ								
2	Xã Nậm Ban cũ			111	71	56	65	43	43
3	Xã Trung Chải cũ			70	42	32	42	32	32
XXX	XÃ BUM NƯA								
1	Xã Bum Nua cũ			95	68	43	65	43	43
2	Xã Pa Vệ Sù cũ			98	62	44	63	42	42
XXXI	XÃ BUM TỎ								
1	Đường Điện Biên Phủ	Cầu Mường Tè 1	Nhà ông Sung Giang	326	141	88	87	54	43
2	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Sung Giang	Hết ranh giới bến xe khách	69	42	32	42	32	32
3	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp bến xe	Dốc Phiêng Ban (Hết ranh giới ông Phan văn Thái)	95	68	43	65	43	43
4	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Phan Văn Thái	Tiếp giáp Nhà ông Quang Thiệu						
5	Đường Điện Biên Phủ	Nhà ông Quang Thiệu	Hết nhà ông Linh	120	83	56	76	43	43
6	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Linh	Giáp địa phận xã Bum Nua	77	52	42	63	32	32
7	Đường Chu Văn An	Ranh giới đất Đài truyền hình	Ngã tư đường Võ Nguyên Giáp						
8	Đường Chu Văn An	Ngã tư đường Võ Nguyên Giáp	Đường Điện Biên Phủ (Km 280+800)	750	435	372			
9	Đường Chu Văn An	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km 280+00)	Hết ranh giới công ty Thương Mại	950	500	340			
10	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp với công ty Thương Mại	Tiếp giáp Đài truyền hình	750	435	372			
11	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ (Km 280+00)	Phố 25/1	860	470	356			
12	Đường Hồ Tùng Mậu	Đường Điện Biên Phủ Km 279+800	Đường Điện Biên Phủ Km 280+500	860	470	356			
13	Đường nội thị	Đường Chu Văn An	Hết đường bê tông tiếp giáp bản Mẩn	620	396	356			
14	Đường nội thị	Đường Điện Biên Phủ (nhà dừng hạnh)	Đến bờ kè tam cấp (thôn 8)	860	470	356			
15	Đường nội thị	Tiếp giáp cổng trung tâm GDTX	Hết đất nhà bà Chim (thôn 2)	860	470	356			
16	Đường nội thị	Trường THCS	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Đại Cà	860	470	356			
17	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Pa	Đến nhà Lý Ma Xá	790	435	340			
18	Đường nội thị	Đường Điện Biên Phủ	Đường Võ Nguyên Giáp	860	470	356			
19	Đường nội thị	Đường Chu Văn An	Giáp bờ kè suối Nậm Cầu (thôn 10)	860	470	356			
20	Đường nội thị	Trụ sở UBND thị trấn cũ	nhà ông Vàng Văn Thắng (dạo)	620	396	340			

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
21	Phố Ngô Quyền	Đường Điện Biên Phủ (Km 283+200)	Km 0+330 (hết tuyến đường bê tông)	620	396	340			
22	Phố Nguyễn Bình Khiêm	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+900)	Hết ranh giới đất TTGDTX	660	430	333			
23	Phố Đào Trọng Lịch	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+800)	Tiếp giáp ranh giới đất BCH quân sự	620	396	340			
24	Phố Lý Thường Kiệt	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+700)	Nhà Văn hóa thôn 2	660	430	333			
25	Phố Phạm Ngũ Lão	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+200)	Trung tâm GDTX cũ	620	396	340			
26	Phố Lý Tự Trọng	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+300)	Nhà VH bản Bo	630	490				
27	Phố Lê Quý Đôn	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+100)	Km 00+550 (hết tuyến đường nhựa)	700	420	315			
28	Phố Kim Đồng	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+500)	Trường THCS thị trấn Mường Tè cũ	620	396	340			
29	Phố Trần Văn Thọ	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+150)	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+100)	620	396	340			
30	Đường Nậm Bum	Đường Chu Văn An (Vị trí - Trại tạm giam công an huyện)	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	620	396	340			
31	Đường Nậm Bum	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	Ngã ba đi trung tâm xã Vàng San	620	396	340			
32	Đường Lê Đại Hành	Giao với đường Điện Biên Phủ (VT vòng xuyên khu phố 12 cũ)	Đường Nậm Bum (VT trường mầm non thị trấn cũ)	620	396	340			
33	Đường Võ Nguyên Giáp	Quán Quê Hương (thôn 10)	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km283+700)	620	396	340			
34	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Giao với đường Điện Biên Phủ (nhà Hoa Anh)	PETROLIMEX- Cửa hàng 06	620	396	340			
35	Đường nội thị (Đường vòng bờ kè suối Nậm Cầu)	Cầu Nậm Cầu mới	Giao với đường 32m (Gần cầu TĐC khu phố 1)	620	396	340			
36	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Điện Biên Phủ (Km279+200)	Trung tâm y tế	560	420				
37	Phố Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Lê Đại Hành	Ngã ba đi trung tâm xã Vàng San cũ	475					
38	Phố Cù Chính Lan	Đường Lê Đại Hành	Nhà ông Phòng (Huyện)	475	340	272			
39	Phố Nguyễn Tuân	Đường Võ Nguyên Giáp	Km00+350 (hết tuyến đường nhựa)	860	470	372			
40	Phố Võ Thị Sáu	Nhà VH khu phố 12	Km00+350 (hết tuyến đường nhựa)	1.758	1.005	754			
41	Đường Phan Đình Giót	Đường Điện Biên Phủ (Km279+400)	Trụ sở Công ty TNHH MTV Liên Phương	770					
42	Đường nội thị	Đường Điện Biên Phủ	Đường Võ Nguyên Giáp	950	500	435			
43	Đường nội thị (Đường vòng bờ kè suối Nậm Cầu)	Cầu Nậm Cầu mới	Giao với đường 32m (Gần cầu TĐC khu phố 1)	620	396	340			
44	Đường Trần Đại Nghĩa	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km284+00 đến QL4H)	Nhà máy thủy điện Nậm Xi Lường Tỉnh	1170	580	435			
45	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Mường Tè cũ			1170	580	435			
46	Xã Can Hồ cũ			1080	540	412			
47	Xã Bum Tở cũ			1310	640	456			
XXXII	XÃ MUỜNG TÈ			860	470	356			
1	Xã Mường Tè cũ			620	396	340			
2	Xã Nậm Khao cũ			950	500	435			
XXXIII	XÃ THU LŨM			525	420	315			
1	Xã Ka Lăng cũ			120					
2	Xã Thu Lũm cũ			120	84	54	77	44	44
XXXIV	XÃ PA Ủ			100	63	44	63	42	42
1	Xã Pa Ủ cũ								
2	Xã Tá Bạ cũ			120	84	54	77	44	44
XXXV	XÃ MÙ CẢ			110	64	43	65	43	43
1	Xã Mù Cá								
XXXVI	XÃ TÀ TỎNG			110	68	43	65	43	43
1	Xã Tà Tổng			98	62	44	63	42	42

TT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
XXXIV	XÃ PA Ủ								
1	Xã Pa Ủ cũ			84	54	43	65	33	33
2	Xã Tá Bạ cũ			77	52	42	63	32	32
XXXV	XÃ MÙ CẢ								
1	Xã Mù Cả			79	54	43	65	33	33
XXXVI	XÃ TÀ TỔNG								
1	Xã Tà Tổng			79	54	43	65	33	33



PHỤ LỤC VI: BẢNG GIÁ ĐẤT CƠ SỞ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP TẠI NÔNG THÔN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 100/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
I	XÃ MƯỜNG KIM								
1	Quốc lộ 32	Trường cấp 2	Giáp cầu sắt	425	230	135			
2	Quốc lộ 32	Tiếp giáp địa phận trường cấp 2	Giáp địa phận xã Mường Cang cũ	225	95	65			
3	QL 279	Tiếp giáp QL32 - Ngã ba Mường Kim	Cầu Mường Kim	395	220	130			
4	QL 279	Cầu Mường Kim	Đường rẽ vào nhà máy thủy điện	205	95	65			
5	QL 279	Tiếp giáp cầu sắt	Hết địa phận trường THPT Mường Kim	205	90	65			
6	Các xã: Tà Mung, Tà Hừa, Pha Mu cũ			110	90	63	74	42	42
7	Xã Mường Kim cũ			260	180	120	130	70	53
II	XÃ KHOEN ON								
1	Xã Khoen On cũ			110	90	65	75	43	43
2	Xã Ta Gia cũ			260	180	120	130	65	54
III	XÃ THAN UYÊN								
1	Đường Điện Biên Phủ	Đầu cầu Mường Cang (Số nhà 634)	Hết ranh giới đất hạt Kiểm lâm (Số nhà 550)	3.000	950	475			
2	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới đất hạt Kiểm lâm (Số nhà 550)	Hết ranh giới đất Sân vận động (Số nhà 548)	2.100	750	340			
3	Đường Điện Biên Phủ	Hết ranh giới đất Sân vận động (Số nhà 631)	Hết ranh giới đất Công an xã (Số nhà 402)	1.850	700	285			
4	Đường Điện Biên Phủ	Hết ranh giới đất Công an xã (Số nhà 402)	Hết ranh giới số nhà 227	1.550	600	250			
5	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 225	Hết địa phận thị trấn Than Uyên cũ	1.400	550	225			
6	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới thửa đất số nhà 352	Đến hết ranh giới thửa đất số nhà 077 dự án chỉnh trang đô thị khu 8	1.850					
7	Phố Lương Định Của	Ngã 3 (Số nhà 002)	Hết ranh giới đất Phòng Cảnh sát PCCC	850	300	165			
8	Phố Lương Định Của	Ranh giới số nhà 084	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh (Hết ranh giới số nhà 106)	400	160	75			
9	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp ngã 3 đường Điện Biên Phủ (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 170 đường Thanh Niên	400	185	95			
10	Đường Thanh Niên	Hết ranh giới nhà ông Đỗ khu 6 (Số nhà 170)	Hết địa phận thị trấn Than Uyên cũ	260	125	75			
11	Ngõ 620 Đường Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất nhà ông Nguyễn Văn Việt	450	180	85			
12	Phố Lý Tự Trọng	Ranh giới số nhà 002	Đường Thanh Niên (Số nhà 082)	450	180	85			
13	Đường 15/10	UBND xã Than Uyên (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 192	450	180	85			
14	Ngõ 534 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 013	400	160	75			
15	Ngõ 542 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 029	400	160	75			
16	Phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ (Ranh giới số nhà 551)	650	150	75			
17	Phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới nhà ông An	Hết ranh giới đất nhà ông Thế	155	105	75			
18	Ngõ 413 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 045	400	160	75			
19	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 016	400	160	75			
20	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp số nhà 018	Hết ranh giới số nhà 092	390	160	75			
21	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới số nhà 092	Hết ranh giới số nhà 131	215	120	75			
22	Ngõ 695 Điện Biên Phủ	Ranh giới đất nhà ông Phan Văn Sơn (Số nhà 002)	Tiếp giáp đường Nguyễn Chí Thanh	250	125	75			
23	Ngõ Đi Sen Đông	Tiếp giáp ngã 3 (Ngõ 15 đường Điện Biên Phủ) (Số nhà 001)	Hết ranh giới đất Hồ Bán Đông	250	125	75			
24	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp Ngã 3 (Số nhà 001)	Hết ranh giới đất Nhà khách huyện ủy (Số nhà 017)	1.150	450	210			
25	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp ranh giới đất Nhà khách huyện ủy (Số nhà 020)	Cổng Huyện đội (Số nhà 086)	550	250	110			
26	Đường Nguyễn Chí Thanh	Đối diện cổng Huyện đội tiếp giáp đất nhà ông Hương Sinh	Hết địa phận thị trấn Than Uyên cũ	235	125	85			
27	Ngõ 821 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất Hội trường UBND xã (Số nhà 005)	550	250	110			

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
28	Đường Tôn Thất Tùng	Ngã tư Ngân hàng Công thương (Số nhà 001)	Ngã tư (Gần số nhà 046)	700	250	140			
29	Đường Tôn Thất Tùng	Ngã 4 (Gần số nhà 083)	Hết ranh giới số nhà 135	400	160	75			
30	Đường Tôn Thất Tùng	Ranh giới số nhà 137	Tiếp giáp đường Thanh Niên	360	140	85			
31	Phố Hoàng Liên	Ngã 3 (Số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 089	550	250	110			
32	Phố Chu Văn An	Ranh giới đất Honda Trường Thành (Số nhà 001)	Ngã 3 (Hết số nhà 059)	700	250	140			
33	Phố Phạm Ngọc Thạch	Ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp Bờ hồ Than Uyên (Số nhà 046)	450	180	85			
34	Ngõ 18 Nguyễn Chí Thanh	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	600	250	110			
35	Đường sau Sân vận động	Tiếp giáp ngã 3 Quốc lộ 32	Tiếp giáp đường trục 3 (Gần nhà bà Thanh)	450	180	85			
36	Ngõ 193 Đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp phố Lý Tự Trọng (Ranh giới đất nhà ông Lộc)	400	160	75			
37	Ngõ 552 Điện Biên Phủ	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 010	400	160	75			
38	Phố Trần Huy Liệu	Ranh giới số nhà 002	Tiếp giáp đầu cầu khu 8 (Số nhà 016)	400	160	75			
39	Phố Trần Huy Liệu	Tiếp giáp đầu cầu khu 8 (Số nhà 020)	Hết ranh giới đất nhà ông Thông (Mão) (Số nhà 076)	250	125	75			
40	Ngõ phố Tô Vĩnh Diện	Ranh giới số nhà 01	Hết ranh giới đất nhà ông Quốc Trung	220	115	75			
41	Ngõ 21 Trần Quốc Mạnh	Ranh giới đất nhà ông Nguyễn Đình Hải (Khu 5b)	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	250	125	75			
42	Ngõ 51 Nguyễn Chí Thanh	Ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 026	250	125	75			
43	Ngõ 82 Lương Định Của	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 005	255	125	75			
44	Phố Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp ngã 3 Quốc lộ 32 (Số nhà 002)	Tiếp giáp số nhà 022	400	305	135			
45	Phố Trần Quốc Mạnh	Tiếp giáp ngã tư 15/10 (Số nhà 028)	Tiếp giáp đường Thanh Niên (Số nhà 066)	255	125	75			
46	Ngõ 17 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 019	255	125	75			
47	Ngõ 23 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	255	125	75			
48	Ngõ 31 Phạm Ngọc Thạch	Hết địa phận số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 023	255	125	75			
49	Ngõ 192 đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 192	Tiếp giáp đường Thanh Niên (Số nhà 018)	465	180	85			
50	Ngõ 9 đường 15/10	Ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp đường 15/10 (Số nhà 037)	390	185	95			
51	Ngõ 66 đường 15/10	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 031	255	125	75			
52	Ngõ 32 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Trường Mầm non số 2 (Số nhà 011)	500	200	85			
53	Ngõ 123 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 021	190	95	75			
54	Ngõ 135 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	190	95	75			
55	Ngõ 10 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	235	125	85			
56	Ngõ 2 Phạm Ngọc Thạch	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 011	190	95	75			
57	Ngõ 2 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	190	95	75			
58	Ngõ 28 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 025	190	95	75			
59	Ngõ 12 Lương Định Của	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 017	235	125	85			
60	Ngõ 665 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 013	190	95	75			
61	Ngõ 819 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	190	95	75			
62	Ngõ 14 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	190	95	75			
63	Ngõ 476 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 007	190	95	75			
64	Ngách 2 ngõ 458 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp ranh giới số nhà 015	235	125	85			
65	Ngõ 18 đường Thanh Niên	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	235	125	85			
66	Ngõ 181 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 007	155	105	75			
67	Ngõ 119 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 012	155	105	75			
68	Ngõ 483 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 016	190	95	75			
69	Ngõ 73 Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 030	190	95	75			
70	Ngõ 86 đường Thanh Niên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 028	235	125	85			

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
71	Ngõ 164 đường Thanh Niên	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 014	190	95	75			
72	Ngõ 88 Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001)	Hết ranh giới số nhà 015	235	125	85			
73	Ngõ 67 Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp ranh giới số nhà 012	Hết ranh giới số nhà 034	155	105	75			
74	Ngõ 44 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 002	Hết ranh giới số nhà 004	190	120	85			
75	Ngõ 22 phố Hoàng Liên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	190	120	85			
76	Ngõ 36 Lý Tự Trọng	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 009	190	120	85			
77	Ngõ 146 đường 15/10	Hết ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	155	105	75			
78	Ngõ 110 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 011	155	105	75			
79	Ngõ 23 Tô Vĩnh Diện	Ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 021	155	105	75			
80	Ngõ 83 Trần Huy Liệu	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 015	155	105	75			
81	Ngõ 400 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Đến cuối đường (Hết ranh giới số nhà 006)	235	125	85			
82	Ngõ 529 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Tiếp giáp ranh giới đất Trạm Y tế (Số nhà 002)	235	125	85			
83	Ngõ 73 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới đất Công ty ga Hải Vân (Số nhà 005)	235	125	85			
84	Ngõ 159 Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 009	190	95	75			
85	Ngõ 122 Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001 (đất đấu giá)	Hết ranh giới số nhà 002	155	105	75			
86	Ngõ 36 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 004	155	105	75			
87	Ngõ 62 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 003	155	105	75			
88	Ngõ 084 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 084	Hết ranh giới số nhà 001	155	105	75			
89	Ngõ 174 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp số nhà 174	Hết ranh giới số nhà 001	155	105	75			
90	Ngõ 122 đường Thanh Niên	Tiếp giáp ranh giới số nhà 124	Hết ranh giới số nhà 003	235	125	85			
91	Ngõ 42 phố Trần Huy Liệu	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 017	155	105	75			
92	Ngõ 213 đường Điện Biên Phủ	Từ tiếp giáp ranh giới số nhà 213	Hết ranh giới số nhà 007	155	105	75			
93	Ngõ 54 đường 15 /10	Tiếp giáp Ranh giới số nhà 056	Hết ranh giới số nhà 015	500	200	85			
94	Ngách 8 ngõ 54 đường 15/10	Tiếp giáp ranh giới số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 008	190	95	75			
95	Ngách 15 ngõ 66 đường 15/10	Tiếp giáp số nhà 001	Hết ranh giới số nhà 006	190	95	75			
96	Ngõ 532 đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới số nhà 532	Hết ranh giới số nhà 009	390	160	75			
97	Ngõ 429, đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp ranh giới thửa đất số nhà 01	Đến hết ranh giới thửa đất số nhà 10	160					
98	Ngõ 13, đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới thửa đất số nhà 01	Hết ranh giới thửa đất số nhà 10	160					
99	Ngõ 103, đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới thửa đất số nhà 01	Hết ranh giới thửa đất số nhà 46	160					
100	Ngõ 86 đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp ranh giới thửa đất số nhà 01	Hết ranh giới thửa đất số nhà 12.	160					
101	Nhánh 1 đường hạ tầng đô thị Than Uyên	Từ nhà bà Thúy Đạt	đến đất nhà ông Nguyễn Thanh Phương	355	220	125			
102	Nhánh 2 đường hạ tầng đô thị Than Uyên	Từ nhà ông Công Vi	đến Ngã 3 đường đi Mường Mít	355	220	125			
103	Nhánh 3 đường hạ tầng đô thị Than Uyên	Từ Quốc lộ 32	Ngã 3 đường đi Mường Mít	355	220	125			
104	Nhánh 4 đường hạ tầng đô thị Than Uyên	Từ Quốc lộ 33	đến đất nhà ông Nguyễn Xuân Chín	355	220	125			
105	Nhánh 5 đường hạ tầng đô thị Than Uyên	Từ nhà ông Thư (ngã 3 đường nội đồng Khu 9)	Đến nhà bà Đỗ Thị Tuyết	355	220	125			
	Đường quốc lộ đi qua xã Mường Cang cũ								
106	Quốc lộ 32	Tiếp giáp cầu Mường Cang	Cây xăng nhà bà Chử	950	360	140			
107	Quốc lộ 32	Cây xăng nhà bà Chử	Hết đất Ban quản lý rừng phòng hộ	650	255	100			
108	Quốc lộ 32	Tiếp giáp đất Ban quản lý rừng phòng hộ	Hết địa phận xã Mường Cang cũ	320	170	75			
109	Đường nhánh	Tiếp giáp Quốc lộ 32 cầu Mường Cang	Hết ranh giới đất nhà bà Môn	320	180	75			
110	Đường nhánh	Tiếp giáp Quốc lộ 32 cầu Mường Cang	Hết ranh giới đất nhà ở công nhân viên Công ty thủy điện HQ-BC	320	180	75			
	Đường quốc lộ đi qua xã Mường Than cũ								
111	Quốc lộ 32	Tiếp giáp địa phận thị trấn Than Uyên cũ đến	Hết ranh giới đất ông Nguyễn Bá Trường	550	275	150			

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
112	Quốc lộ 32	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Nguyễn Bá Trường	Hết địa phận xã Mường Than cũ	310	180	75			
113	Đường đi bản Xuân Phương - Hua Than Ēn Luông	Từ hết ranh giới đất ông Hải Thủy	Sân vận động Hua Than	355	220	125			
114	Đường nối 279	Nhà máy thủy điện Nà Khảm	HTX dịch vụ nông nghiệp (bản Đông)	355	220	125			
115	Đường bản Ngà	Nhà bà Hoa Sừ	nhà văn hóa bản Ngà	355	220	125			
116	Đường nhánh Hua Nà	Trường THCS Hua Nà	Hết trường mầm non Hua Nà	280	180	120			
117	Đường nhánh	Ngã ba (đường rẽ lên trụ sở UBND xã Hua Nà cũ)	Đầu đường Háy Lăm	280	180	120			
118	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Than Uyên cũ			155					
119	Các xã: Mường Cang cũ, Mường Than cũ			360	220	130	210	126	65
120	Các xã Hua Nà cũ			280	180	120	130	65	53
IV XÃ MƯỜNG THAN									
	Đường quốc lộ đi qua xã Phúc Than cũ								
1	Quốc lộ 32	Cầu Nậm Phang	Đường rẽ vào bản Nà Phát	310	180	75			
2	Quốc lộ 32	Điểm giao với đường rẽ vào bản Nà Phát	Cầu Che Bó	588	294	160			
3	Quốc lộ 32	Cầu Che Bó	Hết địa phận xã Phúc Than cũ	310	180	75			
4	Quốc lộ 279	Ngã ba Quốc lộ 279 đường đi Văn Bản	Hết ranh giới Trạm kiểm lâm	550	275	150			
5	Xã Phúc Than cũ			509	314	181	220	130	70
6	Xã Mường Mít cũ			110	90	65	74	50	42
V XÃ PẮC TA									
1	Xã Pắc Ta cũ			260	160	120	150	95	65
2	Xã Hồ Mít cũ			66	53	42	55	42	32
VI XÃ NẬM SỎ									
1	Xã Nậm Sỏ cũ			70	56	43	55	43	33
2	Xã Tà Mít cũ			65	53	42	55	42	32
VII XÃ TÂN UYÊN									
1	Đường Lê Lợi	Phía Bắc cầu Huổi Chăng Nọi	Hết cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	2.100	1.150	950			
2	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cửa hàng Xăng dầu số 8 Chi nhánh xăng dầu Lai Châu	Hết cổng Tổ 3	1.450	900	700			
3	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cổng Tổ 3	Hết địa phận thị trấn Tân Uyên (Giáp xã Phúc Khoa cũ)	550	300	250			
4	Đường Lê Lợi	Phía Nam cầu Huổi Chăng Nọi	Hết ranh giới đất Đội thuế	1.550	900	700			
5	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp ranh giới đất Đội thuế	Hết địa phận thị trấn Tân Uyên cũ (Giáp xã Thân Thuộc cũ)	1.450	900	700			
6	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Lê Lợi (công sân vận động huyện)	Đường Võ Nguyên Giáp	550	300	250			
7	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết đường bê tông trục chính tổ dân phố số 17	270	210	130			
8	Đường 7/3	Đường Lê Lợi (Km381+720)	Hết ranh giới đất Nhà máy chè Than Uyên	550	300	250			
9	Phố Võ Thị Sáu	Đường Lê Lợi (Km381+970)	Đường Võ Nguyên Giáp	550	300	250			
10	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Lê Lợi (Tổ dân phố số 2 đường đi bản Nà Ban)	Cầu qua suối đi Nà Ban	430	285	175			
11	Phố Đặng Thùy Trâm	Đường Lê Lợi (Km381+620)	Phố Phạm Ngọc Thạch	470	310	185			
12	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Lê Lợi (Km381+910)	Phố Đặng Thùy Trâm	750	350	250			
13	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Lê Lợi (Km381+990)	Trạm Y tế thị trấn Tân Uyên cũ	430	290	180			
14	Phố Vũ A Dĩnh	Nguyễn Viết Xuân	Phố Lý Tự Trọng	500					
15	Phố Lý Tự Trọng	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Phố Nguyễn Viết Xuân	500					
16	Nhánh Quốc lộ 32	Trạm Y tế xã Tân Uyên	Cổng nghĩa trang nhân dân	430	285	175			
17	Nhánh Quốc lộ 32	Tiếp giáp Quốc lộ 32	Cuối đường	205	135	110			
18	Đường Nguyễn Trãi	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 32)	Kè suối Nậm Chăng Luông Khu 32	470	280	175			

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
19	Đường Trần Hưng Đạo	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 26)	Kè suối Nậm Chăng Luông (Khu 26)	470	280	175			
20	Đường Phạm Văn Đồng	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 7)	Đường Trường Chinh	470	280	175			
21	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi (Km380+950)	Tiếp giáp khu dân cư khu 7	345	220	145			
22	Đường Ngô Quyền	Đường Lê Lợi (Km383+740)	Đường đi tổ dân phố 4 cũ	325	210	150			
23	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Trần Quốc Mạnh	Đường Lê Lợi (Km382+590)	1.000					
24	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Lợi (Đầu cầu suối Huổi Chăng Luông đi Tổ dân phố số 15)	Điểm giao nhau với đường xung quanh chợ	550	300	250			
25	Đường Hoàng Liên Sơn	Đường Lê Lợi (Km387+00)	Giáp địa phận bản Hồ Be	225	150	115			
26	Đường Lò Văn Hặc	Đường Lê Lợi (Km383+740)	Ranh giới quy hoạch chung thị trấn Tân Uyên cũ	225	150	115			
27	Đường Lý Thường Kiệt	Đường Lê Lợi (Km382+940)	Giao với đường tránh QL 32 dự kiến	225	150	115			
28	Phố Trần Quốc Mạnh	Đường Lê Lợi (Km381+530)	Đường Võ Nguyên Giáp	1.000					
29	Phố Lương Đình Của	Đường Trường Chinh	Đường Lê Duẩn	236	125	95			
30	Phố Hồ Xuân Hương	Đường Lê Lợi (Trụ sở Chi cục thuế huyện)	Tiếp giáp đoạn đường rẽ đi Trường THPT nội trú	650					
31	Phố Chu Văn An	Đường Lê Lợi (Km380+890)	Tiếp giáp Trường THPT nội trú	650					
32	Đường Lê Duẩn	Đường Lê Lợi (Vị trí vòng xuyến)	Hết ranh giới đất Trung tâm viên thông	650					
33	Đường Trần Phú	Đường Lê Lợi (Trụ sở Công an huyện)	Hết ranh giới đất Chi cục thống kê	650					
34	Phố Nguyễn Du	Phố Nguyễn Tuấn (Trụ sở Công ty cầu đường số 3)	Phố Chu Văn An (Trường THPT nội trú)	500					
35	Phố Xuân Diệu	Phố Nguyễn Tuấn (Trụ sở Kho bạc Nhà nước huyện)	Phố Chu Văn An (Trường THPT nội trú)	500					
36	Phố Nguyễn Tuấn	Đường Lê Lợi (Km381+080)	Phố Chu Văn An	500					
37	Phố Nguyễn Tuấn	Phố Chu Văn An	Phố Hồ Xuân Hương (Trụ sở Đội thuế)	500					
38	Quốc lộ 32	Hạt Kiểm Lâm huyện	Hết ranh giới đất quy hoạch chung thị trấn Tân Uyên cũ đến năm 2030	572	344	326			
39	Quốc lộ 32	Tiếp giáp địa phận thị trấn Tân Uyên cũ	Hết ranh giới đất quy hoạch Bến xe, Chợ xã Thân Thuộc cũ	530	310	230			
40	Các đường nhánh thuộc mặt bằng dự án: Phát triển quỹ đất bố trí đất ở dân cư			335	185	145			
41	Ngõ 5 đường 7/3	Đường 7/3	Đường Võ Thị Sáu	450	270	170			
42	Các tuyến đường còn lại trong Khu trung tâm hành chính huyện cũ			500					
43	Khu dự án chỉnh trang đô thị gắn với sắp xếp dân cư Tổ dân phố 26 (bản Na Giảng cũ)			500					
44	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Tân Uyên cũ			118					
45	Xã Nậm Cắn cũ			110	74	63	74	53	42
46	Xã Trung Đồng cũ			250	160	120	150	95	63
47	Xã Thân Thuộc cũ			290	200	140	160	100	74
VIII	XÃ MƯỜNG KHOA								
1	Xã Mường Khoa cũ			110	75	65	75	56	43
2	Xã Phúc Khoa cũ			300	210	140	160	95	75
IX	XÃ BẢN BO								
1	Quốc lộ 32	Từ trụ sở UBND xã Bản Bo	Đến Nghĩa trang bản Hưng Phong	175	57	33			
2	Khu tái định cư xã Bản Bo (Toàn khu)			180					
3	Xã Bản Bo cũ			85	59	34	57	43	43
4	Xã Nà Tầm cũ			75	53	32	55	42	42
X	XÃ BÌNH LƯ'								
1	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Ngã 3 Tiếp giáp đường Lương Định Của	1.400	270	175			
2	Đường Trần Phú	Ngã 3 Tiếp giáp đường Lương Định Của	Tiếp giáp đường 21/9	1.450	320	170			
3	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đường 21/9	Hết cầu Mường Cầu	1.050	225	130			

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
4	Đường Trần Phú	Tiếp giáp đầu cầu Mương Cầu	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	470	130	85			
5	Đường nội thị (Quốc lộ 4D cũ)	Cây xăng Thảo Trang	Tiếp giáp xã Hồ Thầu cũ	470	130	85			
6	Đường Tác Tĩnh	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết địa phận nhà máy nước	500	130	85			
7	Đường 21/9	Tiếp giáp Trần Phú	Tiếp giáp đất trung tâm hội nghị	1.800	320	175			
8	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp cầu Tiên Bình	Cây xăng Thảo Trang	700	170	125			
9	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Tiên Bình	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	1.150	310	135			
10	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	Tiếp giáp đường 21/9	1.650	320	145			
11	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường 21/9	Ngã 3 Tiếp giáp đường Trần Phú	1.650	320	145			
12	Đường Võ Nguyên Giáp	Ngã 3 Tiếp giáp đường Trần Phú	Hết địa phận thị trấn Tam Đường cũ	1.550	320	145			
13	Đường B1 (Khu TĐC Thác Cạn)	Đầu đường	Cuối đường	445					
14	Phố Nguyễn Đình Thi	Đoạn tiếp giáp đường Trường Chinh	Phố Hồ Xuân Hương	465					
15	Phố Hồ Xuân Hương	Đường Nguyễn Chương	Phố Nguyễn Đình Thi	465					
16	Đường Nguyễn Chương	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp với đường Thác Tĩnh	520	140	86			
17	Đường Trường Chinh	Phố Nguyễn Đình Thi	Phố Nguyễn Thị Sáu	750					
18	Đường Trường Chinh	Phố Võ Thị Sáu	Đường Nguyễn Văn Linh	900					
19	Đường Lê Hồng Phong	Đường Lê Quý Đôn	Đường Nguyễn Văn Linh	900					
20	Đường Thanh Niên	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Văn Linh	850					
21	Đường Thanh Niên	Đường Nguyễn Văn Linh	Phố Võ Thị Sáu	750					
22	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	750					
23	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trần Phú	850	185	95			
24	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	750					
25	Đường Lê Quý Đôn	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trần Phú	700	170	95			
26	Phố Chu Văn An	Phố Võ Thị Sáu	Tiếp giáp Trung tâm Hội nghị	700					
27	Đường Hoàng Quốc Việt	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	600					
28	Phố Xuân Diệu	Công an huyện	Phố Nguyễn Đình Thi	315					
29	Phố Xuân Diệu	Phố Nguyễn Đình Thi	Đường Nguyễn Chương	295					
30	Phố Kim Đồng	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Nguyễn Văn Linh	700					
31	Phố Kim Đồng	Đường 21/9	Đường Lê Quý Đôn	1.300	310	165			
32	Phố Nguyễn Viết Xuân	Ngã 3 tiếp giáp với phố Kim Đồng	Đường Võ Nguyên Giáp	700					
33	Phố Nguyễn Viết Xuân	Ngã 3 phố Kim Đồng	Đường Trần Phú	700					
34	Phố Tô Vĩnh Diện	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Nguyễn Văn Linh	900					
35	Phố Võ Thị Sáu	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Thanh Niên	750					
36	Phố Nguyễn Thái Học	Đầu Nguyễn Văn Linh	Ngã 3 đi vào phố Nguyễn Viết Xuân	1.300					
37	Phố Nguyễn Thái Học	Ngã 3 đi vào phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Võ Nguyên Giáp	1.450					
38	Phố Lê Văn Tám	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Nguyễn Thái Học	1.450					
39	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Tác Tĩnh	Phố Tô Hữu	315	120	85			
40	Phố Tô Hữu	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Đường Tác Tĩnh	315	120	85			
41	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	225	170	135			
42	Phố Phạm Ngọc Thạch	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	150	125	110			
43	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	225	170	135			
44	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	150	125	110			
45	Phố Đặng Văn Ngữ	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Phan Đình Giót	225	170	135			
46	Phố Đặng Văn Ngữ	Đường Phan Đình Giót	Đường Bế Văn Đàn	150	125	110			

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
47	Đường Phan Đình Giót	Đường Thanh Niên	Đường Bể Ván Đàn	175					
48	Phố La Văn Cầu	Đường Nguyễn Văn Linh	Đường Hoàng Quốc Việt	325					
49	Phố Nguyễn Du	Đường Trần Phú	Đường Võ Nguyên Giáp	415					
50	Quốc lộ 4D	Từ Trạm Kiểm tra tải trọng 058	Trường mầm non Bình Lư +200m	210	90	75			
51	Đường Vừ A Dính	Giao với nút giao đường Bể Ván Đàn - đường Thanh Niên	Giao với đường Tác Tĩnh	90					
52	Đường Lò Văn Hặc	Giao với đường Võ Nguyên Giáp(Km 57+550, bên trái)	Giao với đường Nguyễn Hữu Thọ	160					
53	Sắp xếp dân cư bản Tác Tĩnh, thị trấn Tam Đường, huyện Tam Đường cũ	Toàn khu		120					
54	Đường Lương Định Của	Đường Trần Phú	Ngã 3 đi bản Nà Đon, xã Bình Lư	480	130	85			
55	Ngõ 1 đường 21/9	Đầu đường	Cuối đường	600					
56	Đường Bể Ván Đàn	Đường Phan Đình Giót	Đường Vừ A Dính	90					
57	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Tam Đường cũ			74					
58	Xã Sơn Bình cũ			170	55	32	55	42	42
59	Xã Bình Lư cũ			190	100	77	153	92	42
XI	XÃ TÀ LÈNG								
1	Di chuyển dân cư bản Phố Hồ Thầu, xã Hồ Thầu, huyện Tam Đường cũ ra khỏi vùng có nguy cơ xảy ra thiên tai (Toàn khu)			120					
2	Xã Hồ Thầu cũ			120	55	32	55	42	42
3	Xã Giang Ma cũ			120	46	33	54	33	33
4	Xã Tà Lèng cũ			75	53	32	53	42	42
XII	XÃ KHUN HÁ								
1	Quốc lộ 32	Giáp địa phận phường Tân Phong	Hết địa phận xã Khun Há	125	75	50			
2	Khu tái định cư Đông Pao 2 (Toàn khu)			120					
3	Khu tái định cư trung tâm xã Bản Hòn (Toàn khu)			120					
4	Các vị trí còn lại trên địa bàn xã Bản Hòn cũ			80	53	32	55	42	42
5	Các vị trí còn lại trên địa bàn xã Khun Há cũ			70	50	32	50	32	32
XIII	XÃ SIN SUỐI HỒ								
1	Khu tái định cư xã Thèn Sin cũ (Toàn khu)			120					
2	Di dân khỏi vùng thiên tai tại bản Pan Khèo, xã Thèn Sin, huyện Tam Đường cũ (Toàn khu)			120					
3	Xã Sin Suối Hồ cũ			160	90	55	75	55	42
4	Xã Nậm Xe cũ			190	100	65	116	74	42
5	Xã Thèn Sin cũ			170	46	33	54	33	33
XIV	XÃ PHONG THỎ								
1	Đường Điện Biên Phủ	Cầu Pa So	Km 20+200 (Nhà máy nước)	1.600					
2	Đường Điện Biên Phủ	Km20+200	Km21+85 (Hết đường đôi)	1.250	770	300			
3	Đường Điện Biên Phủ	Km21+85 (Hết đường đôi)	Km21+300 (Hết quy hoạch mở rộng trung tâm thị trấn Phong Thổ cũ)	700	300	140			
4	Đường Điện Biên Phủ	Km0	Km1 + 100	1.550					
5	Đường Điện Biên Phủ	Km1 + 100	Km1 + 600	1.250	750				
6	Quốc lộ 4D	Từ Km1 + 600	Km6 + 300	1.035	605	420			
7	Quốc lộ 4D	Km6 + 300 (Trạm xử lý nước sạch Vàng Bó)	Km6 + 900 (Hết địa phận thị trấn Phong Thổ cũ)	395	245	150			
8	Quốc lộ 4D	Km6 + 900	Đầu nối quốc lộ 100	110	70	60			
9	Đường Võ Nguyên Giáp	Km 18 (Ranh giới quy hoạch thị trấn Phong Thổ cũ)	Cầu sang khu ĐC Huôi Luông	650	290	150			

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
10	Đường Võ Nguyên Giáp	Đầu cầu sang khu TDC Huổi Luông	Cầu Pa So	1.100					
11	Đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Pa So	Cầu Hòa Bình	1.250					
12	Phố Bể Văn Đàn	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	950					
13	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Phố Nguyễn Chương	950					
14	Đường Chu Văn An	Phố Nguyễn Chương	Hết Ngân hàng chính sách	950					
15	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Phố Võ Thị Sáu	950					
16	Đường Chu Văn An	Phố Võ Thị Sáu	Phố Vừ A Dính	750					
17	Đường Chu Văn An	Phố Vừ A Dính	Ngân hàng chính sách	600					
18	Phố Nguyễn Chương	Tiếp giáp Đường Điện Biên Phủ	Đường Chu Văn An	950					
19	Phố Võ Thị Sáu	Trung tâm chính trị	Ngân hàng chính sách	950					
20	Phố Vừ A Dính	Phố Võ Thị Sáu	Đường Chu Văn An	750					
21	Phố Nguyễn Viết Xuân	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	900					
22	Phố Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp	900					
23	Đường Nguyễn Chí Thanh	Tiếp giáp QL12	Tiếp giáp QL12 (Công an xã)	600					
24	Quốc lộ 12	Km21+300 (Hết quy hoạch mở rộng trung tâm thị trấn Phong Thổ cũ)	Km25+500 (Hết địa phận Thị trấn Phong Thổ cũ)	340	210	160			
25	Phố Nguyễn Văn Trỗi	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	900					
26	Phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	900					
27	Phố Trần Can	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	900					
28	Phố Phan Đình Giót	Tiếp giáp phố Trần Can	Tiếp Giáp đường Võ Nguyên Giáp	900					
29	Đường Thanh Niên	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Cầu Hòa Bình	900					
30	Các tuyến đường thuộc thôn Đoàn Kết			140					
31	Phố đi bộ	Tiếp giáp với đầu cầu Pa So (Km19+800 QL12)	Tiếp giáp đường Điện Biên Phủ (Km20+050 QL12)	1500					
32	Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng								
32.1	Quốc lộ 12	Tiếp giáp đường số 5	Tiếp giáp đường số 8	1.400	900				
32.2	Đường số 4	Tiếp giáp đường số 9	Tiếp giáp đường số 5	530					
32.3	Đường số 5	Tiếp giáp đường số 4	Tiếp giáp đường số 9	400					
32.4	Đường số 8	Tiếp giáp QL 12	Tiếp giáp đường số 3	670					
32.5	Đường số 9	Tiếp giáp đường số 4	Tiếp giáp đường số 5	400					
32.6	Đường số 13 (đường cắt)	Tiếp giáp đường số 3	Cuối đường	530					
32.7	Đường số 15	Tiếp giáp QL 12	Tiếp giáp đường số 1	400					
33	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Phong Thổ cũ			400					
34	Xã Mường So cũ			400					
35	Xã Ma Li Pho cũ			400					
36	Xã Huổi Luông cũ			530					
XV	XÃ DÀO SAN			530					
1	Xã Đào San cũ			530					
2	Xã Tung Qua Lìn cũ, xã Mù Sang cũ			400					
XVI	XÃ SÌ LỜ LẬU			60					
1	Xã Vàng Ma Chải cũ, xã Sỉ Lờ Lầu cũ			380	210	130	150	95	53
2	Xã Mỏ Sỉ San cũ, xã Pa Vây Sừ cũ			230	120	75	120	90	53
XVII	XÃ KHỔNG LÃO			190	100	65	116	74	42
1	Xã Khổng Lão cũ								
2	Xã Hoang Thên cũ, xã Bản Lang cũ			200	100	65	120	74	43

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
XVIII	XÃ TÙA SÍN CHẢI			155	85	55	75	55	42
1	Xã Làng Mỏ cũ, xã Tả Ngáo cũ								
2	Xã Tủa Sín Chải cũ			160	85	55	75	55	43
XIX	XÃ SÍN HỒ			160	85	55	75	55	42
1	Đường Võ Nguyên Giáp	Cổng phòng Tài chính	Ngã tư Bưu điện						
2	Đường Võ Nguyên Giáp	Ngã tư Bưu điện	Hết địa phận chợ	250	130	80	120	85	56
3	Đường Võ Nguyên Giáp	Ranh giới đất nhà ông Hiền-Hòa (giáp chợ)	Hết ranh giới đất nhà bà Chèo Mỹ Lai	230	120	75	120	85	53
4	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Lê Lợi (Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Lai Phòng nông nghiệp)	Tỉnh lộ 128 (Ngã ba- đường vào xã Tả Phìn cũ)						
5	Đường Võ Nguyên Giáp	Ranh giới đất nhà ông Hùng-Thim	Hết ranh giới đất trụ sở BQLDATĐC	96	55	33	54	32	32
6	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp ranh giới đất BQLDABTDĐC	Hết ranh giới đất nhà ông Từ	66	32	32	32	32	32
7	Đường Võ Nguyên Giáp	Từ ranh giới đất nhà ông Từ	Tỉnh lộ 128 (Nhà văn hóa khu I)						
8	Phố Chu Văn An	Đường Võ Nguyên Giáp (Bưu điện huyện)	Tiếp giáp ranh giới trường mầm non	800	445	170			
9	Phố Chu Văn An	Ranh giới đất trường Mầm non	Đường Lê Lợi (Ngã ba sân bóng Tùng Dương)	800	445	170			
10	Phố Vũ A Dính	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà bà Thủy-Xương	620	270	140			
11	Phố Vũ A Dính	Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Thủy-Xương	Đường Trường Chinh	235	125	75			
12	Phố Trần Hưng Đạo	Đường Võ Nguyên Giáp (Bưu điện)	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	620	270	140			
13	Phố Trần Hưng Đạo	Ngã ba đường đi trường PTDT Nội trú	Đường Lê Lợi (Ngã ba Bệnh viện)	320	170	100			
14	Phố Nguyễn Viết Xuân	Đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà ông Dính	250	130	80			
15	Phố Bế Văn Đàn	Phố Trần Hưng Đạo	Đường Lê Lợi	620	270	140			
16	Phố Bế Văn Đàn	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp suối Hoàng Hồ (Đầu cầu Hoàng Hồ)	460	230	140			
17	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Lê Lợi (Trung tâm Y tế)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đối diện chợ cũ)	455	225	140			
18	Đường Lê Lợi	Đường Võ Nguyên Giáp (Ngã ba-Khách sạn Thanh Bình)	Hết cổng Bệnh viện	330	180	95			
19	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp cổng Bệnh viện	Giao với đường Lê Duẩn	800	445	170			
20	Đường Lê Lợi	Giao với đường Lê Duẩn	Đường Võ Nguyên Giáp	455	225	140			
21	Phố Kim Đồng	Đường Võ Nguyên Giáp	Phố Chu Văn An	235	140	85			
22	Phố Quang Trung	Đường Võ Nguyên Giáp	Đường Trường Chinh	350	180	95			
23	Đường Trường Chinh	Đường Võ Nguyên Giáp (Đi Tp Lai Châu cũ)	Đường Võ Nguyên Giáp (Đi Chấn Nưa cũ)	290	130	85			
24	Phố Âu Cơ	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi	320	170	95			
25	Phố Lạc Long Quân	Đường Trường Chinh	Đường Lê Lợi	900	600	310			
26	Đường nội thị	Phố Trần Hưng Đạo	Cổng trường PTDT Nội trú	850	465	300			
27	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Dũng Phòng	Hết cổng trường THCS	800	405	250			
28	Đường nội thị	Ranh giới đất nhà bà Ninh - Khánh	Hết ranh giới đất nhà ông Páo	320	170	95			
29	Đường nội thị	Ranh giới đất Dãy nhà phía sau Thương nghiệp	Hết cổng kho Bạc	190	95	75			
30	Đường nội thị	Đường Lê Lợi	Hết bản Sín Hồ Vây	180	95	65			
31	Đường nội thị	Đường Lê Lợi	Tiếp giáp đường nội thị đoạn từ ranh giới đất nhà ông Hiền Hòa (giáp chợ) đến đầu cầu Hoàng Hồ	180	95	65			
32	Đường nội thị	Tiếp giáp đường lên bản Dao	Tiếp giáp đường Trường Chinh	180	95	65			
33	Đường nội thị	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết ranh giới đất nhà ông Vũ Đình Tây	455	225	140			
34	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Vũ Đình Tây	Đầu cầu Hoàng Hồ (giáp bản Hoàng Hồ)	280	135	85			
35	Đường nội thị	Đầu cầu Hoàng Hồ	Hết bản Hoàng Hồ	190	95	75			
36	Đường nội thị	Tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp (đi Chấn Nưa)	Đường Lê Lợi đến tiếp giáp suối Hoàng Hồ	190	95	75			
37	Đường nội thị	Tiếp giáp Đường Lê Lợi	Đường nội thị (Đoạn từ tiếp giáp Đường Võ Nguyên Giáp (đi Chấn Nưa) đến đầu cầu Hoàng Hồ)	190	95	75			
38	Đường nội thị giáp dãy nhà phía Tây chợ	Ranh giới đất nhà ông Võ-Cúc	Hết ranh giới đất nhà ông Đình - Cáp	610	365	185			
39	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Sín Hồ cũ			170	80	65			

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
40	Xã Sà Dê Phìn cũ, xã Phăng Sô Lin cũ, xã Tả Phìn cũ)			170	80	65			
XX	XÃ HỒNG THU			340	170	140			
1	Xã Hồng Thu cũ, xã Phìn Hồ cũ			340	170	140			
2	Xã Ma Quai cũ			340	170	140			
XXI	XÃ NẬM TẮM			340	170	140			
1	Xã Nậm Tắm cũ			320	170	95			
2	Xã Lũng Thàng cũ, xã Nậm Cha cũ			110					
XXII	XÃ PU SAM CÁP			85	55	32	53	32	32
1	Xã Pa Khóa cũ, xã Noong Héo cũ								
2	Xã Pu Sam Cáp cũ			85	55	32	53	32	32
XXIII	XÃ NẬM CUỐI			96	55	33	54	32	32
1	Xã Nậm Hân cũ								
2	Xã Nậm Cuối cũ			190	80	56	65	43	33
XXIV	XÃ NẬM MẠ			92	55	32	53	32	32
1	Xã Nậm Mạ (gồm xã Căn Co cũ, xã Nậm Mạ cũ)								
XXV	XÃ LÊ LỢI			96	55	33	54	32	32
1	Xã Pú Dao cũ			66	32	32	32	32	32
2	Xã Nậm Pi cũ								
3	Xã Chân Nưa cũ			66	32	32	32	32	32
4	Xã Lê Lợi cũ			96	55	33	54	32	32
XXVI	XÃ NẬM HÀNG								
1	Đường Lê Thái Tổ	Từ tiếp giáp phố Tô Vĩnh Diện	Tiếp giáp Đường Phan Đình Giót	96	55	33	54	32	32
2	Đường Lê Thái Tổ	Tiếp giáp đường Phan Đình Giót	Cổng Trường THPT						
3	Đường Lê Thái Tổ	Cổng Trường THPT	Khu Trung tâm hành chính	65	46	33	42	32	32
4	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng cũ	Hết cầu Nậm Dòn	55	32	21	32	21	21
5	Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp cầu Nậm Dòn	Đường Lê Thái Tổ	185	79	54	65	43	33
6	Đường Phan Đình Giót	Tiếp giáp Đường Nguyễn Trãi	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	80	58	44	53	32	32
7	Đường Nội thị	Tiếp giáp Phố Tô Vĩnh Diện	Sau nhà nghỉ Phương Huyền						
8	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Trường Chinh	Sau Trường THCS thị trấn Nậm Nhùn cũ	445	355	205			
9	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Manh cũ	450					
10	Đường Nội thị	Tiếp giáp Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng cũ (đi bản Nậm Cây)	700	600	350			
11	Đường Lê Duẩn	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	215	140	95			
12	Đường Tôn Thất Tùng	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Hết cầu Nậm Nhùn	260	180	115			
13	Đường Lò Văn Hặc	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Cuối đường (tiếp giáp đường Sông Đà)	420	320	230			
14	Đường Vừ A Dính	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Qua đài truyền hình +500m	420	320	230			
15	Đường Sông Đà	Tiếp giáp đường Võ Nguyên Giáp	Đường bến cảng nghiêng	420	320	230			
16	Đường Sông Đà	Tiếp giáp Đường bến cảng nghiêng	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	135	85	75			
17	Đường Bế Văn Đàn	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Giáp ngã ba đi bản Noong Kiêng, Nậm Cây	175	130	95			
18	Đường Bế Văn Đàn	Giáp ngã ba đi bản Noong Kiêng	Hết Nhà văn hóa bản Noong Kiêng	600					
19	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp Đường Tôn Thất Tùng	Cầu Nậm Manh	370	295	170			
20	Tỉnh Lộ 127 (đường mới)	Tiếp giáp đường Nguyễn Hữu Thọ	Tiếp giáp địa phận xã Nậm Hàng cũ	200	135	110			
21	Tỉnh lộ 127	Cầu Nậm Nhùn	Tiếp giáp ngã 3 bản Nậm Nhùn	200	135	110			
22	Đường Trường Chinh	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	140	95	75			

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
23	Đường Nguyễn Văn Linh	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Bờ kè sông Đà	135	85	75			
24	Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp Đường Trường Chinh	Bờ kè sông Đà	175	115	85			
25	Đường Lê Hồng Phong	Tiếp giáp đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp đường Trường Chinh	130	100	75			
26	Đường Lê Quý Đôn	Giao đường Lê Thái Tổ	Giao với bờ kè sông Đà	175	115	85			
27	Đường Võ Nguyên Giáp	Tiếp giáp Đường Lê Thái Tổ	Tiếp giáp đường Tôn Thất Tùng	200	135	95			
28	Phố Tô Vĩnh Diện	Giao với đường Phan Đình Giót	Giao với đường Lê Thái Tổ	200	135	95			
29	Phố Hoàng Công Chất	Giao với đường Lê Thái Tổ	Trụ sở UBND xã thị trấn Nậm Nhùn cũ	600	270	190			
30	Đường Nội thị (B1)	Từ tiếp giáp đường Trường Chinh	Tiếp giáp đường Lê Thái Tổ	600					
31	Đường Nội thị (D4)	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	600					
32	Đường Nội thị (D5)	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp đường Nguyễn Văn Linh	600					
33	Đường Nội thị (D9)	Tiếp giáp Đường Hà Huy Tập	Tiếp giáp đường Lê Quý Đôn	420	320	230			
34	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Nậm Nhùn cũ			370	300	170			
35	Xã Nậm Hàng cũ			420					
36	Xã Nậm Mạnh cũ			600					
XXVII	XÃ MƯỜNG MÔ			600					
1	Xã Mường Mô cũ			600					
2	Xã Nậm Chà cũ			600					
XXVIII	XÃ HUA BUM			600					
1	Xã Hua Bum cũ			84					
2	Xã Vàng San cũ thuộc huyện Mường Tè cũ			80	58	44	53	32	32
XXIX	XÃ PA TẦN			65	44	32	42	32	32
1	Xã Pa Tần cũ								
2	Xã Nậm Ban cũ			86	59	45	54	32	32
3	Xã Trung Chải cũ			55	32	21	32	21	21
XXX	XÃ BUM NỪA								
1	Xã Bum Nưa cũ			71	46	32	43	32	32
2	Xã Pa Vệ Sủ cũ			70	44	32	42	32	32
XXXI	XÃ BUM TỠ								
1	Đường Điện Biên Phủ	Cầu Mường Tè 1	Nhà ông Sung Giang	233	101	63	65	43	33
2	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Sung Giang	Hết ranh giới bến xe khách	55	32	21	32	21	21
3	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp bến xe	Dốc Phiêng Ban (Hết ranh giới ông Phan văn Thái)	71	46	32	43	32	32
4	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Phan Văn Thái	Tiếp giáp Nhà ông Quang Thiều						
5	Đường Điện Biên Phủ	Nhà ông Quang Thiều	Hết nhà ông Linh	170	120	79	110	65	65
6	Đường Điện Biên Phủ	Tiếp giáp nhà ông Linh	Giáp địa phận xã Bum Nưa	55	42	32	42	23	23
7	Đường Chu Văn An	Ranh giới đất Đài truyền hình	Ngã tư đường Võ Nguyên Giáp						
8	Đường Chu Văn An	Ngã tư đường Võ Nguyên Giáp	Đường Điện Biên Phủ (Km 280+800)	530	310	266			
9	Đường Chu Văn An	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km 280+00)	Hết ranh giới công ty Thương Mại	680	355	244			
10	Đường Chu Văn An	Tiếp giáp với công ty Thương Mại	Tiếp giáp Đài truyền hình	530	310	266			
11	Đường Trần Phú	Đường Điện Biên Phủ (Km 280+00)	Phố 25/1	620	340	255			
12	Đường Hồ Tùng Mậu	Đường Điện Biên Phủ Km 279+800	Đường Điện Biên Phủ Km 280+500	620	340	255			
13	Đường nội thị	Đường Chu Văn An	Hết đường bê tông tiếp giáp bản Mần	590	328	260			
14	Đường nội thị	Đường Điện Biên Phủ (nhà dưng hạnh)	Đến bờ kè tam cấp (thôn 8)	620	340	255			
15	Đường nội thị	Tiếp giáp cổng trung tâm GDTX	Hết đất nhà bà Chim (thôn 2)	620	340	255			
16	Đường nội thị	Trường THCS	Tiếp giáp ranh giới đất nhà ông Đại Cả	620	340	255			

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
17	Đường nội thị	Tiếp giáp ranh giới đất nhà bà Pa	Đến nhà Lý Ma Xá	560	310	243			
18	Đường nội thị	Đường Điện Biên Phủ	Đường Võ Nguyên Giáp	620	340	255			
19	Đường nội thị	Đường Chu Văn An	Giáp bờ kè suối Nậm Cầu (thôn 10)	620	340	255			
20	Đường nội thị	Trụ sở UBND thị trấn cũ	nhà ông Vàng Văn Thắng (đạo)	440	283	243			
21	Phố Ngô Quyền	Đường Điện Biên Phủ (Km 283+200)	Km 0+330 (hết tuyến đường bê tông)	440	283	243			
22	Phố Nguyễn Bình Khiêm	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+900)	Hết ranh giới đất TTGDTX	470	306	238			
23	Phố Đào Trọng Lịch	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+800)	Tiếp giáp ranh giới đất BCH quân sự	440	283	243			
24	Phố Lý Thường Kiệt	Đường Điện Biên Phủ (Km 282+700)	Nhà Văn hóa thôn 2	470	306	238			
25	Phố Phạm Ngũ Lão	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+200)	Trung tâm GDTX cũ	440	283	243			
26	Phố Lý Tự Trọng	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+300)	Nhà VH bản Bo	450	350				
27	Phố Lê Quý Đôn	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+100)	Km 00+550 (hết tuyến đường nhựa)	500	300	225			
28	Phố Kim Đồng	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+500)	Trường THCS thị trấn Mường Tè cũ	440	283	243			
29	Phố Trần Văn Thọ	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+150)	Đường Điện Biên Phủ (Km 281+100)	440	283	243			
30	Đường Nậm Bum	Đường Chu Văn An (Vị trí - Trại tạm giam công an huyện)	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	440	283	243			
31	Đường Nậm Bum	Tiếp giáp phố Nguyễn Thị Minh Khai	Ngã ba đi trung tâm xã Vàng San	440	283	243			
32	Đường Lê Đại Hành	Giao với đường Điện Biên Phủ (VT vòng xuyên khu phố 12 cũ)	Đường Nậm Bum (VT trường mầm non thị trấn cũ)	440	283	243			
33	Đường Võ Nguyên Giáp	Quán Quê Hương (thôn 10)	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km283+700)	440	283	243			
34	Đường Nguyễn Hữu Thọ	Giao với đường Điện Biên Phủ (nhà Hoa Anh)	PETROLIMEX- Cửa hàng 06	440	283	243			
35	Đường nội thị (Đường vòng bờ kè suối Nậm Cầu)	Cầu Nậm Cầu mới	Giao với đường 32m (Gần cầu TĐC khu phố 1)	440	283	243			
36	Phố Tôn Thất Tùng	Đường Điện Biên Phủ (Km279+200)	Trung tâm y tế	400	300				
37	Phố Nguyễn Thị Minh Khai	Đường Lê Đại Hành	Ngã ba đi trung tâm xã Vàng San cũ	340					
38	Phố Cù Chính Lan	Đường Lê Đại Hành	Nhà ông Phòng (Huyền)	340	243	195			
39	Phố Nguyễn Tuấn	Đường Võ Nguyên Giáp	Km00+350 (hết tuyến đường nhựa)	620	340	266			
40	Phố Võ Thị Sáu	Nhà VH khu phố 12	Km00+350 (hết tuyến đường nhựa)	1.256	718	538			
41	Đường Phan Đình Giót	Đường Điện Biên Phủ (Km279+400)	Trụ sở Công ty THHH MTV Liên Phương	550					
42	Đường nội thị	Đường Điện Biên Phủ	Đường Võ Nguyên Giáp	680	355	310			
43	Đường nội thị (Đường vòng bờ kè suối Nậm Cầu)	Cầu Nậm Cầu mới	Giao với đường 32m (Gần cầu TĐC khu phố 1)	440	283	243			
44	Đường Trần Đại Nghĩa	Giao với đường Điện Biên Phủ (Km284+00 đến QL4H)	Nhà máy thủy điện Nậm Xi Lường Tỉnh	840	410	310			
45	Các vị trí còn lại trên địa bàn thị trấn Mường Tè cũ			840	410	310			
46	Xã Can Hồ cũ			770	385	294			
47	Xã Bum Tở cũ			940	460	326			
XXXII	XÃ MƯỜNG TÈ			620	340	255			
1	Xã Mường Tè cũ			440	283	243			
2	Xã Nậm Khao cũ			680	355	310			
XXXIII	XÃ THU LŨM			375	300	225			
1	Xã Ka Lăng cũ			90					
2	Xã Thu Lũm cũ			85	60	44	55	32	32
XXXIV	XÃ PA Ủ			70	45	32	42	32	32
1	Xã Pa Ủ cũ								
2	Xã Tá Bạ cũ			85	60	44	55	32	32
XXXV	XÃ MÙ CẢ			75	46	33	43	32	32
1	Xã Mù Cả								

STT	Tên đường	Đoạn đường		Giá đất					
				Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực 3
		Từ	Đến	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3	Vị trí 1	Vị trí 2	
XXXVI	XÃ TÀ TÔNG			71	46	33	43	32	32
1	Xã Tà Tông			70	44	32	42	32	32
XXXIV	XÃ PA Û								
1	Xã Pa Û cũ			60	42	32	43	24	24
2	Xã Tà Bạ cũ			55	42	32	42	23	23
XXXV	XÃ MÙ CẢ								
1	Xã Mù Cả			57	43	32	43	22	22
XXXVI	XÃ TÀ TÔNG								
1	Xã Tà Tông			57	43	32	43	22	22

PHỤ LỤC VII: BẢNG GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 100/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Loại đất nông nghiệp	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
I	PHƯỜNG TÂN PHONG			
1	Đất chuyên trồng lúa	41	37	35
2	Đất trồng lúa còn lại	40	36	30
3	Đất trồng cây hàng năm khác	38	32	27
4	Đất trồng cây lâu năm	40	36	30
5	Đất nuôi trồng thủy sản	40	36	30
6	Đất nương rẫy	32	29	24
7	Đất chăn nuôi tập trung	41	37	35
8	Đất rừng sản xuất	8		
II	PHƯỜNG ĐOÀN KẾT			
1	Đất chuyên trồng lúa	41	37	35
2	Đất trồng lúa còn lại	40	36	30
3	Đất trồng cây hàng năm khác	38	32	29
4	Đất trồng cây lâu năm	40	36	30
5	Đất nuôi trồng thủy sản	40	36	30
6	Đất nương rẫy	32	29	24
7	Đất chăn nuôi tập trung	41	37	35
8	Đất rừng sản xuất	8		
III	XÃ MUỜNG KIM			
1	Đất chuyên trồng lúa	43	39	38
2	Đất trồng lúa còn lại	40	36	30
3	Đất trồng cây hàng năm khác	39	35	29
4	Đất trồng cây lâu năm	40	36	30
5	Đất nuôi trồng thủy sản	40	36	30
6	Đất nương rẫy	36	31	27
7	Đất chăn nuôi tập trung	43	39	38
8	Đất rừng sản xuất	8		
IV	XÃ KHOEN ON			
1	Đất chuyên trồng lúa	41	38	36
2	Đất trồng lúa còn lại	38	33	28
3	Đất trồng cây hàng năm khác	36	31	27
4	Đất trồng cây lâu năm	38	33	28
5	Đất nuôi trồng thủy sản	38	33	28
6	Đất nương rẫy	32	29	24
7	Đất rừng sản xuất	8		
8	Đất chăn nuôi tập trung	41	38	36
V	XÃ THAN UYÊN			
1	Đất chuyên trồng lúa	43	39	38
2	Đất trồng lúa còn lại	40	36	30
3	Đất trồng cây hàng năm khác	39	35	29
4	Đất trồng cây lâu năm	40	36	30
5	Đất nuôi trồng thủy sản	40	36	30
6	Đất nương rẫy	36	31	27
7	Đất chăn nuôi tập trung	43	39	38
8	Đất rừng sản xuất	8		
VI	XÃ MUỜNG THAN			
1	Đất chuyên trồng lúa	43	39	38

STT	Loại đất nông nghiệp	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
2	Đất trồng lúa còn lại	40	36	30
3	Đất trồng cây hàng năm khác	39	35	29
4	Đất trồng cây lâu năm	40	36	30
5	Đất nuôi trồng thủy sản	40	36	30
6	Đất nương rẫy	36	31	27
7	Đất chăn nuôi tập trung	43	39	38
8	Đất rừng sản xuất	8		
VII	XÃ PẮC TA			
1	Đất chuyên trồng lúa	40	37	35
2	Đất trồng lúa còn lại	38	33	28
3	Đất trồng cây hàng năm khác	36	31	27
4	Đất trồng cây lâu năm	38	33	28
5	Đất nuôi trồng thủy sản	38	33	28
6	Đất nương rẫy	30	27	22
7	Đất chăn nuôi tập trung	40	37	35
8	Đất rừng sản xuất	8		
VIII	XÃ NẬM SỎ			
1	Đất chuyên trồng lúa	37	35	31
2	Đất trồng lúa còn lại	33	31	26
3	Đất trồng cây hàng năm khác	31	27	25
4	Đất trồng cây lâu năm	33	31	26
5	Đất nuôi trồng thủy sản	33	31	26
6	Đất nương rẫy	27	25	19
7	Đất chăn nuôi tập trung	37	35	31
7	Đất rừng sản xuất	8		
IX	XÃ TÂN UYÊN			
1	Đất chuyên trồng lúa	42	38	36
2	Đất trồng lúa còn lại	40	36	30
3	Đất trồng cây hàng năm khác	38	32	29
4	Đất trồng cây lâu năm	40	36	30
5	Đất nuôi trồng thủy sản	40	36	30
6	Đất nương rẫy	32	29	24
7	Đất chăn nuôi tập trung	42	38	36
8	Đất rừng sản xuất	8		
X	XÃ MUỜNG KHOA			
1	Đất chuyên trồng lúa	42	38	36
2	Đất trồng lúa còn lại	40	36	30
3	Đất trồng cây hàng năm khác	38	32	29
4	Đất trồng cây lâu năm	40	36	30
5	Đất nuôi trồng thủy sản	40	36	30
6	Đất nương rẫy	32	29	24
7	Đất chăn nuôi tập trung	42	38	36
8	Đất rừng sản xuất	8		
XII	XÃ BẮN BO			
1	Đất chuyên trồng lúa	40	37	35
2	Đất trồng lúa còn lại	38	33	28
3	Đất trồng cây hàng năm khác	36	31	27
4	Đất trồng cây lâu năm	38	33	28
5	Đất nuôi trồng thủy sản	38	33	28
6	Đất nương rẫy	30	27	22
7	Đất chăn nuôi tập trung	40	37	35

STT	Loại đất nông nghiệp	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
8	Đất rừng sản xuất	8		
XII	XÃ BÌNH LƯ			
1	Đất chuyên trồng lúa	42	38	36
2	Đất trồng lúa còn lại	40	36	30
3	Đất trồng cây hàng năm khác	38	32	29
4	Đất trồng cây lâu năm	40	36	30
5	Đất nuôi trồng thủy sản	40	36	30
6	Đất nương rẫy	32	29	24
7	Đất chăn nuôi tập trung	42	38	36
8	Đất rừng sản xuất	8		
XIII	XÃ TẢ LÈNG			
1	Đất chuyên trồng lúa	40	37	35
2	Đất trồng lúa còn lại	38	33	28
3	Đất trồng cây hàng năm khác	36	31	27
4	Đất trồng cây lâu năm	38	33	28
5	Đất nuôi trồng thủy sản	38	33	28
6	Đất nương rẫy	30	27	22
7	Đất chăn nuôi tập trung	40	37	35
8	Đất rừng sản xuất	8		
XIV	XÃ KHUN HÁ			
1	Đất chuyên trồng lúa	37	35	31
2	Đất trồng lúa còn lại	33	31	26
3	Đất trồng cây hàng năm khác	32	30	25
4	Đất trồng cây lâu năm	33	31	26
5	Đất nuôi trồng thủy sản	33	31	26
6	Đất nương rẫy	27	25	19
7	Đất chăn nuôi tập trung	37	35	31
8	Đất rừng sản xuất	8		
XV	XÃ SIN SUỐI HỒ			
1	Đất chuyên trồng lúa	40	37	35
2	Đất trồng lúa còn lại	38	33	28
3	Đất trồng cây hàng năm khác	36	31	27
4	Đất trồng cây lâu năm	38	33	28
5	Đất nuôi trồng thủy sản	38	33	28
6	Đất nương rẫy	30	27	22
7	Đất chăn nuôi tập trung	40	37	35
8	Đất rừng sản xuất	8		
XVI	XÃ PHONG THỎ			
1	Đất chuyên trồng lúa	40	37	35
2	Đất trồng lúa còn lại	40	36	30
3	Đất trồng cây hàng năm khác	38	32	29
4	Đất trồng cây lâu năm	40	36	30
5	Đất nuôi trồng thủy sản	40	36	30
6	Đất nương rẫy	32	29	24
7	Đất chăn nuôi tập trung	40	37	35
8	Đất rừng sản xuất	8		
XVII	XÃ ĐÀO SAN			
1	Đất chuyên trồng lúa	37	35	31
2	Đất trồng lúa còn lại	33	31	26
3	Đất trồng cây hàng năm khác	31	27	25
4	Đất trồng cây lâu năm	33	31	26

STT	Loại đất nông nghiệp	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
5	Đất nuôi trồng thủy sản	33	31	26
6	Đất nương rẫy	27	25	19
7	Đất chăn nuôi tập trung	37	35	31
8	Đất rừng sản xuất	8		
XVIII	XÃ SÌ LỖ LẦU			
1	Đất chuyên trồng lúa	37	35	31
2	Đất trồng lúa còn lại	33	31	26
3	Đất trồng cây hàng năm khác	31	27	25
4	Đất trồng cây lâu năm	33	31	26
5	Đất nuôi trồng thủy sản	33	31	26
6	Đất nương rẫy	27	25	19
7	Đất chăn nuôi tập trung	37	35	31
8	Đất rừng sản xuất	8		
XIX	XÃ KHÔNG LÀO			
1	Đất chuyên trồng lúa	42	38	36
2	Đất trồng lúa còn lại	40	36	30
3	Đất trồng cây hàng năm khác	38	32	29
4	Đất trồng cây lâu năm	40	36	30
5	Đất nuôi trồng thủy sản	40	36	30
6	Đất nương rẫy	32	29	24
7	Đất chăn nuôi tập trung	42	38	36
8	Đất rừng sản xuất	8		
XX	XÃ TỬA SÍN CHẢI			
1	Đất chuyên trồng lúa	36	31	29
2	Đất trồng lúa còn lại	31	29	24
3	Đất trồng cây hàng năm khác	30	27	22
4	Đất trồng cây lâu năm	31	29	24
5	Đất nuôi trồng thủy sản	31	29	24
6	Đất nương rẫy	24	22	17
7	Đất chăn nuôi tập trung	36	31	29
8	Đất rừng sản xuất	7		
XXI	XÃ SÌN HỒ			
1	Đất chuyên trồng lúa	40	37	31
2	Đất trồng lúa còn lại	38	33	28
3	Đất trồng cây hàng năm khác	36	32	26
4	Đất trồng cây lâu năm	38	33	28
5	Đất nuôi trồng thủy sản	38	33	28
6	Đất nương rẫy	30	27	22
7	Đất chăn nuôi tập trung	40	37	31
8	Đất rừng sản xuất	7		
XXII	XÃ HỒNG THU			
1	Đất chuyên trồng lúa	36	31	29
2	Đất trồng lúa còn lại	31	29	24
3	Đất trồng cây hàng năm khác	30	27	22
4	Đất trồng cây lâu năm	31	29	24
5	Đất nuôi trồng thủy sản	31	29	24
6	Đất nương rẫy	24	22	17
7	Đất chăn nuôi tập trung	36	31	29
8	Đất rừng sản xuất	7		
XXIII	XÃ NẠM TÂM			
1	Đất chuyên trồng lúa	38	36	30

STT	Loại đất nông nghiệp	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
2	Đất trồng lúa còn lại	33	31	26
3	Đất trồng cây hàng năm khác	33	29	25
4	Đất trồng cây lâu năm	33	31	26
5	Đất nuôi trồng thủy sản	33	31	26
6	Đất nương rẫy	27	24	19
7	Đất chăn nuôi tập trung	38	36	30
8	Đất rừng sản xuất	7		
XXIV	XÃ PU SAM CÁP			
1	Đất chuyên trồng lúa	36	31	29
2	Đất trồng lúa còn lại	31	29	24
3	Đất trồng cây hàng năm khác	30	27	22
4	Đất trồng cây lâu năm	31	29	24
5	Đất nuôi trồng thủy sản	31	29	24
6	Đất nương rẫy	24	22	17
7	Đất chăn nuôi tập trung	36	31	29
8	Đất rừng sản xuất	7		
XXV	XÃ NẬM CUỐI			
1	Đất chuyên trồng lúa	36	31	29
2	Đất trồng lúa còn lại	31	29	24
3	Đất trồng cây hàng năm khác	30	27	22
4	Đất trồng cây lâu năm	31	29	24
5	Đất nuôi trồng thủy sản	31	29	24
6	Đất nương rẫy	24	22	17
7	Đất chăn nuôi tập trung	36	31	29
8	Đất rừng sản xuất	7		
XXVI	XÃ NẬM MẠ			
1	Đất chuyên trồng lúa	36	31	29
2	Đất trồng lúa còn lại	31	29	24
3	Đất trồng cây hàng năm khác	30	27	22
4	Đất trồng cây lâu năm	31	29	24
5	Đất nuôi trồng thủy sản	31	29	24
6	Đất nương rẫy	24	22	17
7	Đất chăn nuôi tập trung	36	31	29
8	Đất rừng sản xuất	7		
XXVII	XÃ LÊ LỢI			
1	Đất chuyên trồng lúa	40	37	31
2	Đất trồng lúa còn lại	38	33	28
3	Đất trồng cây hàng năm khác	36	32	26
4	Đất trồng cây lâu năm	38	33	28
5	Đất nuôi trồng thủy sản	38	33	28
6	Đất nương rẫy	30	27	22
7	Đất chăn nuôi tập trung	40	37	31
8	Đất rừng sản xuất	7		
XXVIII	XÃ NẬM HÀNG			
1	Đất chuyên trồng lúa	40	37	31
2	Đất trồng lúa còn lại	38	33	28
3	Đất trồng cây hàng năm khác	36	32	26
4	Đất trồng cây lâu năm	38	33	28
5	Đất nuôi trồng thủy sản	38	33	28
6	Đất nương rẫy	30	27	22
7	Đất chăn nuôi tập trung	40	37	31

STT	Loại đất nông nghiệp	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
8	Đất rừng sản xuất	7		
XXIX	XÃ MUỜNG MÔ			
1	Đất chuyên trồng lúa	40	37	31
2	Đất trồng lúa còn lại	38	33	28
3	Đất trồng cây hàng năm khác	36	32	26
4	Đất trồng cây lâu năm	38	33	28
5	Đất nuôi trồng thủy sản	38	33	28
6	Đất nương rẫy	30	27	22
7	Đất chăn nuôi tập trung	40	37	31
8	Đất rừng sản xuất	7		
XXX	XÃ HUA BUM			
1	Đất chuyên trồng lúa	38	36	30
2	Đất trồng lúa còn lại	33	31	26
3	Đất trồng cây hàng năm khác	33	29	25
4	Đất trồng cây lâu năm	33	31	26
5	Đất nuôi trồng thủy sản	33	31	26
6	Đất nương rẫy	27	24	19
7	Đất chăn nuôi tập trung	38	36	30
8	Đất rừng sản xuất	7		
XXXI	XÃ PA TẦN			
1	Đất chuyên trồng lúa	38	36	30
2	Đất trồng lúa còn lại	33	31	26
3	Đất trồng cây hàng năm khác	33	29	25
4	Đất trồng cây lâu năm	33	31	26
5	Đất nuôi trồng thủy sản	33	31	26
6	Đất nương rẫy	27	24	19
7	Đất chăn nuôi tập trung	38	36	30
8	Đất rừng sản xuất	7		
XXXII	XÃ BUM NỬA			
1	Đất chuyên trồng lúa	40	37	31
2	Đất trồng lúa còn lại	38	33	28
3	Đất trồng cây hàng năm khác	36	32	26
4	Đất trồng cây lâu năm	38	33	28
5	Đất nuôi trồng thủy sản	38	33	28
6	Đất nương rẫy	30	27	22
7	Đất chăn nuôi tập trung	40	37	31
8	Đất rừng sản xuất	7		
XXXIII	XÃ BUM TỔ			
1	Đất chuyên trồng lúa	40	37	31
2	Đất trồng lúa còn lại	38	33	28
3	Đất trồng cây hàng năm khác	36	32	26
4	Đất trồng cây lâu năm	38	33	28
5	Đất nuôi trồng thủy sản	38	33	28
6	Đất nương rẫy	30	27	22
7	Đất chăn nuôi tập trung	40	37	31
8	Đất rừng sản xuất	7		
XXXIV	XÃ MUỜNG TÈ			
1	Đất chuyên trồng lúa	40	37	31
2	Đất trồng lúa còn lại	38	33	28
3	Đất trồng cây hàng năm khác	36	32	26
4	Đất trồng cây lâu năm	38	33	28

STT	Loại đất nông nghiệp	Giá đất		
		Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
5	Đất nuôi trồng thủy sản	38	33	28
6	Đất nương rẫy	30	27	22
7	Đất chăn nuôi tập trung	40	37	31
8	Đất rừng sản xuất	7		
XXXV	XÃ THU LŨM			
1	Đất chuyên trồng lúa	38	36	30
2	Đất trồng lúa còn lại	33	31	26
3	Đất trồng cây hàng năm khác	33	29	25
4	Đất trồng cây lâu năm	33	31	26
5	Đất nuôi trồng thủy sản	33	31	26
6	Đất nương rẫy	27	24	19
7	Đất chăn nuôi tập trung	38	36	30
8	Đất rừng sản xuất	7		
XXXVI	XÃ PA Ủ			
1	Đất chuyên trồng lúa	36	31	29
2	Đất trồng lúa còn lại	31	29	24
3	Đất trồng cây hàng năm khác	30	27	22
4	Đất trồng cây lâu năm	31	29	24
5	Đất nuôi trồng thủy sản	31	29	24
6	Đất nương rẫy	24	22	17
7	Đất chăn nuôi tập trung	36	31	29
8	Đất rừng sản xuất	7		
XXXVII	XÃ MŨ CẢ			
1	Đất chuyên trồng lúa	36	31	29
2	Đất trồng lúa còn lại	31	29	24
3	Đất trồng cây hàng năm khác	30	27	22
4	Đất trồng cây lâu năm	31	29	24
5	Đất nuôi trồng thủy sản	31	29	24
6	Đất nương rẫy	24	22	17
7	Đất chăn nuôi tập trung	36	31	29
8	Đất rừng sản xuất	7		
XXXVIII	XÃ TÀ TỔNG			
1	Đất chuyên trồng lúa	36	31	29
2	Đất trồng lúa còn lại	31	29	24
3	Đất trồng cây hàng năm khác	30	27	22
4	Đất trồng cây lâu năm	31	29	24
5	Đất nuôi trồng thủy sản	31	29	24
6	Đất nương rẫy	24	22	17
7	Đất chăn nuôi tập trung	36	31	29
8	Đất rừng sản xuất	7		

PHỤ LỤC VIII: BẢNG GIÁ ĐẤT SỬ DỤNG CHO HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 100/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Giá đất					
I	Khu vực đô thị	VT1	VT2	VT3	Vị trí còn lại		
1	Phường Tân Phong	2.000	620	300	120		
2	Phường Đoàn Kết	2.300	450	250	120		
II	Khu vực nông thôn	Khu vực 1			Khu vực 2		Khu vực
		VT1	VT2	VT3	VT1	VT2	
1	Xã Mường Kim	430	230	140	130	70	53
2	Xã Khoen On	260	180	120	130	65	54
3	Xã Than Uyên	1.600	520	280			
4	Xã Mường Than	550	280	150	220	130	70
5	Xã Pắc Ta	260	160	120	150	95	65
6	Xã Nậm Sỏ	70	56	43	55	43	33
7	Xã Tân Uyên	1.100	610	510	120	76	58
8	Xã Mường Khoa	300	210	140	160	95	75
9	Xã Bản Bo	180	59	34	57	43	43
10	Xã Bình Lư	940	190	100	93	61	42
11	Xã Tả Lèng	120	55	33	55	42	42
12	Xã Khun Há	196	57	54	55	42	42
13	Xã Sin Suối Hồ	190	100	65	116	74	42
14	Xã Phong Thổ	830	420	240	130	84	48
15	Xã Đào San	200	100	65	120	74	43
16	Xã Sì Lở Lầu	160	85	55	75	55	43
17	Xã Khổng Lào	250	130	80	120	85	56
18	Xã Tủa Sín Chải	96	55	33	54	32	32
19	Xã Sìn Hồ	490	330	170	53	32	32
20	Xã Hồng Thu	96	55	33	54	32	32
21	Xã Nậm Tăm	190	80	56	65	43	33
22	Xã Pu Sam Cáp	96	55	33	54	32	32
23	Xã Nậm Cuối	96	55	33	54	32	32
24	Xã Nậm Mạ	96	55	33	54	32	32
25	Xã Lê Lợi	190	79	54	65	43	33
26	Xã Nậm Hàng	380	320	190	48	32	32
27	Xã Mường Mô	86	59	45	54	32	32
28	Xã Hua Bum	71	46	32	43	32	32
29	Xã Pa Tần	190	80	56	65	43	33
30	Xã Bum Nưa	170	120	79	110	65	65
31	Xã Bum Tở	510	250	180	49	32	32
32	Xã Mường Tè	85	60	44	55	32	32
33	Xã Thu Lũm	71	46	33	43	32	32
34	Xã Pa Ủ	60	42	32	43	24	24
35	Xã Mù Cá	57	43	32	43	22	22
36	Xã Tả Tổng	57	43	32	43	22	22

PHỤ LỤC IX: BẢNG GIÁ ĐẤT KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

(Bản này kèm theo Nghị quyết số: 100/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên đơn vị hành chính	Đoạn đường		Giá đất		
		Từ	Đến	VT1	VT2	VT3
I	CỤM CÔNG NGHIỆP THAN UYÊN					
1	Đường trục chính cụm công nghiệp Than Uyên	Tiếp giáp QL 32	Cuối đường	217	126	53